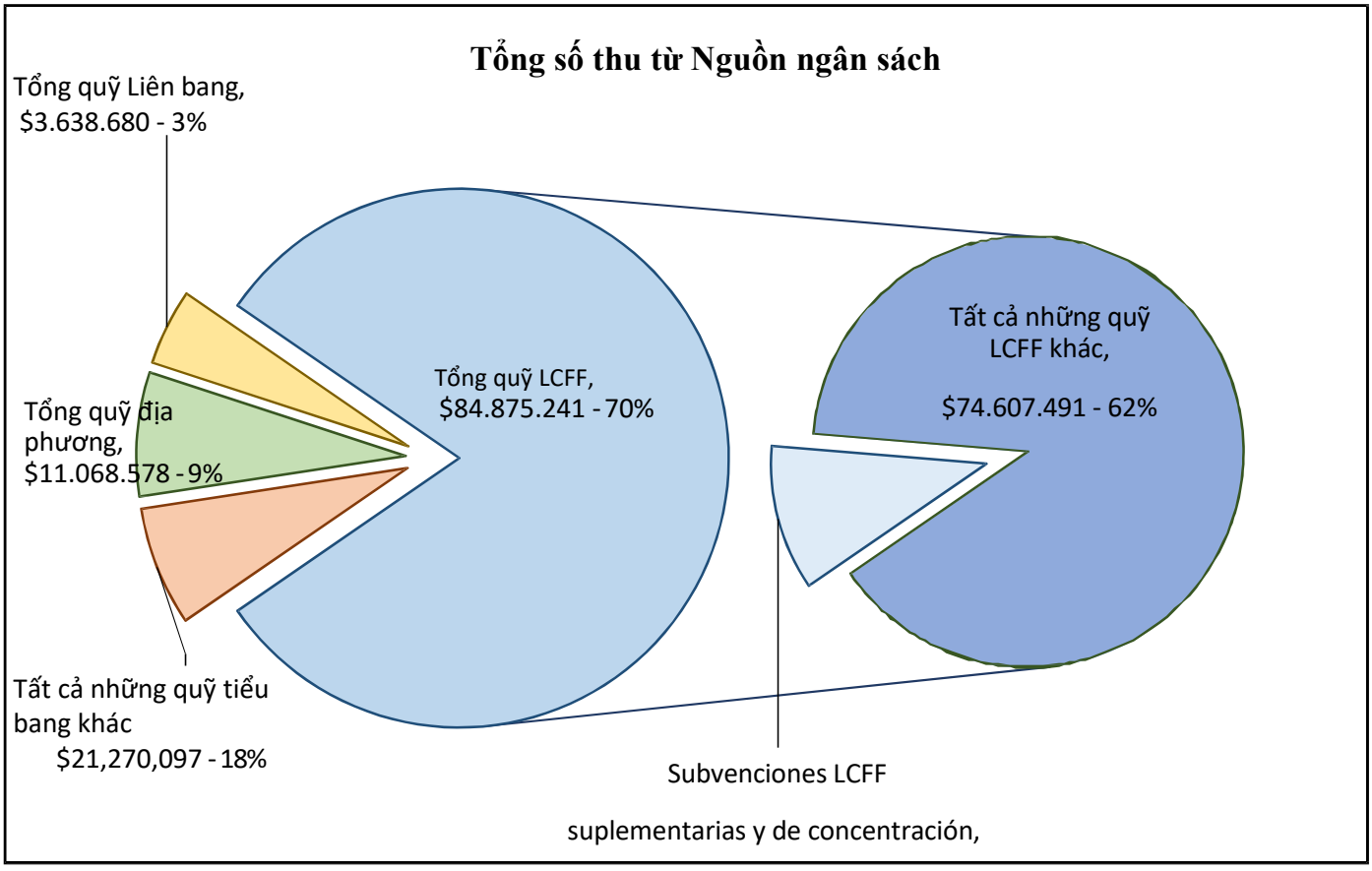
Tổng Quan Ngân Sách LCFF cho Phụ Huynh

Tên Cơ Quan Giáo Dục Địa Phương (LEA): Học Khu Ocean View
Mã số CDS: 30666130000000
Năm học: 2026-27
Thông tin Liên lạc của LEA:
Julianne Hoefer
Giám thị Học khu
jhoefer@ovsd.org
714-847-2551

Các học khu nhận ngân sách từ nhiều nguồn khác nhau theo Phương thức Phân bổ Tài trợ Giáo dục Địa phương (LCFF), các ngân sách từ tiểu bang khác, ngân sách địa phương, và ngân sách từ chính phủ liên bang. Ngân sách LCFF bao gồm mức mốc chuẩn cho tất cả LEA và các tài trợ bổ sung – được gọi là tài trợ (bổ sung và tập trung" – cho LEA dựa trên mức ghi danh của các học sinh có nhu cầu cao (trẻ em được chăm sóc thay thế, học sinh học tiếng anh, và học sinh trong gia đình có thu nhập thấp).

Tổng Quan Ngân Sách cho Năm Học 2026-27



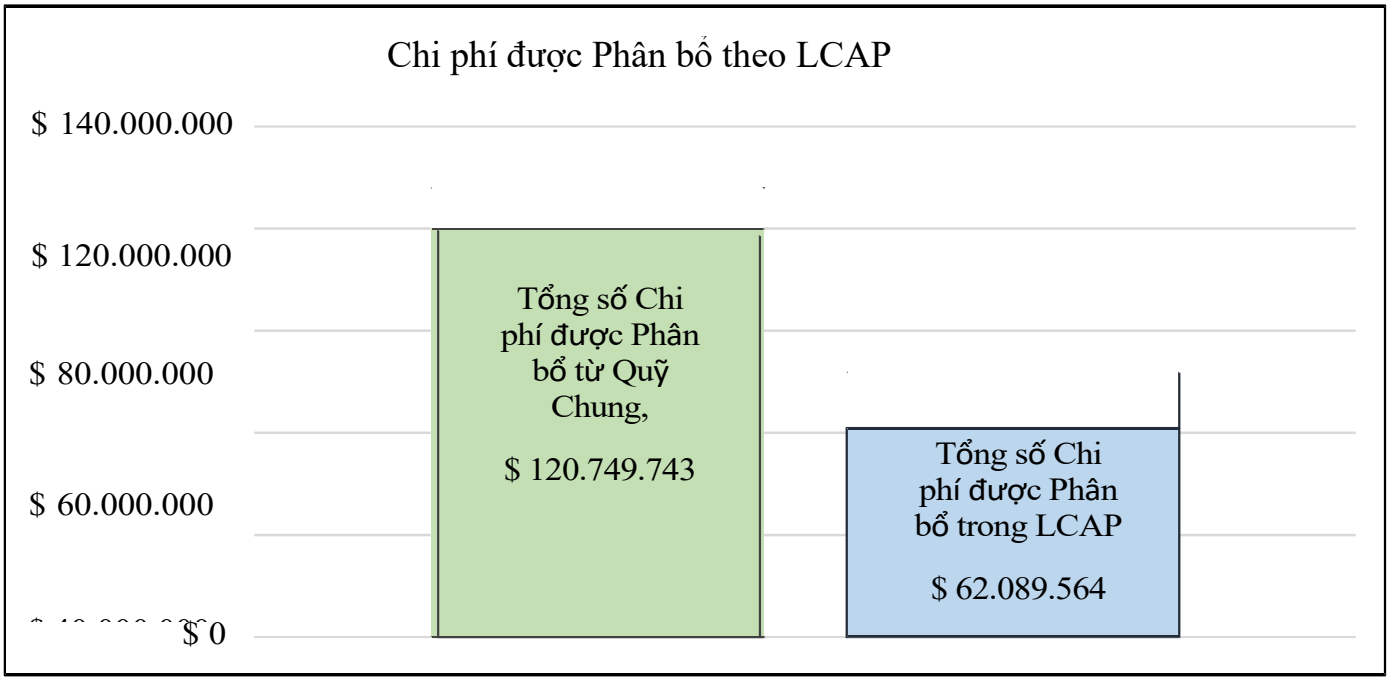
Biểu đồ này cho thấy toàn bộ doanh thu cho các mục đích chung mà Học khu Ocean view ước tính sẽ nhận trong năm tới từ tất cả các nguồn.

Phần mô tả bằng chữ cho biểu đồ phía trên là như sau: Tổng số tiền từ các nguồn tài trợ được ước tính cho Học khu Ocean View là $120.852.596, mà trong đó $84.875.241,00 là theo Phương thức Phân bổ Tài trợ Giáo dục Địa phương (LCFF), $21.270.097 là các khoản tài trợ khác từ tiểu bang, $11.068.578 là các tài trợ địa phương, và $3.638.680 là tài trợ từ chính phủ liên bang. Trong $84.875.241,00 của Quỹ LCFF, $10.267.750,00 được

phát sinh từ con số ghi danh của các học sinh có nhu cầu cao (trẻ em được chăm sóc thay thế, học sinh học tiếng Anh, và học sinh trong gia đình có thu nhập thấp).

. Tổng Quan Ngân Sách LCFF cho Phụ Huynh

Quỹ LCFF cho các học khu sự uyển chuyển trong việc quyết định việc sử dụng các nguồn tài trợ từ tiểu bang. Ngược lại, các học khu phải cộng tác với phụ huynh, các nhà giáo dục, học sinh và cộng đồng để thiết kế một Kế hoạch Kiểm soát và Trách nhiệm Địa phương (LCAP) mà cho thấy họ sẽ dùng những tài trợ này để phục vụ học sinh.



Biểu đồ này tóm tắt ngắn gọn Học khu Ocean View có kế hoạch chi tiêu như thế nào cho 2026-2027. Nó cho thấy bao nhiêu của tổng số được cột vào các hoạt động đã lên kế hoạch và các dịch vụ trong LCAP.

Phần mô tả bằng chữ cho biểu đồ phía trên là như sau: Học khu Ocean View dự tính sẽ dùng $12.749.743 cho năm học 2026-27. Trong con số đó, $62.089.564 được gắn liền với các hoạt động/dịch vụ trong LCAP và $58.660.179 là không được bao gồm trong LCAP. Các khoản chi phí đã ước tính mà không được bao gồm trong LCAP sẽ được dùng cho những điều sau:

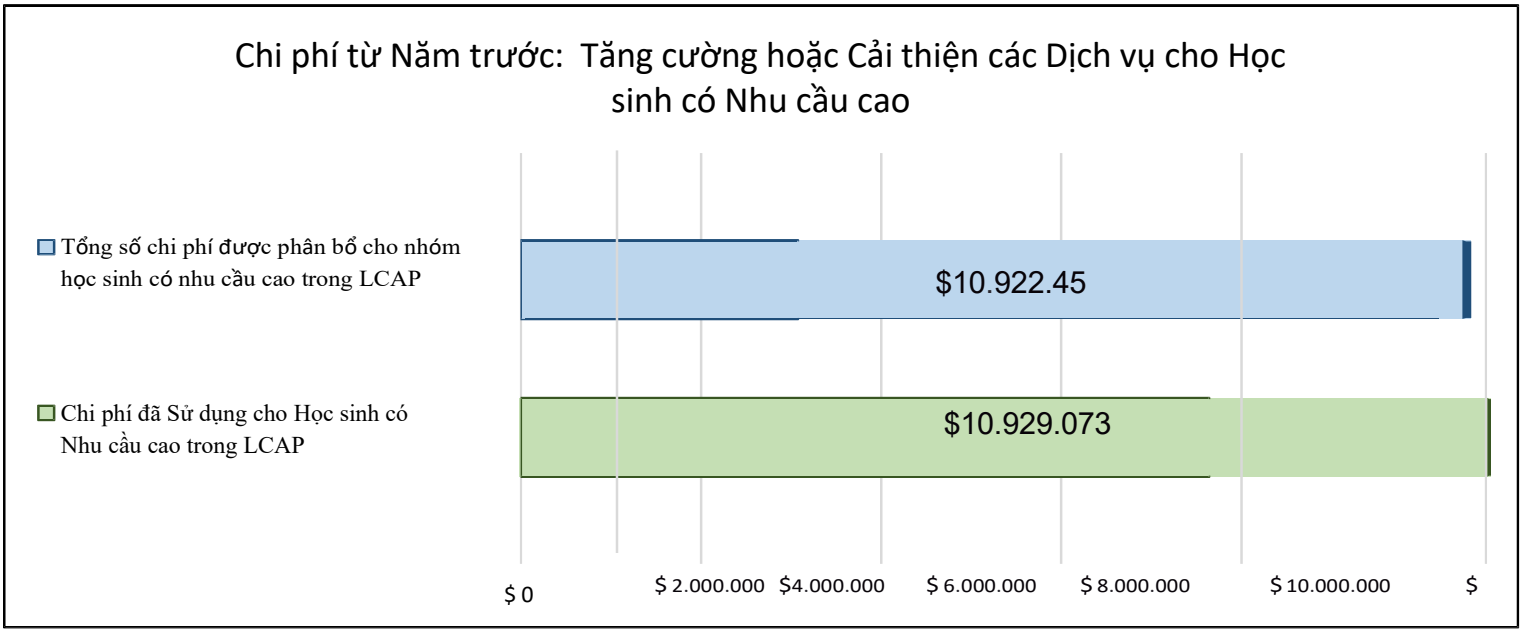
Các chi phí hoạt động mà không trực tiếp hướng đến thành quả của học sinh và các kết quả, ví dụ như chuyên chở, tiện ích, và bảo trì/hoạt động sẽ không được bao gồm trong đó. Ngoài ra, những chương trình khác như Giáo dục Đặc biệt, các chương trình phân loại theo Liên bang và Tiểu bang, và Chăm sóc trẻ cũng không được bao gồm trong LCAP.

Những Dịch vụ được Tăng cường hoặc Cải thiện cho Học sinh có Nhu cầu cao trong LCAP cho Năm học 2026-27

Trong 2026-27, Học khu Ocean View ước tính họ sẽ nhận $10.267.750 dựa trên con số ghi danh từ trẻ em được chăm sóc thay thế, học sinh học tiếng Anh, và học sinh trong gia đình thu nhập thấp. Học khu Ocean View phải mô tả họ có kế hoạch như thế nào để tăng trưởng hoặc cải thiện các dịch vụ cho học sinh có nhu cầu cao trong LCAP. Học khu Ocean View lên kế hoạch chi tiêu $11.061.538 để đạt yêu cầu này, như đã mô tả trong LCAP.

Tổng Quan Ngân Sách LCFF cho Phụ Huynh

Cập nhập về các Dịch vụ đã được Tăng cường hoặc Cải thiện cho Các Học sinh có Nhu cầu Cao trong 2025-26



Biểu đồ này so sánh những gì Học khu Ocean View đã phân bổ năm trước cho các hoạt động và dịch vụ mà đã đóng góp cho việc tăng cường hoặc cải thiện những dịch vụ cho học sinh có nhu cầu cao với những gì mà Học khu Ocean View ước tính họ đã chi tiêu cho các hoạt động và dịch vụ mà đóng góp vào việc tăng cường hoặc cải thiện những dịch vụ cho học sinh có nhu cầu cao trong năm hiện tại.

Phần mô tả bằng chữ của biểu đồ phía trên là như sau: Trong 2025-26, LCAP của Học khu Ocean View đã phân bổ $10.922.456 cho các hoạt động đã được lên kế hoạch để tăng cường hoặc cải thiện những dịch vụ cho học sinh có nhu cầu cao. Học khu Ocean View School thật ra đã chi tiêu $10.929.073 cho các hoạt động để tăng cường hoặc cải thiện dịch vụ cho những học sinh có nhu cầu cao

Kế Hoạch Kiểm soát và Trách nhiệm địa phương

Hướng dẫn hoàn thành Kế Hoạch Kiểm soát và Trách nhiệm Địa phương (LCAP) tuân theo mẫu có sẵn.

Tên Cơ quan Giáo dục Địa phương (LEA)	Tên & Chức danh Người liên hệ	Điện thư & Điện thoại
Học khu Ocean View	Julianne Hoefer Giám thị Học khu	jhoefer@ovsd.org;714-847-2551 x1310 714-847-2551

Tóm tắt Kế hoạch [2026-2027]

Thông tin chung

Mô tả về cơ quan giáo dục địa phương (LEA), các trường học và học sinh của cơ quan này từ bậc mẫu giáo chuyển tiếp đến lớp 12, nếu có thể áp dụng cho LEA. Các LEA cũng có thể cung cấp thông tin về kế hoạch chiến lược, tầm nhìn, v.v.

Học khu Ocean View (OVSD) phục vụ khoảng 6,929 học sinh từ lớp mẫu giáo chuyển tiếp đến lớp tám và gia đình của các em tại các cộng đồng thành phố Huntington Beach, Fountain Valley, Westminster và Midway. Học khu bao gồm mười trường tiểu học và ba trường trung học cơ sở, với khoảng 1.054 nhân viên hỗ trợ việc học tập và sức khỏe tinh thần và thể xác của học sinh.

Thông qua một đội ngũ quản trị vững mạnh, Hội đồng Quản trị cam kết vì thành tích học tập của học sinh, các chương trình đổi mới, sự đối thoại cởi mở và tham gia có ý nghĩa của tất cả các đối tác giáo dục. Cam kết này được thể hiện qua sự đồng nhất của Kế hoạch tổng thể OVSD, Kế hoạch Kiểm soát và Trách nhiệm Địa phương (LCAP) và Kế hoạch

Đánh giá lại: Hiệu suất Hằng năm

Đánh giá lại hiệu suất hoạt động hằng năm dựa trên việc xem xét lại Dữ liệu các Trường California và dữ liệu địa phương.

Trong năm học 2025-2026, Học khu Ocean View tập trung vào việc tăng cường thành tích học tập, sự tham gia và khả năng tiếp cận giáo dục của học sinh thông qua việc triển khai Thiết kế Học tập Phổ quát (UDL), phương pháp giảng dạy dựa trên dữ liệu và mở rộng hỗ trợ cho các nhóm học sinh.

Theo Báo cáo Dữ liệu các Trường California các Trường học California, nhóm Học sinh Nói chung đạt mức Xanh lá cây ở môn Ngữ văn Anh và Đình chỉ học tập, mức Vàng ở môn Toán và Chỉ số Tiến độ Học sinh Học tiếng Anh (ELPI), và mức Cam ở Vắng mặt Thường xuyên, cho thấy những điểm mạnh cũng như những lĩnh vực vẫn tiếp tục cần có sự cải thiện.

Dữ liệu đánh giá theo địa phương từ bài kiểm tra chẩn đoán iReady, được thực hiện ba lần một năm, cho thấy sự tiến bộ vượt bậc của học sinh cả trong môn Ngữ văn Anh và Toán. vào đầu năm học, khoảng 38% học sinh đang theo đúng lộ trình trong môn đọc và 28% trong môn toán. Đến tháng 5 năm 2026, 58% học sinh đạt hoặc vượt mức kỳ vọng của lớp trong môn Ngữ văn Anh và 54% trong môn toán. Sự tiến bộ này phản ánh tác động của phương pháp giảng dạy phân hóa, hỗ trợ các nhóm nhỏ được hướng đến và việc sử dụng dữ liệu để định hướng giảng dạy.

Mặc dù có sự tăng trưởng này, dữ liệu trên Báo cáo Dữ liệu các Trường California cho thấy một số nhóm học sinh vẫn tiếp tục có kết quả học tập dưới mức chuẩn. Học sinh Khuyết tật và Học sinh học tiếng Anh Dài hạn đạt mức Đỏ ở cả môn Ngữ văn Anh và Toán. Học sinh học tiếng Anh, Học sinh trong Gia đình có Thu nhập thấp, Trẻ em được Chăm sóc Thay thế và Học sinh Vô gia cư cũng có kết quả học tập dưới mức chuẩn trong nhiều chỉ số. Tình trạng Vắng mặt Thường xuyên vẫn là một vấn đề đáng lo ngại, với nhóm Học sinh Nói chung ở mức Cam và các nhóm Học sinh Khuyết tật, Trẻ em được Chăm sóc Thay thế và Học sinh Học tiếng Anh Dài hạn.

Ở cấp trường, nhiều trường báo cáo kết quả học tập và chuyên cần ở Mức Đỏ đối với Học sinh Khuyết tật và Học sinh Học tiếng Anh dài hạn. Những kết quả này nhấn mạnh sự cần thiết phải tiếp tục hỗ trợ có mục tiêu và thực hiện đồng nhất các phương pháp

giảng dạy và tương tác hiệu quả trong toàn trường. Những nỗ lực cải thiện môi trường học đường và sự tham gia của học sinh đã góp phần mang lại kết quả tích cực về tỷ lệ Đình chỉ học tập, vốn vẫn ở mức thấp trên toàn học khu. Việc áp dụng PBIS, các biện pháp phục hồi và tăng cường tiếp cận với tư vấn và hỗ trợ sức khỏe tâm thần đã hỗ trợ cải thiện hành vi và sự tham gia của học sinh thông qua khuôn khổ MTSS của chúng tôi. Tỷ lệ chuyên cần nhìn chung đã được cải thiện; tuy nhiên, tình trạng vắng mặt thường xuyên vẫn tiếp tục ảnh hưởng một cách không cân xứng đến một số nhóm học sinh cụ thể.

Bảng Dữ liệu các Trường học Calilornia:

Học khu năm 2025: NGỮ VĂN TIẾNG ANH
Học sinh Nói chung: Xanh lá cây (Duy trì -1,3 điểm; cao hơn chuẩn 12,8 điểm)
Học sinh Học tiếng Anh: Cam (Duy trì -1,9 điểm; -46,5 điểm dưới mức chuẩn)
Thu nhập thấp: Cam (Giảm 3,3 điểm; -19,4 điểm dưới mức chuẩn)
Học sinh Khuyết tật: Đỏ (Giảm 6,9 điểm; -83,2 điểm dưới mức chuẩn)
Trẻ em được Chăm sóc Thay thế: Cam (Tăng 11 điểm; -85,4 điểm dưới mức chuẩn)
Học sinh Vô gia cư: Cam (Giảm 7,6 điểm; -40,6 điểm dưới mức Tiêu chuẩn)
Học sinh Học tiếng Anh Dài hạn: Đỏ (Giảm 8,6 điểm; -105,8 điểm dưới mức chuẩn)

Các địa điểm sau đây có nhóm học sinh đạt mức hiệu suất thấp nhất trong một hoặc nhiều chỉ số cấp tiểu bang theo Báo cáo Dữ liệu năm 2025:
Trường: NGỮ VĂN ANH
Harbour View: Đỏ (Học sinh Khuyết tật)

Lake View: Đỏ (Học sinh Khuyết tật)
Mesa View: Đỏ (Học sinh Khuyết tật)
Oak View: Đỏ (Học sinh Khuyết tật)
Vista View: Đỏ (Học sinh Khuyết tật và Học sinh Học tiếng Anh Dài hạn)
Westmont: Đỏ (Học sinh Khuyết tật)

Nhóm học sinh sau đây đã nhận được mức độ thành tích thấp nhất trong một hoặc nhiều chỉ số của tiểu bang theo Báo cáo Dữ liệu năm 2023:

Học khu: NGỮ VĂN ANH
Trẻ em được Chăm sóc Thay thế: Đỏ

Trường: NGỮ VĂN ANH
Mesa View: Đỏ (Học sinh Khuyết tật)
Spring View: Đỏ (Học sinh Vô gia cư)
Village View: Đỏ (Học sinh Khuyết tật)

Học khu năm 2025: TOÁN
Học sinh Nói chung: Vàng (Duy trì -2,1 điểm; -2,9 điểm dưới mức chuẩn)
Học sinh Học tiếng Anh: Cam (Duy trì -0,2 điểm; -57,7 điểm dưới mức chuẩn)
Thu nhập thấp: Cam (Duy trì ở mức 0,4 điểm; thấp hơn mức chuẩn 16,3 điểm)
Học sinh Khuyết tật: Đỏ (Giảm 12,1 điểm; -10,5 điểm dưới mức chuẩn)
Trẻ em được Chăm sóc Thay thế: Vàng (Tăng 49,9 điểm; thấp hơn Tiêu chuẩn 94,1 điểm)
Học sinh Vô gia cư: Cam (Giảm -9,8 điểm; thấp hơn Tiêu chuẩn -57,1 điểm)
Học sinh Học tiếng Anh Dài hạn: Đỏ (Giảm 10,8 điểm; -14,5 điểm dưới mức chuẩn)

Các địa điểm sau đây có nhóm học sinh đạt mức hiệu suất thấp nhất trong một hoặc nhiều chỉ số cấp tiểu bang theo Báo cáo Dữ liệu năm 2025:
Trường: TOÁN
Golden View: Đỏ (Học sinh Khuyết tật)
Harbour View: Đỏ (Học sinh Khuyết tật)
Marine View: Đỏ (Học sinh Khuyết tật)
Mesa View: Đỏ (Học sinh Khuyết tật và Học sinh Học tiếng Anh Dài hạn)
Vista View: Đỏ (Học sinh Khuyết tật và Học sinh Học tiếng Anh Dài hạn)

Westmont: Đỏ (Học sinh Khuyết tật)

Nhóm học sinh sau đây đã nhận được mức độ thành tích thấp nhất trong một hoặc nhiều chỉ số của tiểu bang theo Báo cáo Dữ liệu năm 2023:
Trường: TOÁN
Marine View: Đỏ (Học sinh Học tiếng Anh)
Spring View: Đỏ (Học sinh Vô gia cư)
Village View: Đỏ (Học sinh Khuyết tật)
Vista View: Đỏ (Học sinh Khuyết tật)

Học khu 2025: Chỉ số Năng lực tiếng Anh (ELPI)
Vàng (Đã duy trì -1,7%; 45.5% đang có sự tiến bộ)

Không có trường nào có nhóm học sinh được đánh giá có mức hiệu suất thấp nhất trong 1 hay nhiều hơn chỉ số của tiểu bang trong Bảng Dữ liệu các Trường:

Các nhóm học sinh sau đây đã được đánh giá có mức hiệu suất thấp nhất trong 1 hay nhiều hơn chỉ số của tiểu bang trong Bảng Dữ liệu các Trường 2023
Trường: CHỈ SỐ THÀNH THẠO ANH NGỮ (ELPI)
Spring View: Đỏ
Vista View: Đỏ

Học khu năm 2025: TÌNH TRẠNG VẮNG MẶT THƯỜNG XUYÊN
Tất cả học sinh: Cam (Tỷ lệ duy trì 0,1%; 11,8%)
Học sinh Học tiếng Anh: Cam (Duy trì -0,1%; 15,7%)
Thu nhập thấp: Cam (Duy trì ở mức 0,4%; 16,3%)
Học sinh Khuyết tật: Đỏ (Tỷ lệ duy trì -0,2%; 22,8%)
Trẻ em được Chăm sóc Thay thế: Đỏ (Tăng 10,1%; 32,5%)
Học sinh Vô gia cư: Vàng (Giảm 2,4%; 18,5%)
Học sinh Học tiếng Anh Dài hạn: (Tăng 1,8%; 23,3%)

Các địa điểm sau đây có nhóm học sinh đạt mức hiệu suất thấp nhất trong một hoặc nhiều chỉ số cấp tiểu bang theo Báo cáo Dữ liệu năm 2025:
Trường: VẮNG MẶT THƯỜNG XUYÊN
Circle View: Đỏ (Học sinh Khuyết tật và Học sinh trong Gia đình có Thu nhập thấp)
College View: Đỏ (Học sinh Khuyết tật)

Golden View: Đỏ (Học sinh Vô gia cư)
Harbour View: Đỏ (Học sinh Khuyết tật và Học sinh trong Gia đình có Thu nhập thấp)
Hope View: Đỏ (Học sinh Khuyết tật)
Marine View: Đỏ (Thu nhập thấp, người gốc Tây Ban Nha và người thuộc hai hoặc nhiều chủng tộc)
Mesa View: Đỏ (Học sinh Khuyết tật và Học sinh Học tiếng Anh Dài hạn)
Vista View: Đỏ (Học sinh Học tiếng Anh, Vô gia cư, Có khuyết tật, Gốc Tây-ban-nha, Học tiếng Anh dài hạn)
Nhóm học sinh sau đây đã nhận được mức độ thành tích thấp nhất trong một hoặc nhiều chỉ số của tiểu bang theo Báo cáo Dữ liệu các Trường CA năm 2023:
Trường: VẮNG MẶT THƯỜNG XUYÊN
Circle View: Đỏ (Học sinh Khuyết tật)
College View: Đỏ (Học sinh gốc Tây Ban Nha)
Hope View: Đỏ (Học sinh Học tiếng Anh)
Mesa View: Đỏ (Học sinh Học tiếng Anh và Học sinh Vô gia cư)
Village View: Đỏ (Học sinh Khuyết tật)

Học khu năm 2025: ĐÌNH CHỈ HỌC TẬP
Học sinh Nói chung: Xanh lá cây (Giảm 0,5%; 0,8%)
Học sinh Học tiếng Anh: Vàng (Tỷ lệ duy trì 0,1%; 1,9%)
Thu nhập thấp: Xanh lá cây (Giảm 0,5%; 1,2%)
Học sinh Khuyết tật: Xanh lá cây (Giảm 0,5%; 1,9%)
Trẻ em được Chăm sóc Thay thế: Cam (Giảm 1,9% trở lên; 8,3%)
Học sinh Vô gia cư: Xanh lá cây (Giảm 1,2%; 1,1%)
Học sinh Học tiếng Anh Dài hạn: Đỏ (Tăng 1,4%; 7,3%)
Học sinh người Mỹ gốc Phi Châu: Cam (Duy trì -0,2%, 3,4%)

Trường sau đây liệt kê các nhóm học sinh đạt mức hiệu suất thấp nhất trong một hoặc nhiều chỉ số cấp tiểu bang theo Báo cáo Dữ liệu năm 2025:
Trường: ĐÌNH CHỈ HỌC TẬP
Mesa View: Đỏ (Học sinh Học tiếng Anh, Học sinh Khuyết tật và Học sinh Học tiếng Anh Dài hạn)

Nhóm học sinh sau đây đã nhận được mức độ thành tích thấp nhất trong một hoặc nhiều chỉ số của tiểu bang trên Báo cáo Dữ liệu năm 2023:
Học khu: ĐÌNH CHỈ HỌC TẬP
Trẻ em được Chăm sóc Thay thế: Đỏ
Học sinh Mỹ gốc Phi Châu: Đỏ

Trường: ĐÌNH CHỈ HỌC TẬP
Marine View: Đỏ (Các nhóm Học sinh Học tiếng Anh, Thu nhập thấp, Khuyết tật và Gốc Tây Ban Nha)
Mesa View: Đỏ (Các nhóm Học sinh Học tiếng Anh, Thu nhập thấp, Khuyết tật và Gốc Tây Ban Nha)
Học khu năm 2025: KHOA HỌC
Nhóm Học sinh Nói chung: Xanh lá cây (Duy trì 1,8 điểm; 59,8 điểm)
Học sinh Học tiếng Anh: Vàng (Duy trì 0,8 điểm; 45,5 điểm môn khoa học)
Gốc Tây Ban Nha: Vàng (Giữ nguyên 0,3 điểm; 49,4 điểm khoa học)
Vô gia cư: Xanh lá cây (Tăng 2,6 điểm; 50,5 điểm khoa học)
Thu nhập thấp: Xanh lá cây (Tăng 2,1 điểm; 53,1 điểm khoa học)
Học sinh Khuyết tật: Cam (Duy trì -1,58 điểm; 40,3 điểm môn khoa học)
Học sinh Học tiếng Anh Dài hạn: Đỏ (Duy trì -1,9 điểm, 32,6 điểm môn khoa học)

Hoạt động bồi dưỡng chuyên môn trong suốt năm tập trung vào việc giảng dạy về môn viết, kỹ năng đọc viết sớm và ngữ âm, hỗ trợ Học sinh Học tiếng Anh, và mở rộng việc sử dụng dữ liệu từ i-Ready và Universal Reading Screener (Amira) để định hướng giảng dạy. Những nỗ lực này đã tăng cường năng lực của giáo viên trong việc thực hiện giảng dạy phân hóa và đáp ứng nhu cầu của học sinh. Phát triển chuyên môn có mục tiêu cụ thể cũng hỗ trợ Học sinh Khuyết tật và các nhóm học sinh không-trùng-lặp khác.

Ý kiến đóng góp từ các đối tác giáo dục nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tăng cường mối quan hệ, tăng cường thu hút sự tham gia của học sinh và hỗ trợ sự ổn định về mặt cảm xúc-xã hội của học sinh. Những ưu tiên này phù hợp với trọng tâm liên tục của học khu trong việc cải thiện tỷ lệ chuyên cần, giảm tình trạng Vắng mặt thường xuyên và tăng cường sự kết nối giữa học sinh và nhân viên của học khu.

Sự chuyên cần và đình chỉ học tập tiếp tục là trọng tâm trong năm học 2025–26, đặc biệt đối với Học sinh Khuyết tật và Học sinh Học tiếng Anh Dài hạn. Kết quả từ Báo cáo Dữ liệu các Trường California và dữ liệu địa phương cho thấy, mặc dù tỷ lệ đình chỉ học tập nhìn chung vẫn ở mức thấp và tỷ lệ chuyên cần được cải thiện, nhưng một số nhóm học sinh vẫn tiếp tục có tỷ lệ vắng mặt thường xuyên và các sự cố kỷ luật cao hơn. Để giải quyết những vấn đề này, học khu đã tăng cường các biện pháp đồng nhất giữa các trường để theo dõi sự chuyên cần và hỗ trợ hành vi tích cực của học sinh. Các trường thường xuyên xem xét dữ liệu về chuyên cần và kỷ luật để xác định những học sinh cần hỗ trợ thêm và phối hợp chặt chẽ với gia đình để giải quyết các rào cản đối với việc đi học đều đặn.

Việc thông tin liên lạc rõ ràng, tiếp cận sớm và theo dõi liên tục đã giúp cải thiện sự tham gia và gắn kết của học sinh với trường học, được thể hiện qua sự giảm sút trong tỷ lệ vắng mặt thường xuyên, mức xanh lá cây trong phần đình chỉ học tập trên Báo cáo Dữ liệu các Trường California và 93% phụ huynh báo cáo rằng con em họ có ít nhất một mối liên hệ tích cực với người lớn ở trường.

Học khu cũng mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ tham vấn và hỗ trợ sức khỏe tâm thần, đồng thời tiếp tục thúc đẩy hành vi tích cực thông qua các kỳ vọng rõ ràng và các biện pháp thay thế cho việc đình chỉ học tập. Nhân viên nhận được sự hỗ trợ liên tục để tăng cường các hoạt động trong lớp học nhằm thúc đẩy sự tham gia của học sinh và giảm thiểu nhu cầu xử lý kỷ luật. Những nỗ lực này đã góp phần duy trì tỷ lệ đình chỉ học tập ở mức thấp và tiếp tục cải thiện tỷ lệ chuyên cần nói chung. Đồng thời, học khu nhận thấy cần phải giảm hơn nữa tình trạng vắng mặt thường xuyên và đình chỉ học tập đối với các nhóm học sinh mục tiêu. Trong thời gian tới, học khu sẽ tiếp tục xây dựng sự đồng nhất giữa các trường, tăng cường quan hệ đối tác với gia đình và cung cấp hỗ trợ kịp thời để đảm bảo tất cả học sinh đều được thu hút tham gia, được hỗ trợ và sẵn sàng để học. Sự gia tăng các mục tiêu khảo sát về môi trường học đường phản ánh sự tập trung liên tục này và o việc cải thiện nhận thức của học sinh về sự an toàn, kết nối và tôn trọng, những điều vẫn là ưu tiên chính được xác định thông qua phản hồi từ học sinh và các đối tác giáo dục.

Trong năm học 2025-2026, Học khu Ocean View được xác định cần Hỗ trợ Chuyên môn/Hỗ trợ Phân hóa dựa trên kết quả Báo cáo Dữ liệu các Trường California năm 2025 và sẽ tiếp tục hợp tác với các đối tác từ Sở Giáo Dục Quận để theo dõi tiến độ nhằm xác định và hỗ trợ tất cả các trường đáp ứng tiêu chí Hỗ trợ và Trợ giúp Mục tiêu Bổ sung (ATSI) và Hỗ trợ và Trợ giúp có Mục tiêu (TSI) và đẩy nhanh tiến độ cải thiện trên toàn học khu cho Học sinh Khuyết tật và Học sinh Học tiếng Anh Dài hạn để ra khỏi Diện Trợ giúp được Phân hóa (DAS). Học sinh Khuyết tật ở mức Đỏ các môn Ngữ văn tiếng Anh, toán, và Vắng mặt Thường xuyên, và Học sinh Học tiếng Anh Dài hạn ở mức Đỏ về Đình chỉ học tập và Vắng mặt Thường xuyên. Ngoài ra, Tiểu học College View đã được xác định là mục tiêu cho Hỗ trợ và Cải thiện (TSI), và Tiểu học Hope View được xác định là mục tiêu cho Hỗ trợ và Cải thiện Bổ Sung (ATSI), dựa trên sự Vắng mặt Thường xuyên của Học sinh Khuyết tật. Các biện pháp đưa ra để giải quyết các mảng này được ghi trong Hoạt động 2.3 và 2.4 của LCAP và trong các kế hoạch cấp trường. Để đáp ứng các nhu cầu được xác định, học khu sẽ tiếp tục củng cố việc giảng dạy theo dữ liệu, mở rộng các đánh giá tạm thời, và tăng cường tập trung vào môn toán học và đọc viết căn bản. Tiếp tục áp dụng các biện pháp UDL sẽ hỗ trợ việc tiếp cận sự giảng dạy chặt chẽ cho tất cả học sinh. Học khu cũng sẽ duy trì sự tập trung cao độ vào chuyên cần, thu hút sự tham gia, và hành vi thông qua việc theo dõi thường xuyên, can thiệp sớm, và mở rộng các quan hệ đối tác với gia đình.

Ngân quỹ cho Phục hồi Kiến thức Khẩn cấp
Theo sau một đánh giá nhu cầu tổng quát, Học khu Ocean View đã xác định rằng, giả sử có thêm ngân sách dành cho việc Phục hồi Kiến thức Khẩn cấp (LREBG), các ngân sách sẽ được dùng để hỗ trợ Hoạt động 1.2 và 3.2. Những biện pháp sử dụng theo kế hoạch này đã căn chỉnh với khoản chi phí cho phép mà bộ Luật Giáo dục California bắt buộc phải có để có ngân sách LREBG.

Dựa trên các đánh giá liên tục về nhu cầu, bất cứ ngân sách LREBG được nhận trong tương lai cho 2026-27 cũng sẽ tiếp tục được sử dụng để hỗ trợ Hoạt động 1.2 và 3.2 (với 275.000,00 Đô-la được sử dụng cho Hoạt động 1.2 và 170,635.00 Đô-la được sử dụng cho Hoạt động 3.2) để củng cố việc giảng dạy, mở rộng tiếp cận đến các trải nghiệm học tập chất lượng cao, và cải thiện sự tham gia và các kết quả của học sinh, cụ thể là các nhóm học sinh đang hiện có hiệu suất học tập ở mức Đỏ theo Báo cáo Dữ liệu các Trường CA, bao gồm Học sinh Khuyết tật, Học sinh Học tiếng Anh Dài hạn, Trẻ được Chăm sóc Thay thế, và học sinh Mỹ gốc Phi Châu.

Đánh giá lại: Hỗ trợ Chuyên môn

Khi có thể, đưa ra một tóm tắt về các biện pháp đang được thực hiện như là một phần trong hỗ trợ chuyên môn.

Suy ngẫm: Hỗ trợ Chuyên môn

Trong năm học 2025–26, Học khu Ocean View tiếp tục tham gia chương trình Hỗ trợ Phân hóa (Differentiated Assistance) hợp tác với Sở Giáo dục Quận Cam, tập trung vào việc cải thiện kết quả học tập cho Học sinh Khuyết tật và Học tiếng Anh dài hạn. Phân tích dữ liệu từ Bảng điều khiển trường học California, chương trình CAASPP và dữ liệu địa phương đã xác định các lĩnh vực cần cải thiện chính về thành tích học tập, tỷ lệ chuyên cần và tính đồng nhất của các hệ thống và thực tiễn giữa các trường học.

Để giải quyết những vấn đề này, học khu đã triển khai một phương pháp phối hợp phù hợp với Hoạt động 2.3 và 2.4. Thông qua Hoạt động 2.3, học khu đã tăng cường hỗ trợ học tập bằng cách cung cấp phát triển chuyên môn, thời gian hợp tác chuyên biệt và phân tích dữ liệu liên tục để hướng dẫn giảng dạy. Giáo viên tham gia vào các chu kỳ dữ liệu có cấu trúc để theo dõi tiến độ học tập của học sinh và lập kế hoạch giảng dạy và can thiệp khác biệt, bao gồm việc triển khai Thiết kế Học tập Phổ quát (UDL) để cải thiện khả năng tiếp cận nội dung ở cấp lớp. Các hỗ trợ bổ sung bao gồm sự hợp tác có mục tiêu giữa nhân viên giáo dục phổ thông và giáo dục đặc biệt và các nỗ lực tập trung ở trường trung học cơ sở để hỗ trợ Học tiếng Anh và Học tiếng Anh dài hạn. Những nỗ lực này bao gồm các cuộc họp thiết lập mục tiêu thường xuyên cho học sinh, xem xét dữ liệu ELPAC và iReady, theo dõi tiến độ hướng tới việc phân loại lại và hỗ trợ phối hợp từ giáo viên ELD, nhân viên hỗ trợ và quản trị viên để đảm bảo học sinh nhận được hướng dẫn và can thiệp học tập có mục tiêu.
Thông qua Hoạt động 2.4, học khu đã tăng cường các hệ thống để giải quyết các rào cản trong học tập liên quan đến việc đi học, hành vi và nhu cầu về mặt cảm xúc xã hội.

Học khu đã tiến hành phân tích nguyên nhân gốc rễ để nhằm xác định các nhu cầu về khả năng tiếp cận hướng dẫn, sự tham gia của gia đình, sự đồng nhất của hệ thống và năng lực lãnh đạo. Đáp lại, học khu đã triển khai các biện pháp giám sát việc đi học đồng nhất hơn, hệ thống can thiệp theo cấp bậc và hỗ trợ có mục tiêu cho Học sinh Khuyết tật và Học tiếng Anh dài hạn. Điều này bao gồm dữ liệu thường xuyên.

Các hoạt động bao gồm rà soát, sử dụng Aeries Analytics để xác định và theo dõi các nhóm học sinh, các chu kỳ can thiệp về chuyên cần có cấu trúc, và mở rộng hỗ trợ về sức khỏe tâm thần và tư vấn. Việc học tập và huấn luyện chuyên nghiệp đã hỗ trợ các nhà quản lý và nhân viên xây dựng kỹ năng để thu hút gia đình tham gia vào việc giao tiếp rõ ràng, đồng nhất và hỗ trợ về chuyên cần và thành công của học sinh. Các trường cũng đã triển khai các chiến lược mục tiêu để cải thiện chuyên cần và sự tham gia của Học tiếng Anh dài hạn, bao gồm giám sát thường xuyên thông qua các nhóm tại trường, can thiệp sớm với học sinh và gia đình, và sử dụng các biện pháp khuyến khích và giao tiếp đồng nhất để nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đi học hàng ngày.

Lãnh đạo cấp học khu và cấp trường tham gia giám sát tiến độ liên tục thông qua các cuộc họp hợp tác hiệu trưởng, các cuộc họp vận hành và hỗ trợ huấn luyện. Dữ liệu được xem xét thường xuyên để đánh giá hiệu quả của các chiến lược và điều chỉnh dựa trên nhu cầu

của học sinh. Học khu cũng củng cố sự song hành giữa thông điệp và các biện pháp trong tất cả các trường để đảm bảo sự đồng nhất về kỳ vọng và những hỗ trợ.

Những nỗ lực này đã tăng cường sự nhất quán xuyên suốt các hệ thống giảng dạy và hỗ trợ, củng cố khả năng của nhân viên, và cải thiện khả năng của học khu trong việc đáp ứng các nhu cầu về học thuật và thu hút sự tham gia của các nhóm Học sinh Khuyết tật và Học sinh Học tiếng Anh Dài hạn. Học khu cũng sẽ tiếp tục cải tiến

những biện pháp này để cải thiện thành quả của học sinh, sự chuyên cần và các kết quả tổng quát.

Hỗ trợ và Cải tiến Toàn diện

Cơ quan giáo dục địa phương (LEA) có những trường hội đủ điều kiện nhận hỗ trợ và cải thiện toàn diện phải trả lời các câu hỏi sau

Các trường được xác định

Danh sách các trường trong khu vực giáo dục địa phương (LEA) hội đủ điều kiện nhận hỗ trợ và cải thiện toàn diện

Không áp dụng

Hỗ trợ dành cho các trường đã được xác định

Phần mô tả cách LEA đã hoặc sẽ hỗ trợ các trường hội đủ điều kiện trong thiết kế các kế hoạch hỗ trợ và cải thiện toàn diện

Không áp dụng

Giám sát và Đánh giá mức hiệu quả

Mô tả cách LEA sẽ giám sát và đánh giá kế hoạch hỗ trợ học sinh và cải thiện nhà trường

Không áp dụng

Thu hút Đối tác Giáo dục

Tóm tắt quy trình được sử dụng để thu hút các đối tác giáo dục tham gia vào việc phát triển LCAP.

Tối thiểu, các học khu và sở giáo dục Học khu phải tham khảo ý kiến của giáo viên, hiệu trưởng, quản lý, nhân viên nhà trường khác, các đơn vị thương lượng địa phương, phụ huynh và học sinh trong quá trình xây dựng LCAP.

Tối thiểu, các trường bán công phải tham khảo ý kiến của giáo viên, hiệu trưởng, quản lý, nhân viên nhà trường khác, phụ huynh và học sinh trong quá trình xây dựng LCAP (Kế hoạch Phát triển Trường học Địa phương).

Cơ quan giáo dục địa phương (LEA) nhận quỹ Equity Multiplier cũng phải tham khảo ý kiến của các đối tác giáo dục tại các trường tạo ra quỹ Equity Multiplier trong quá trình xây dựng LCAP, cụ thể là trong việc xây dựng mục tiêu trọng tâm bắt buộc cho mỗi trường áp dụng.

Đối tác Giáo dục	Quy trình Tham gia
Đối tác Giáo dục	Quá trình tham vấn cho việc cập nhật LCAP năm học 2025–26 bao gồm nhiều cơ hội để các đối tác giáo dục đóng góp ý kiến trong suốt năm học. vào tháng 11, một cuộc khảo sát ý kiến đóng góp về phát triển LCAP dành cho Phụ huynh/Người giám hộ đã được tiến hành từ ngày 3 đến ngày 16 tháng 11 để thu thập phản hồi về các ưu tiên của học khu và các hoạt động được đề xuất. Giáo viên trường Ocean View cũng có thể đóng góp ý kiến có ý nghĩa vào cuộc khảo sát dành cho Phụ huynh/Người giám hộ này. Các cuộc họp Hội đồng trường đã được tổ chức từ ngày 3 đến ngày 19 tháng 11 để đảm bảo ý kiến đóng góp từ cấp trường, và các Nhóm tập trung học sinh đã diễn ra từ ngày 3 đến ngày 21 tháng 11 để nâng cao tiếng nói của học sinh từ lớp ba đến lớp tám. Các Diễn đàn Cộng đồng Phụ huynh đã được tổ chức vào ngày 5 tháng 11 và ngày 19 tháng 2 để tạo cơ hội cho các gia đình tham gia thảo luận và chia sẻ ý kiến. Sự tham gia bổ sung bao gồm tham vấn với Ủy ban Cố vấn Học tiếng Anh của Học khu (DELAC) vào ngày 6 tháng 11 và hợp tác với Học khu THPT Thống nhất Huntington Beach vào ngày 16 tháng 1. Vào tháng Hai, thêm ý kiến đóng góp đã được thu thập từ các nhóm đối tác giáo dục quan trọng, bao gồm Hiệp hội Nhân viên Trường học California (CSEA), Chi hội 375; Hội nghị bàn tròn của Chủ tịch PTA/O/PTSA/O; Nhóm Lãnh đạo Học khu; Câu lạc bộ Optimist Surf City; Liên minh Giáo dục Đặc biệt Miền Tây Học khu Cam (WOCCSE); và Hiệp hội Giáo viên Ocean View (OVTA). Trên tất cả các cơ hội tham gia, khoảng 750 đối tác giáo dục đã đóng góp ý kiến vào việc phát triển LCAP. Hội đồng quản trị đã nhận được thông tin cập nhật về quá trình hợp tác với các đối tác giáo dục, bao gồm phản hồi, hoạt động và số liệu liên quan đến dự thảo LCAP 2025–26 vào ngày 24 tháng 3, 14 tháng 4 và 28 tháng 4 năm 2026. Một phiên điều trần công khai đã

Đối tác Giáo dục	Quy trình Tham gia
	được tổ chức trong cuộc họp thường kỳ của Hội đồng quản trị vào ngày 9 tháng 6 năm 2026. Các sửa đổi cuối cùng đã được thực hiện sau phiên điều trần, và LCAP dự kiến sẽ được phê duyệt tại cuộc họp Hội đồng quản trị ngày 23 tháng 6 năm 2026. Học khu Ocean View coi trọng quan điểm của học sinh, gia đình, nhân viên và các đối tác cộng đồng, đồng thời Cam kết duy trì sự tham gia có ý nghĩa trong suốt quá trình xây dựng LCAP. Những ý kiến đóng góp trực tiếp từ các đối tác giáo dục đã giúp hoàn thiện các mục tiêu, hoạt động và dịch vụ, đảm bảo sự phù hợp với nhu cầu và ưu tiên đã được xác định. Việc liên tục trao đổi thông tin và tạo cơ hội tham gia giúp củng cố quan hệ đối tác và hỗ trợ cải tiến liên tục các chương trình và dịch vụ nhằm thúc đẩy sự thành công của học sinh.
Khảo sát ý kiến đóng góp của phụ huynh/người giám hộ về phát triển LCAP	Từ ngày 3 đến ngày 16 tháng 11 năm 2025
Hội đồng trường (SSC)	Bản dự thảo LCAP năm học 2025-2026 đã được trình bày trước Hội đồng trường/Ủy ban tư vấn ngôn ngữ tiếng Anh tại tất cả 13 trường học trong khoảng thời gian từ ngày 3 đến ngày 19 tháng 11 năm 2025.
Nhóm thảo luận tập trung với học sinh	Các nhóm thảo luận tập trung với học sinh đã được tổ chức với sự tham gia của đại diện học sinh từ lớp ba đến lớp tám trong khoảng thời gian từ ngày 3 đến ngày 21 tháng 11 năm 2025. Học sinh đã đóng góp ý kiến về quá trình học tập, sự tham gia, sức khỏe tâm thần, an toàn trường học và các ý tưởng để tạo ra một môi trường

Đối tác Giáo dục	Quy trình Tham gia
	học đường thân thiện và hỗ trợ.
Các cuộc họp cộng đồng phụ huynh	Bản dự thảo LCAP 2025-2026 đã được trình bày trong hai phiên họp buổi tối vào ngày 5 tháng 11 năm 2025 và ngày 19 tháng 2 năm 2026.
Ủy ban Tư vấn Học tiếng Anh cấp Học khu (DELAC)	Bản dự thảo LCAP năm 2025-2026 đã được trình bày trước Ủy ban Tư vấn Học tiếng Anh cấp Học khu vào ngày 6 tháng 11 năm 2025.
Ban phụ trách các Dịch vụ Giáo dục của Học khu THPT Thống nhất Huntington Beach	Bản dự thảo LCAP năm học 2025-2026 đã được trình lên Ban phụ trách các Dịch vụ Giáo dục thuộc Học khu THPT Thống nhất Huntington Beach vào ngày 16 tháng 1 năm 2026.
Hiệp hội Nhân viên Trường học California (CSEA), Chi hội 375 bao gồm các lãnh đạo nhân viên hành chính, đại diện thương lượng, đại diện các ban và nhà trường.	Bản dự thảo LCAP năm học 2025-2026 đã được trình lên cho Hiệp hội Nhân viên Trường học California tại OVSD, Chi hội 375 để nhận phản hồi vào ngày 2 tháng Hai, 2026. CSEA đã đồng ý với các mục tiêu và hoạt động được đề nghị.
Đội ngũ lãnh đạo - Bao gồm khoảng 55 lãnh đạo cấp Học khu có chứng chỉ và được phân loại: Giám thị Học khu, Phụ tá Giám thị Học khu, Phòng Hành chính, Phó Giám thị phụ trách Nhân sự, Phụ tá Giám thị Học khu lâm thời phụ trách Dịch vụ Giáo dục, Giám đốc Giảng dạy & Học tập, Điều phối viên các Chương trình Giảng dạy & Học tập & Giáo dục Mầm non, Điều phối viên Dịch vụ Học sinh, Giám đốc Giáo dục Đặc biệt, Điều	Bản dự thảo khảo sát LCAP năm 2025-2026 đã được trình bày cho Nhóm Lãnh đạo Học khu gồm Giám thị Học khu, các thành viên Nội các, các lãnh đạo có chứng chỉ và phân loại vào ngày 2 tháng 2 năm 2026.

Đối tác Giáo dục	Quy trình Tham gia
phối viên và 3 Chuyên viên Chương trình, Giám đốc Điều hành Cơ sở vật chất & Vận tải, Giám đốc Dịch vụ Thực phẩm & Dinh dưỡng, Giám đốc Công nghệ Thông tin, Giám đốc Dịch vụ Tài chính, Giám đốc và Giám sát viên các Chương trình Học tập Mở rộng và Chăm sóc Trẻ em, Giám sát viên Giáo dục Mầm non, Giám đốc Điều hành Nhân sự, 13 Hiệu trưởng các trường học, 3 Hiệu phó và các Nhà tâm lý học trường học, v.v.	
Hội nghị bàn tròn Chủ tịch PTA/O/PTSA/SO	Bản dự thảo LCAP năm 2025-2026 đã được trình bày tại Hội nghị bàn tròn của các Chủ tịch PTA/O/PTSA/SO vào ngày 2 tháng 2 năm 2026.
Câu lạc bộ Optimist Surf City	Bản dự thảo LCAP 2025-26 đã được trình bày trước Câu lạc bộ Optimist Surf City vào ngày 2 tháng 2 năm 2026.
Liên hiệp các trường học giáo dục đặc biệt khu vực miền Tây Học khu (WOCCSE)	Bản dự thảo LCAP năm 2025-26 đã được trình lên Giám đốc SELPA khu vực vào ngày 10 tháng 2 năm 2026, và được vị này nhấn mạnh lại sự cần thiết phải giải quyết vấn đề chuyên cần của học sinh
Hiệp hội Giáo viên Ocean View (OVTA) bao gồm các lãnh đạo công đoàn, đại diện thương lượng của giáo viên, các đại diện giáo viên chủ chốt từ các trường học và đại diện giáo dục đặc biệt.	Bản dự thảo LCAP năm 2025-2026 đã được trình bày cho Hiệp hội Giáo viên Ocean View để lấy ý kiến vào ngày 11 tháng 2 năm 2026. Các giáo viên đồng thời là phụ huynh tại Ocean View cũng đã cung

Đối tác Giáo dục	Quy trình Tham gia
	cấp phản hồi trong Khảo sát Phụ huynh về LCAP từ ngày 3 đến ngày 16 tháng 11. Phản hồi ủng hộ các mục tiêu hiện có với một số điều chỉnh nhỏ về thuật ngữ trong các hoạt động khác nhau, chẳng hạn như tăng cường và nâng cao các chương trình và bổ sung thêm ngôn ngữ để làm rõ vấn đề tài trợ.
Hội đồng quản trị	Báo cáo giữa năm đã được trình bày trước Hội đồng Quản trị tại cuộc họp định kỳ vào ngày 14 tháng 2 năm 2026 và cung cấp hướng dẫn cũng như phản hồi.
Hội đồng quản trị	Hội đồng quản trị đã được cập nhật về quy trình hợp tác với các đối tác giáo dục, phản hồi, các hoạt động và số liệu liên quan đến dự thảo LCAP 2025-2026 vào ngày 24 tháng 3 năm 2026, ngày 14 tháng 4 năm 2026 và ngày 28 tháng 4 năm 2026.
Hội đồng quản trị	Bản dự thảo LCAP 2025-26 đã được trình bày trước Hội đồng Quản trị tại một phiên điều trần công khai trong cuộc họp thường kỳ của Hội đồng vào ngày 9 tháng 6 năm 2026.
Hội đồng quản trị	Bản dự thảo LCAP năm 2024-2025 sẽ được đề xuất phê duyệt tại cuộc họp thường kỳ của Hội đồng Quản trị vào ngày 23 tháng 6 năm 2026

Mô tả cách LCAP được thông qua đã bị ảnh hưởng bởi những phản hồi từ các đối tác giáo dục.

Chương trình cốt lõi được nêu trong LCAP 2026–2027 đã nhận được sự ủng hộ từ học sinh, phụ huynh/người giám hộ và nhân viên. Trong số hơn 750 phản hồi nhận được, có sự đồng thuận cao đối với cả ba mục tiêu, với 95% phụ huynh ủng hộ Mục tiêu 1, 92% ủng hộ Mục tiêu 2 và 95% ủng hộ Mục tiêu 3.

Không có thay đổi đáng kể nào đối với chương trình cốt lõi và không có hoạt động mới nào được thêm vào. Các điều chỉnh tập trung vào việc làm rõ ngôn ngữ, tăng cường sự phối hợp giữa các dịch vụ và xác định rõ hơn việc thực hiện để hỗ trợ tốt hơn cho kết quả học tập của học sinh.

Các cập nhật Mục tiêu 1 tập trung vào việc tăng cường khả năng tiếp cận các cơ hội học tập toàn diện và hấp dẫn. Hoạt động 1.3 được làm rõ để đảm bảo tất cả các trường trung học cơ sở đều cung cấp khả năng tiếp cận đồng nhất với các môn tự chọn và hoạt động ngoại khóa chất lượng cao.

Hoạt động 1.6 nhấn mạnh việc tất cả học sinh đều có thể tiếp cận với nhiều trải nghiệm đa dạng, bao gồm nghệ thuật thị giác và biểu diễn, âm nhạc, ẩm thực, thể thao điện tử và công nghệ để hỗ trợ sự tham gia và chuẩn bị cho đại học và nghề nghiệp. Hoạt động 1.7 được đơn giản hóa để làm rõ việc cung cấp các cơ hội học tập nghiêm túc và phù hợp với sự phát triển của học sinh, đồng thời tiếp tục hỗ trợ các chương trình chuyên biệt và nhóm trường GATE. Ngoài ra, ý kiến đóng góp từ các đối tác giáo dục, bao gồm cả phản hồi của học sinh, đã nhấn mạnh tầm quan trọng của sự tham gia của học sinh và những trải nghiệm tích cực ở trường, điều này đã dẫn đến quyết định nâng cao mục tiêu khảo sát về môi trường học đường.

Những điều chỉnh trong Mục tiêu 2 tập trung vào việc tăng cường hỗ trợ học tập và các hệ thống tích hợp để đáp ứng nhu cầu của học sinh. Hoạt động 2.2 làm rõ phạm vi cấp lớp và hỗ trợ nhân sự cho can thiệp sớm, tập trung vào mẫu giáo đến lớp ba và chỉ rõ hỗ trợ trợ giảng để tăng cường phát triển kỹ năng nền tảng. Hoạt động 2.3 xác định rõ hơn cách tiếp cận của Học khu đối với việc cải thiện kết quả và thu hẹp khoảng cách về đọc viết và toán học thông qua phân tích dữ liệu, giảng dạy phân hóa, can thiệp mục tiêu và các chiến lược dựa trên nghiên cứu, bao gồm Thiết kế Học tập Toàn diện (UDL) với việc theo dõi tiến độ liên tục để hỗ trợ các nhóm học sinh đã được xác định. Hoạt động 2.4 được mở rộng để tích hợp hỗ trợ về cảm xúc xã hội, chuyên cần và hành vi vào một hệ thống phối hợp, bao gồm các chiến lược mục tiêu để giải quyết tỷ lệ vắng mặt thường xuyên và đình chỉ học, đặc biệt đối với Học sinh Học tiếng Anh dài hạn và Học sinh Khuyết tật, thông qua phòng ngừa, can thiệp sớm và hỗ trợ chuyên sâu. Hoạt động này cũng kết hợp trọng tâm đã được xác định trước đó trong Mục tiêu 3, Hoạt động 3.6.

Những cải tiến bổ sung cho Hoạt động 2.6, 2.7 và 2.8 tăng cường hỗ trợ cho Học sinh học tiếng Anh, Học sinh Học tiếng Anh dài hạn, Thanh thiếu niên được nuôi dưỡng và học sinh gặp khó khăn về kinh tế hoặc vô gia cư thông qua hướng dẫn có mục tiêu, dịch vụ phối hợp, tư vấn và tiếp cận các nguồn lực.

Mục tiêu 2 - Hoạt động 2.6:
Những sửa đổi này củng cố và mở rộng các dịch vụ dành cho người học tiếng Anh bằng cách nhấn mạnh vào việc phát triển ngôn ngữ có mục tiêu, giảng dạy theo nhóm nhỏ và phát triển chuyên môn liên tục để cải thiện trình độ tiếng Anh, thành tích học tập và việc phân loại lại kịp thời.

Mục tiêu 2 - Hoạt động 2.7
Ngôn ngữ đã được trau chuốt để làm rõ việc cung cấp các hỗ trợ toàn diện cho trẻ em được chăm sóc thay thế, bao gồm tư vấn, quản lý hồ sơ và các dịch vụ phối hợp nhằm giảm bớt rào cản và cải thiện việc

Mục tiêu 2 – Hoạt động 2.8
Các sử đổi này làm rõ và tăng cường hỗ trợ cho học sinh gặp khó khăn về kinh tế hoặc vô gia cư thông các dịch vụ phối hợp, bao gồm tài liệu, tư vấn và giới thiệu đến

các nguồn lực của hộc khu và cộng đồng để giảm bớt rào cản và cải thiện kết quả học tập.

Mục tiêu 3 được cập nhật tập trung vào viêc tăng cường môi trường học đường, giao tiếp và hợp tác. Hoạt động 3.2 nhấn mạnh việc áp dụng đồng nhất, toàn hệ thống các biện pháp can thiệp và hỗ trợ hành vi tích cực (PBIS), thực hành phục hồi và học tập cảm xúc xã hội (SEL) để cải thiện sự chuyên cần, sự tham gia và hành vi của học sinh, đồng thời hỗ trợ một môi trường học đường tích cực. Hoạt động

3.4 làm rõ việc tiếp tục thực hiện các thực tiễn hợp tác giữa Ban quản lý và Người lao động (PAL) để thăng cường sự hợp tác và các mối quan hệ trong toàn học khu. Hoạt động 3.6 đã bị bãi bỏ, với trọng tâm vào sự chuyên cần, hành vi và hỗ trợ học sinh mục tiêu, sau đó được tích hợp vào Mục tiêu 2, Hoạt động 2.4 và được củng cố thông qua Hoạt động 3.2, dẫn đến một hệ thống hỗ trợ đồng bộ và gắn kết hơn.

Mục tiêu 3 – Số liệu:
Ý kiế'n đóng góp từ các dối tác giáo dục, bao gồm cả phảN hồi của học sinh, đã nhấn mạnh tầm quan trọng của môi trường học đường an toàn và tôn trọng, điều này đã dẫn đến quyết định nân cao mục tiêu khảo sat về môi trường học đường.
Nhìn chung, các điều chỉnh này được hoàn thiện với những ý kiến đóng góp từ các đối giáo dục, bao gồm phản hồi từ học sinh, gia đình, nhân viên có chứng chỉ, các đơn vị thương lượng và lãnh đạo học khu, hỗ trợ sự rõ ràng, thống nhất và phối hợp tốt hơn của các dịch vụ.

Mục tiêu và Hoạt động

Mục tiêu

Mục tiêu #	Mô tả	Loại mục tiêu
1	Để làm phong phú và thúc đẩy thành tích học tập, học sinh sẽ tham gia vào chương trình học tập nghiêm túc, thể hiện sự tiến bộ liên tục trong tất cả các lĩnh vực nội dung và tham gia vào các cơ hội chương trình sáng tạo và độc đáo	Mục tiêu tổng quát

Các ưu tiên được đề ra cho mục tiêu này.

Ưu tiên 1: Cơ bản (Điều kiện học tập)

Ưu tiên 2: Tiêu chuẩn của tiểu bang (Điều kiện học tập)

Ưu tiên 7: Điều kiện tiếp cận khóa học (Điều kiện học tập)

Ưu tiên 8: Các kết quả học tập khác của học sinh (Kết quả học tập)

Giải thích lý do tại sao LEA đã thiết kế mục tiêu này.

Việc phát triển những cá nhân toàn diện bao gồm việc tiếp tục tập trung vào thành tích và sự tham gia cao. Giáo viên, hiệu trưởng và các nhà quản lý cấp Học khu theo dõi và sử dụng kết quả đánh giá (cấp tiểu bang và địa phương) và các chỉ số hiệu suất (bài kiểm tra dựa trên chương trình học, bài trắc nghiệm, quan sát, mẫu

Đo lường và Báo cáo Kết quả

Số liệu #	Số liệu	Mốc chuẩn	Kết quả năm thứ nhất	Kết quả năm thứ 2	Mục tiêu cho kết quả năm thứ 3	Chênh lệc hiện tại so với mốc chuẩn
1.1	Chỉ số địa phương – Giáo viên: Được phân bổ phù hợp Nguồn: Chỉ số địa phương	Được phân bổ phù hợp 100% Tiểu học: 2 thực tập sinh, 2 giấy phép học sinh ngắn hạn THCS: 1 thực tập sinh, 9 giấy đồng thuận	Được phân bổ phù hợp 100% Tiểu học: 1 Giấy phép dạy học cho tạm vắng mặt theo Luật (TPSL) 2 SDC thực tập sinh cấp Mầm non 1 Giấy phép nhân viên tạm thời (SDC M/S) 1 thực tập sinh 6 Giấy đồng thuận	Được phân bổ phù hợp 100% Tiểu học:1 Giấy dạy học cho Tạm vắng theo luật (TPSL) 2 SDC Thực tập sinh cấp Mầm non 1 Giấy đồng thuận THCS: 1 Giấy phép Nhân viên ngắn-hạn (SDC M/S) 23 Giấy đồng	Phân bổ phù hợp 100%	Duy trì phân bổ phù hợp 100%

Số liệu #	Số liệu	Mốc chuẩn	Kết quả năm thứ nhất	Kết quả năm thứ 2	Mục tiêu cho kết quả năm thứ 3	Chênh lệc hiện tại so với mốc chuẩn
				thuận		
1.2	Chỉ số địa phương – Tài liệu giảng dạy: Học sinh tiếp cận các bản sao của các tài liệu giảng dạy tại trường và nhà căn chỉnh theo Tiêu chuẩn. Nguồn: Chỉ số địa phương	100%	100%	100%	Duy trì 100%	Được duy trì 100%
1.3	Chỉ số địa phương – Cơ sở vật chất: Xem xét FIT hàng năm Nguồn: Chỉ số địa phương	6 trường – Xuất sắc 7 trường – Tốt 1 trường – Khá	9 trường – Xuất sắc 4 trường – Tốt	11 trường – Xuất sắc 2 trường – Tốt	14 trường – Xuất sắc Được cập nhật thành 13 trường diện Xuất sắc	+5 trường – Xuất sắc 2 trường – Tốt 0 trường – Khá

Số liệu #	Số liệu	Mốc chuẩn	Kết quả năm thứ nhất	Kết quả năm thứ 2	Mục tiêu cho kết quả năm thứ 3	Chênh lệc hiện tại so với mốc chuẩn
1.4	Chỉ số địa phương – Áp dụng các Tiêu chuẩn Học thuật: Đã áp dụng các tài liệu giảng dạy cốt lõi do Học khu chấp thuận trong tất cả các lĩnh vực nội dung	Áp dụng toàn diện (Williams Audit tìm thấy 0 kết quả)	Áp dụng 1.5 (Williams Audit tìm thấy 0 kết quả)	Áp dụng toàn diện (Williams Audit tìm thấy 0 kết quả)	Duy trì việc Áp dụng toàn diện (Williams Audit tìm thấy 0 kết quả)	Đã duy trì việc Áp dụng toàn diện (Williams Audit tìm thấy 0 kết quả)
1.5	Chỉ số địa phương – Tiếp cận một chương trình học rộng	100% số học sinh đã ghi danh vào tất cả chương trình học được thông qua	100% số học sinh đã ghi danh vào tất cả chương trình học được thông qua	100% số học sinh đã ghi danh vào tất cả chương trình học được thông qua	Duy trì 100%	Đã duy trì 100%
1.6	Đánh giá CAASPP – Ngữ văn Anh cho Học sinh Nói chung: Tiêu chuẩn đã đạt	57.7% Được chỉnh sửa 58.17%	57.70%	56.92%	65%	-1.25%

Số liệu #	Số liệu	Mốc chuẩn	Kết quả năm thứ nhất	Kết quả năm thứ 2	Mục tiêu cho kết quả năm thứ 3	Chênh lệc hiện tại so với mốc chuẩn
	và vượt mức Nguồn: CAASPP					
1.7	Đánh giá CAASPP –Toán học cho Học sinh Nói chung: Tiêu chuẩn đã đạt và vượt mức Nguồn: CAASPP	51.50% Được chỉnh sửa 51.40%	51.50%	50.17%	59%	-1.23%
1.8	iReady Đọc (Chẩn đoán cuối năm) cho Học sinh Nói chung: Tại hoặc trên mức lớp Nguồn: iReady Đánh giá theo địa phương	62%	59.3%	58.08%	70%	-3.92%
1.9	iReady Toán học	59%	54.5%	54.33%	70%	-4.67%

Số liệu #	Số liệu	Mốc chuẩn	Kết quả năm thứ nhất	Kết quả năm thứ 2	Mục tiêu cho kết quả năm thứ 3	Chênh lệc hiện tại so với mốc chuẩn
	(Chẩn đoán cuối năm) cho Học sinh Nói chung: Tại hoặc trên mức lớp Nguồn: iReady Đánh giá theo địa phương					
1.10	Báo cáo Dữ liệu các Trường CA - Ngữ văn Anh cho Học sinh Nói chung: Nguồn: Báo cáo Dữ liệu các Trường CA	Màu xanh lá cây (Đã duy trì +2.0 điểm; +15.3 điểm trên mức chuẩn)	Màu xanh lá cây (Đã duy trì -1.1 điểm; 14.1 điểm trên mức chuẩn)	Màu xanh lá cây (Đã duy trì -1.3 điểm; 12.8 điểm trên mức chuẩn)	Màu xanh lá cây (tăng 3-15 điểm; +17 trên mức chuẩn)	-0.7, -2.5 điểm trên mức chuẩn
1.11	Báo cáo Dữ liệu các Trường CA -	Màu xanh lá cây (+5.7 điểm; -0.7	Màu vàng (Đã duy trì	Màu vàng (Đã duy trì	Màu xanh lá cây (Tăng 3-	-3.6, -2.2 điểm dưới mức chuẩn

Số liệu #	Số liệu	Mốc chuẩn	Kết quả năm thứ nhất	Kết quả năm thứ 2	Mục tiêu cho kết quả năm thứ 3	Chênh lệc hiện tại so với mốc chuẩn
	Toán học cho Học sinh Nói chung: Nguồn: Báo cáo Dữ liệu các Trường CA	điểm dưới mức chuẩn)	-0.1 điểm; 0.8 điểm dưới mức chuẩn)	-2.1 điểm; -2.9 điểm dưới mức chuẩn)	15 điểm; +15.0 điểm hay hơn trên mức chuẩn)	
1.12	Báo cáo Dữ liệu các Trường CA - Chỉ số Tiến độ trong môn Anh ngữ (ELPI) Nguồn: Báo cáo Dữ liệu các Trường CA	Cam (-2.3%; 51.9%)	Cam (-4.7%; 47.2%)	Màu vàng (-1.7%; 45.5%)	Màu xanh lá cây (Tăng ít nhất 3.1%; 55% hay cao hơn)	+0.6%, -6.4%
1.13	Phản hồi từ Khảo sát Phụ huynh Hàng năm - Hoàn toàn đồng ý/Đồng ý: "Con tôi đang nhận	89% Đã cập nhật. Mốc chuẩn nguyên thủy không chính xác.	91%	91%	Duy trì 90% hay cao hơn	+2%

Số liệu #	Số liệu	Mốc chuẩn	Kết quả năm thứ nhất	Kết quả năm thứ 2	Mục tiêu cho kết quả năm thứ 3	Chênh lệc hiện tại so với mốc chuẩn
	một chương trình giáo dục chất lượng cao tại OVSD." Nguồn: Khảo sát dành cho Phụ huynh của OVSD					
1.14	Phản hồi từ Khảo sát Phụ huynh Hàng năm - Hoàn toàn đồng ý/Đồng ý: "Tôi có nhìn thấy bằng chứng về sự học của con tôi." Nguồn: Khảo sát dành cho Phụ huynh của OVSD	93%	93%	92%	Duy trì 90% hay cao hơn	-1%
1.15	Phản hồi từ Khảo sát Phụ huynh Hàng năm - Hoàn toàn đồng ý/Đồng ý: "Con tôi vui vẻ đến trường." Nguồn: Khảo sát	89% Đã cập nhật. Mốc chuẩn nguyên thủy không chính xác.	91%	91%	Duy trì 90% hay cao hơn	+2%

Số liệu #	Số liệu	Mốc chuẩn	Kết quả năm thứ nhất	Kết quả năm thứ 2	Mục tiêu cho kết quả năm thứ 3	Chênh lệc hiện tại so với mốc chuẩn
	dành cho Phụ huynh của OVSD					
1.16	Khảo sát về Không khí Nhà trường của OVSD Phản hồi từ lớp 2/3 - Đa số thời gian/Luôn luôn: "Khi ở trường, em có thấy vui vẻ không?"	77% Đã cập nhật. Mốc chuẩn nguyên thủy không chính xác.	79%	78%	90%	+1%
1.17	Khảo sát về Không khí Nhà trường của OVSD Phản hồi của lớp 4/5 - Đa số thời gian/Luôn luôn: "Khi ở trường, em có thấy vui vẻ không?" Nguồn Khảo sát về Không khí Nhà trường của OVSD	69% Đã cập nhật. Mốc chuẩn nguyên thủy không chính xác.	73%	73%	90%	+4%
1.18	Khảo sát về Không khí Nhà trường của OVSD Phản hồi từ lớp	54%	54%	54%	90%	0%

Số liệu #	Số liệu	Mốc chuẩn	Kết quả năm thứ nhất	Kết quả năm thứ 2	Mục tiêu cho kết quả năm thứ 3	Chênh lệc hiện tại so với mốc chuẩn
	6/8 - Đa số thời gian/Luôn luôn: "Khi ở trường, em có thấy vui vẻ không?" Nguồn Khảo sát về Không khí Nhà trường của OVSD					

Phân tích mục tiêu [2025-26]

Phân tích cách thức thực hiện mục tiêu này trong năm trước.

Mô tả tổng thể quá trình thực hiện, bao gồm bất kỳ sự khác biệt đáng kể nào giữa các hoạt động đã lên kế hoạch và việc thực hiện thực tế các hoạt động đó, cũng như bất kỳ thách thức và thành công nào có liên quan trong quá trình thực hiện.

Tất cả các hoạt động từ 1.1 đến 1.7 đều được thực hiện theo kế hoạch, không có sự khác biệt đáng kể giữa các hoạt động đã lên kế hoạch và việc thực hiện thực tế. Học khu duy trì sự tập trung vào việc cung cấp các chương trình và hỗ trợ giảng dạy chất lượng cao, phù hợp với Mục tiêu 1.

Việc tuyển dụng, thuê và giữ chân đội ngũ nhân viên có chứng chỉ, phân loại và hành chính đủ điều kiện vẫn tiếp tục là ưu tiên hàng đầu, với những thách thức liên tục trong việc lấp đầy một số vị trí phân loại có nhu cầu cao (Hoạt động 1.1). Tất cả giáo viên và nhân viên hỗ trợ đều được tiếp cận với chương trình giảng dạy cốt lõi do Hội đồng thông qua, các bài đánh giá do địa phương xác định và các chương trình phát triển chuyên môn để hỗ trợ việc giảng dạy hiệu quả và các thực hành dựa trên dữ liệu (Hoạt động 1.2). Các cơ hội phát triển kỹ năng

lãnh đạo đã được cung cấp cho các nhà quản lý và giáo viên lãnh đạo nhằm xây dựng năng lực và hỗ trợ các sáng kiến cấp trường và cấp Học khu (Hoạt động 1.4).

Học sinh tiếp tục được tiếp cận với những trải nghiệm giáo dục toàn diện, bao gồm các môn học tự chọn mở rộng, nghệ thuật thị giác và biểu diễn, và các cơ hội học tập dựa trên công nghệ (Hoạt động 1.3 và 1.6). Các chương trình đổi mới, bao gồm Khoa học Môi trường, Khoa học Biển, STEAM, Nghệ thuật Thị giác và Biểu diễn, và Chương trình Song ngữ (DLI), đã được triển khai theo kế hoạch (Hoạt động 1.5). Chương trình DLI tiếp tục mở rộng, với việc bổ sung một lớp Mẫu giáo mới tại một trường tiểu học khác và mở rộng lên lớp sáu ở cấp trung học cơ sở.

Những học sinh được xác định thuộc chương trình Giáo dục Năng khiếu và Tài năng (GATE) tiếp tục nhận được các cơ hội học tập khác biệt và phong phú thông qua cả mô hình trường chuyên và trường liên kết (Hoạt động 1.7).

Nhìn chung, việc thực hiện các hoạt động của Mục tiêu 1 đã hỗ trợ việc tiếp cận liên tục với chương trình học tập chất lượng cao, các lựa chọn chương trình và các cơ hội làm giàu kiến thức, góp phần vào sự tham gia và học tập của học sinh.

Giải thích sự khác biệt đáng kể giữa chi phí dự toán và chi phí thực tế ước tính và /hoặc tỷ lệ phần trăm cải thiện dịch vụ theo kế hoạch và tỷ lệ phần trăm cải thiện dịch vụ thực tế ước tính.

Các hoạt động 1.1, 1.3, 1.5, 1.6 và 1.7 đã được thực hiện theo kế hoạch, với chi phí phù hợp với ngân sách đã được phê duyệt.

Đối với Hoạt động 1.2, chi phí đã vượt quá ngân sách ban đầu do sử dụng nguồn tài trợ từ Khoản tài trợ Khối Khẩn cấp để Phục Hồi Học tập (LREBG) trong Hoạt động này. Khoản đầu tư bổ sung này hỗ trợ tăng cường đào tạo cho đội ngũ nhân viên nhằm củng cố các phương pháp giảng dạy.

Đối với Hoạt động 1.4, chi phí thấp hơn dự kiến do thiếu hụt nhân sự, bao gồm việc vắng mặt của một Trợ lý Giám đốc Dịch vụ Giáo dục và một vị trí còn trống trong nhóm Dịch vụ Giáo dục.

Phần mô tả về hiệu quả hoặc sự thiếu hiệu quả của các hoạt động cụ thể đã thực hiện cho đến nay trong tiến triển đến mục tiêu.

Các hoạt động trong Mục tiêu 1 đã có hiệu quả trong việc hỗ trợ sự tiến bộ của học sinh hướng tới thành tích học tập, sự tham gia và tiếp cận các cơ hội giáo dục toàn diện. Việc áp dụng giảng dạy dựa trên Tiêu chuẩn, phát triển chuyên môn và mở rộng các chương trình đã góp phần và o sự phát triển có thể đo lường được của học sinh, đồng thời xác định được các lĩnh vực cần tiếp tục tập trung.

Các hoạt động 1.2 và 1.4 đã có hiệu quả trong việc hỗ trợ sự phát triển học thuật thông qua bồi dưỡng chuyên môn, giảng dạy dựa trên dữ liệu và áp dụng Thiết kế Học tập Phổ quát (UDL)để đáp ứng nhu cầu đa dạng của học sinh. Hoạt động 1.2, phù hợp với trọng tâm Hỗ trợ Phân hóa của Học khu, đã củng cố việc giảng dạy cốt lõi và hỗ trợ có mục tiêu để cải thiện kết quả cho các nhóm học sinh, bao gồm học sinh học tiếng Anh và học sinh khuyết tật. Dữ liệu đánh giá địa phương từ bài kiểm tra chẩn đoán iReady cho thấy sự tiến bộ mạnh mẽ của học sinh trong môn Đọc và Toán ở tất cả các nhóm học sinh, được đo bằng sự tiến bộ ngày càng tăng của học sinh hướng tới các kỳ vọng ở cấp lớp.

Mặc dù sự tiến bộ của từng học sinh là rõ rệt, tỷ lệ học sinh đạt hoặc vượt mức trình độ lớp trong bài kiểm tra iReady đã giảm nhẹ so với năm trước, có thể do việc thực hiện bài kiểm tra chẩn đoán cuối kỳ sớm hơn. Dữ liệu từ CAASPP và Báo cáo Thống kê các Trường California (Dashboard) cho thấy thêm rằng một số nhóm học sinh, bao gồm Học sinh Học tiếng Anh, học sinh có thu nhập thấp, học sinh khuyết tật và Học sinh Học tiếng Anh dài hạn, vẫn tiếp tục có kết quả học tập dưới mức chuẩn mong muốn. Những kết quả này cho thấy khoảng cách về kết quả học tập vẫn tồn tại và cần tiếp tục tập trung để đẩy nhanh thành tích cho các nhóm học sinh đã được xác định.

Các hoạt động 1.3, 1.5 và 1.6 đã có hiệu quả trong việc mở rộng cơ hội tiếp cận các trải nghiệm giáo dục toàn diện. Việc tăng cường tiếp cận các môn học tự chọn, nghệ thuật thị giác và biểu diễn, và các chương trình chuyên biệt, bao gồm cả chương trình song ngữ (DLI), đã góp phần tăng cường sự tham gia của học sinh và sự gắn kết với trường học.

Hoạt động 1.7 hỗ trợ việc áp dụng các chương trình Giáo dục Học sinh Giỏi và Tài năng (GATE) thông qua mô hình trường chuyên và trường liên kết. Mặc dù việc phát triển chuyên môn đã hỗ trợ việc áp dụng, nhưng tỷ lệ tham gia một số cơ hội đào tạo thấp hơn dự kiến, cho thấy đây là lĩnh vực cần tiếp tục tập trung.

Nhìn chung, các hoạt động thuộc Mục tiêu 1 đã có hiệu quả trong việc thúc đẩy sự phát triển của sinh viên, mở rộng cơ hội tiếp cận các chương trình và cải thiện sự tham gia của sinh viên. Việc tiếp tục tập trung và o việc tăng cường các phương pháp giảng dạy và hỗ trợ có mục tiêu sẽ rất quan trọnAg để cải thiện kết quả học tập cho các nhóm học sinh có thành tích dưới mức chuẩn và để giải quyết các lĩnh vực cần cải thiện đã được xác định.

Mô tả bất kỳ thay đổi nào được thực hiện đối với mục tiêu, chỉ số, kết quả hướng tới hay hoạt động được kế hoạch cho năm tới, xuất phát từ việc xem xét lại kinh nghiệm thực tiễn trước đó.

Đối với năm học 2026–27, mục tiêu tổng thể cho Mục tiêu 1 vẫn không thay đổi. Dựa trên việc xem xét dữ liệu thực hiện và ý kiến đóng góp từ các đối tác giáo dục, một số điều chỉnh đã được thực hiện đối với các hoạt động cụ thể để tăng cường tính rõ ràng, đồng nhất và sự đồng bộ trong việc thực hiện. Không có hoạt động nào được tm vào hoặc loại bỏ.

Chỉ số 1.2 đã được cập nhật ở mức Duy trì 100%.
Chỉ số 1.4 đã được cập nhật và hiệu chỉnh với giá trị số cho Mốc chuẩn và tất cả các năm.
Các chỉ số sau đây đã được điều chỉnh vào mùa xuân năm 2026 để bao gồm số liệu cơ sở chính xác cho năm học 2023-2024: 1,13, 1,15, 1,16, 1,17.

Các sửa đổi đối với Hoạt động 1.3, 1.6 và 1.7 được thực hiện nhằm làm rõ các kỳ vọng và đảm bảo quyền truy cập đồng nhất vào các chương trình chất lượng cao tại tất cả các trường. Hoạt động 1.3 đã được tinh chỉnh để đảm bảo tất cả các trường trung học cơ sở cung cấp một chương trình toàn diện với khả năng tiếp cận đồng nhất các môn học tự chọn phong phú và các cơ hội ngoại khóa. Hoạt động 1.6 đã được cập nhật để nhấn mạnh việc tất cả học sinh đều có cơ hội tiếp cận các trải nghiệm giáo dục đa dạng, bao gồm nghệ thuật thị giác và biểu diễn, âm nhạc và công nghệ. Hoạt động 1.7 đã được đơn giản hóa để làm rõ việc cung cấp các cơ hội học tập nghiêm túc và phù hợp với sự phát triển cho tất cả học sinh, đồng thời tiếp tục hỗ trợ và củng cố thêm các chương trình GATE magnet và phân cụm. Những việc làm tinh chỉnh này củng cố sự đồng nhất trong việc triển khai và hỗ trợ mức tăng trưởng trong sự tham gia của học sinh

Hoạt động 1.3: Chương trình THCS Tổng quát – Cung cấp một chương trình tổng quát tại tất cả các trường THCS với quyền tiếp cận nhất quán đến các lớp tự chọn vững chắc và lôi cuốn ví dụ như các lớp nghệ thuật áp dụng (nghệ thuật nấu ăn, giáo dục công nghệ), nghệ thuật biểu diễn (ban nhạc, đồng ca, múa, giàn nhạc, vv...), nghệ thuật trực giác, kỹ năng lãnh đạo, ngôn ngữ quốc tế, và rô-bốt, cùng với các cơ hội ngoại khóa, bao gồm các môn thể thao sau giờ học.

Hoạt động 1.6: Các Trải nghiệm Học thuật Toàn diện – Cung cấp đến học sinh một trải nghiệm học thuật toàn diện bằng cách bảo đảm quyền tiếp cận đến các trải nghiệm phong phú và đa dạng, bao gồm các môn nghệ thuật trực quan và biểu diễn, âm nhạc, và công nghệ, để nâng cao kiến thức, tăng cường mức tham gia gắn kết, và sửa soạn cho học sinh đi vào con đường đại học và nghề nghiệp.

Hoạt động 1.7: Chương trình Năng khiếu và Tài năng (GATE) – Cung cấp cho tất cả học sinh các cơ hội giáo dục mang tính nghiêm túc và phù hợp với mức độ phát

triển trong lúc hỗ trợ và nâng cao các chương trình GATE magnet và phân cụm học sinh.

Các chỉ số và kết quả hướng tới cho Mục tiêu 1 sẽ tiếp tục được giám sát dựa trên việc phân tích dữ liệu của tiểu bang và địa phương, bao gồm CAASPP, iReady, các chỉ số trong Bảng Dữ liệu các Trường California, và dữ liệu từ khảo sát tại địa phương liên quan đến sự tham gia của học sinh và kết nối với nhà trường.

Để củng cố tính đồng nhất với các ưu tiên của học khu liên quan đến sự tham gia của học sinh và ổn định về tinh thần và thể lực, Hội đồng Quản trị đã tăng hiệu suất nhắm tới lên thành 90% cho ba Khảo sát Môi trường Học Đường. Sự căn chỉnh này cho thấy những kỳ vọng cao về những trải nghiệm học đường tích cực và nhấn mạnh tầm quan trọng trong kết nối của học sinh như một điều kiện để thành công về mặt học thuật.

Hoạt động 1.2 sẽ tiếp tục được triển khai như đã lên kế hoạch, bao gồm việc đặt hoạt động này là một hoạt động hỗ trợ-Ngân sách Khối Khẩn cấp để Phục hồi Học tập (LREBG).

Báo cáo về Tổng chi phí thực tế ước tính cho các hoạt động năm ngoái có thể được tìm thấy trong Bảng cập nhật hàng năm. Báo cáo về Tỷ lệ phần trăm thực tế ước tính về cải thiện dịch vụ cho các hoạt động năm ngoái có thể được tìm thấy trong Bảng cập nhật hàng năm về các hoạt động đóng góp

Hoạt động

Hoạt động #	Tiêu đề	Mô tả	Tổng số Ngân sách (Đô-la)	Đóng góp
1.1	Thu hút, Tuyển dụng Giữ lại các nhân viên có hiệu quả cao	Nhận thức được rằng hiệu quả giảng dạy của giáo viên trong lớp học có tác động mạnh mẽ nhất đến thành tích học tập của học sinh, tiếp theo là hiệu quả của người quản lý trường học, và nhu cầu hỗ trợ chuyên môn; OVSD sẽ tiếp tục tập trung vào việc thu hút, tuyển dụng và giữ chân đội ngũ giáo viên, nhân viên hành chính và nhân viên có trình độ chuyên môn.	46.216.420,00	Không
1.2	Tài liệu giảng dạy dựa trên Tiêu chuẩn, Đánh giá Xác định theo địa phương, và Đào tạo Chuyên Môn	Giáo viên và nhân viên cần được tiếp cận với chương trình giảng dạy cốt lõi do Hội đồng nhà trường thông qua, các bài kiểm tra cấp địa phương và các chương trình phát triển chuyên môn chất lượng cao để cung cấp hướng dẫn có mục tiêu dựa trên nhu cầu cá nhân. Thành tích học tập và khả năng tiếp thu tiếng Anh, đặc biệt là đối với Học tiếng Anh, sẽ được nâng cao thông qua việc tiếp cận các tài liệu dựa trên Tiêu chuẩn trong tất cả các lĩnh vực nội dung, bao gồm Phát triển Ngôn ngữ Anh (ELD) và việc sử dụng các chiến lược giảng dạy hiệu quả dựa trên phân tích dữ liệu và nhu cầu của học	332.443,00	Không

Hoạt động #	Tiêu đề	Mô tả	Tổng số Ngân sách (Đô-la)	Đóng góp
		sinh. Hoạt động LREBG. Hiệu quả của hoạt động này sẽ được đo lường bằng 1,4, 1,6, 1,7. Nguồn ngân sách bổ sung từ chương trình LREBG (có giới hạn của tiểu bang) đã được cấp trong năm học 2025-26, và nguồn ngân sách này đã được phân bổ cho hoạt động 1.2. Hoạt động 1.2 sẽ tiếp tục được thực hiện theo kế hoạch, bao gồm cả việc được chỉ định là dự án được hỗ trợ bởi Chương trình Trợ cấp Khẩn cấp Phục hồi Học tập (LREBG). Hoạt động này sử dụng 275.000 đô la từ nguồn tài trợ của LREBG cho Hoạt động 1.2. Đánh giá mô hình phân cấp về phát triển kỹ năng viết cho giảng viên.Pritchard, Ruie Jane; Marshall, Jon C. (1994). Nghiên cứu về giảng dạy tiếng Anh, tập 28, số 3, trang 259-85. Truy cập từ: https://eric.ed.gov/?id=EJ494580		
1.3	Chương trình THCS Tổng quát	Cung cấp một chương trình toàn diện tại tất cả các trường trung học cơ sở bao gồm các môn tự chọn phong phú và hấp dẫn như nghệ thuật ứng dụng (nghệ thuật ẩm thực, nghệ thuật công nghiệp), nghệ thuật biểu diễn (ban nhạc, hợp xướng, khiêu vũ, dàn nhạc, v.v.), nghệ thuật thị giác, kỹ năng lãnh đạo, ngoại ngữ và robot, cùng với các cơ hội ngoại khóa, bao gồm cả thể thao sau giờ học.	965.558,00	Không
1.4	Phát triển Năng lực Lãnh đạo	Xây dựng khả năng lãnh đạo cho những người đứng đầu tại Học khu và tại trường thông qua các cơ hội phát triển nghề nghiệp cho ban quản lý và giáo viên hàng đầu	96.251,00	Không
1.5	Nhà trường và Chương trình	Tiếp tục cung cấp cho phụ huynh nhiều lựa chọn hơn thông qua việc duy trì các trường học và chương trình đổi mới, bao	1.228.768,00	Không

Hoạt động #	Tiêu đề	Mô tả	Tổng số Ngân sách (Đô-la)	Đóng góp
	đổi mới	gồm Khoa học Môi trường, Khoa học Biển, Khoa học Công nghệ Kỹ thuật Nghệ thuật Toán học (STEAM), Nghệ thuật Thị giác và Biểu diễn (VAPA) và Chương trình Song ngữ (DLI)		
1.6	Trải nghiệm với chương trình giáo dục toàn diện	Cung cấp cho học sinh một trải nghiệm giáo dục toàn diện bằng cách đảm bảo tiếp cận với nhiều hoạt động đa dạng, bao gồm nghệ thuật thị giác và biểu diễn, âm nhạc và công nghệ, nhằm nâng cao khả năng học tập, tăng cường sự tham gia và chuẩn bị cho học sinh bước vào đại học và con đường sự nghiệp	782.366,00	Không
1.7	Giáo dục dành cho học sinh năng khiếu và tài năng (GATE)	Cung cấp cho Học sinh Nói chung những cơ hội giáo dục nghiêm túc và phù hợp với sự phát triển, đồng thời hỗ trợ và nâng cao các chương trình chuyên biệt và GATE.	124.981,00	Không

Mục tiêu & Hoạt động

Mục tiêu

Mục tiêu #	Mô tả	Loại mục tiêu
2	Để giải quyết khoảng cách cơ hội giữa các nhóm học sinh không trùng lặp, các hỗ trợ có mục tiêu sẽ được cung cấp nhằm nâng cao thành tích và sự tham gia của các em	Mục tiêu tổng quát

Các ưu tiên của tiểu bang được đề cập trong mục tiêu này**.**

Ưu tiên số 3: Sự tham gia (gắn kết) của phụ huynh
Ưu tiên số 4: Thành tích học tập của học sinh (Kết quả học tập của học sinh)
Ưu tiên số 5: Sự tham gia của học sinh (Tham gia)
Ưu tiên số 6: Môi trường học đường (Sự tham gia)

Giải thích lý do tại sao cơ quan giáo dục địa phương (LEA) lại đề ra mục tiêu này.

Việc chủ động hướng đến sự phát triển học tập, sự tham gia của học sinh và cải thiện tỷ lệ chuyên cần cho tất cả học sinh, bao gồm cả học sinh học tiếng Anh, học sinh được chăm sóc thay thế, học sinh có hoàn cảnh khó khăn và học sinh vô gia cư là điều thiết yếu. Phân tích hiệu quả hiện tại cho thấy cần tiếp tục thiết lập các mục tiêu tăng trưởng, đảm bảo tiếp cận chương trình giảng dạy cốt lõi, thực hiện và giám sát chặt chẽ các biện pháp can thiệp để đẩy nhanh quá trình học tập cho những học sinh chưa nắm vững nội dung chương trình học, cũng như tăng cường sự tham gia của trường học để cải thiện tỷ lệ chuyên cần và ngăn ngừa tình trạng vắng học thường xuyên nhằm nâng cao kết quả học tập.

Đo lường & Báo cáo Kết quả

Số liệu #	Chỉ số	Mốc chuẩn	Kết quả năm thứ nhất	Kết quả năm thứ hai	Mục tiêu cho kết quả năm thứ ba	Chênh lệc hiện tại so với mốc chuẩn
2.1	iReady Đọc: Thúc đẩy sự phát triển với những tiến bộ rõ rệt giữa lần thực hiện đầu tiên và lần thứ ba, vượt trội so với nhóm Học sinh Nói chung Nguồn: Đánh giá theo địa phương iReady	Nhóm Học sinh Nói chung: 21% Học tiếng Anh: 19% Thu nhập thấp: 20% Chăm sóc Thay thế: 7% Vô gia cư: 20%	Nhóm Học sinh Nói chung: 21,6% Học tiếng Anh: 18,1% Thu nhập thấp: 20,7% Chăm sóc Thay thế: 13% Vô gia cư: 14,3%	Nhóm Học sinh Nói chung: 20,24% Học tiếng Anh: 17,35% Thu nhập thấp: 19,90% Chăm sóc Thay thế: 22,7% Vô gia cư: 14,16%	Nhóm Học sinh Nói chung: 15% Học tiếng Anh: 18% Thu nhập thấp: 20% Chăm sóc Thay thế: 25% Vô gia cư: 25%	Nhóm Học sinh Nói chung: -0,76% Học tiếng Anh: -1,65% Thu nhập thấp: -0,10% Chăm sóc Thay thế: +15,7% Học sinh Vô gia cư: -5,84%
2.2	iReady Toán: Tăng trưởng tăng tốc với thành quả rõ ràng vượt quá Nhóm Học sinh Nói chung giữa lần đầu và lần thứ ba. Nguồn: iReady	Thu nhập thấp: 27% Chăm sóc Thay thế: 10% Vô gia cư: 24%	Học tiếng Anh: 18,6% Thu nhập thấp: 22,8% Chăm sóc Thay thế: 10,1% Vô gia cư: 20,3%	Học tiếng Anh: 17,94% Thu nhập thấp: 23,26% Chăm sóc Thay thế: 2,48% Vô gia cư: 16,59%	Học tiếng Anh: 30% Thu nhập thấp: 33% Chăm sóc Thay thế: 33% Vô gia cư: 30%	Học tiếng Anh: -3,06% Thu nhập thấp: -3,74% Chăm sóc Thay thế: - 7,52% Vô gia cư: -7,41%

Số liệu #	Chỉ số	Mốc chuẩn	Kết quả năm thứ nhất	Kết quả năm thứ hai	Mục tiêu cho kết quả năm thứ ba	Chênh lệc hiện tại so với mốc chuẩn
	Đánh giá theo Địa phương					
2.3	iReady Reading: % đạt mức hoặc vượt trên mức Nhóm Học sinh Nói chung và Học sinh Không trùng lặp Nguồn: iReady Đánh giá theo Địa phương	Nhóm Học sinh Nói chung: 62% Học tiếng Anh: 27% Thu nhập thấp: 50% Khuyết tật: 26% Chăm sóc Thay thế: 26% Vô gia cư: 43%	Nhóm Học sinh Nói chung: 59,3% Học tiếng Anh: 23,5% Thu nhập thấp: 47,2% Khuyết tật: 24,8% Chăm sóc Thay thế: 25% Vô gia cư: 36,6%	Nhóm Học sinh Nói chung: 58,08% Học tiếng Anh: 22,61% Thu nhập thấp: 46,36% Khuyết tật: 26,82% Chăm sóc Thay thế: 4375% Vô gia cư: 33,15%	Nhóm Học sinh Nói chung: 64% Học tiếng Anh: 30% Thu nhập thấp: 55% Khuyết tật: 28% Chăm sóc Thay thế: 40% Vô gia cư: 45%	Nhóm Học sinh Nói chung: -3,92% Học tiếng Anh: -4,39% Thu nhập thấp: -3,64% Khuyết tật: +0,82% Chăm sóc Thay thế: +17,75% Vô gia cư: -9,85%
2.4	iReady Toán: % Tại mức hoặc Trên mức Nhóm Học sinh Nói chung và Học sinh Không trùng lặp Nguồn: iReady Đánh giá theo Địa phương	Học sinh Nói chung: 59% Học tiếng Anh: 28% Thu nhập thấp: 47% Khuyết tật: 26% Học sinh được Chăm sóc Thay thế: 19% Vô gia cư: 39%	Nhóm Học sinh Nói chung : 54,5% Học tiếng Anh: 22,5% Thu nhập thấp: 41,8% Khuyết tật: 19,8% Học sinh được Chăm sóc Thay thế: 14,3% Vô gia cư: 37,1%	Nhóm Học sinh Nói chung: 54,33% Học tiếng Anh: 21,41% Thu nhập thấp: 41,39% Khuyết tật: 22,39% Học sinh được Chăm sóc Thay thế: 23,53% Vô gia cư: 31,52%	Học sinh Nói chung: 64% Học tiếng Anh: 32% Thu nhập thấp: 53% Khuyết tật: 28% Học sinh được Chăm sóc Thay thế: 37% Vô gia cư: 45%	Nhóm Học sinh Nói chung: -4,67% Học tiếng Anh: -6,59% Thu nhập thấp: -5,61% Khuyết tật: -3,61% Học sinh được Chăm sóc Thay thế: +4,53% Vô gia cư: -7,48%
2.5	Đánh giá CAASPP-Môn Ngữ văn Anh	Đạt hoặc Vượt mức Học tiếng Anh:	Đạt hoặc Vượt mức Học tiếng Anh:	Đạt hoặc Vượt mức	Đạt hoặc Vượt mức	Đạt hoặc Vượt mức

Số liệu #	Chỉ số	Mốc chuẩn	Kết quả năm thứ nhất	Kết quả năm thứ hai	Mục tiêu cho kết quả năm thứ ba	Chênh lệc hiện tại so với mốc chuẩn
	cho các Nhóm học sinh: Đạt và Trên mức chuẩn Nguồn: CAASPP	11,53% Thu nhập thấp: 44,56% Khuyết tật: 19,58% Học tiếng Anh dài hạn: 4,14% Chăm sóc Thay thế: 25% Vô gia cư: 40,47%	7,16% Thu nhập thấp: 47,39% Khuyết tật: 19,26% Học tiếng Anh dài hạn: 3,70% Chăm sóc Thay thế: Không áp dụng Vô gia cư: 37,89%	Học tiếng Anh: 10,33% Thu nhập thấp: 43,47% Khuyết tật: 15,51% Học tiếng Anh dài hạn: 2,67% Chăm sóc Thay thế: Không áp dụng Vô gia cư: 37,32%	Học tiếng Anh: 20% Thu nhập thấp: 55% Khuyết tật: 25/5 Học tiếng Anh dài hạn: 15% Chăm sóc Thay thế: 28% Vô gia cư: 45%	Học tiếng Anh: -1,2% Thu nhập thấp: -1,09% Khuyết tật: -4,07% Học tiếng Anh dài hạn: -1,47% Học sinh được Chăm sóc Thay thế: -3% Vô gia cư: -3,15%
2.6	Đánh giá CAASPP-Môn Toán cho các Nhóm Học sinh: Đạt và Trên mức chuẩn Nguồn: CAASPP	Đạt hoặc Vượt mức Học tiếng Anh:16.98 % Thu nhập thấp: 38,31% Khuyết tật: 20,99% Học tiếng Anh dài hạn: 4,14% Chăm sóc Thay thế: 7,69%	Đạt hoặc Vượt mức Học tiếng Anh: 12,54% Thu nhập thấp: 41,06% Khuyết tật: 19,23% Học tiếng Anh dài hạn: 1,85% Chăm sóc Thay thế: Không áp dụng Vô gia cư: 34,79%	Đạt hoặc Vượt mức Học tiếng Anh: 14,74% Thu nhập thấp: 37,73% Khuyết tật: 15,58% Học tiếng Anh dài hạn: 2,03% Chăm sóc Thay thế: Không áp dụng Vô gia cư: 30,69%	Đạt hoặc Vượt mức Học tiếng Anh: 23% Thu nhập thấp 45% Khuyết tật: 25 Học tiếng Anh dài hạn: 15% Chăm sóc Thay thế: 10% Vô gia cư: 42%	Đạt hoặc Vượt mức Học tiếng Anh: -2,24% Thu nhập thấp -0,4% Khuyết tật: -5,41% Học tiếng Anh dài hạn: -2,11% Chăm sóc Thay thế: -2,31% Vô gia cư: -3,08%
2.7	Báo cáo Thống kê Trường CA - Ngữ văn Anh	Nguồn: Báo cáo Dữ liệu các Trường CA: Xanh (Đã duy trì 2 điểm; +15,3 điểm trên tiêu chuẩn) Học tiếng Anh: Cam (Đã xuống 9,6 điểm; - 45,4 điểm dưới	Nguồn: Báo cáo Dữ liệu các Trường CA: Xanh (Đã duy trì -1,1 điểm; +14,1 điểm trên tiêu chuẩn) Học tiếng Anh: Cam (Đã duy trì 0,8	Nguồn: Báo cáo Dữ liệu các Trường CA: Xanh (Đã duy trì -1.điểm; 12.8 điểm trên tiêu chuẩn) Học tiếng Anh: Cam (Đã duy trì -	Nguồn: Báo cáo Dữ liệu các Trường CA: Xanh (Tăng 3-15; +17 hoặc hơn trên tiêu chuẩn) Học tiếng Anh: và ng (Tăng 3-15; -30	Nguồn: Báo cáo Dữ liệu các Trường CA Đã xuống -2.5 điểm trên tiêu chuẩn Học tiếng Anh: Đã xuống -1.1 điểm dưới mức chuẩn

Số liệu #	Chỉ số	Mốc chuẩn	Kết quả năm thứ nhất	Kết quả năm thứ hai	Mục tiêu cho kết quả năm thứ ba	Chênh lệc hiện tại so với mốc chuẩn
	Nguồn: Báo cáo Dữ liệu các Trường CA	mức chuẩn) Thu nhập thấp: Cam (Đã duy trì 1,7 điểm; - 16,8 điểm dưới mức chuẩn) Khuyết tật: Cam (Đã tăng 6,3 điểm; -77,1 điểm dưới mức chuẩn) Chăm sóc Thay thế: Màu đỏ (Đã xuống 23,4 điểm; -75,7 điểm dưới mức chuẩn) Vô gia cư: Màu vàng (Đã tăng 17.9 điểm; -29.4 điểm dưới mức chuẩn	điểm; - 44,6 điểm dưới mức chuẩn) Thu nhập thấp: Cam (Đã duy trì 0,7 điểm; -16,1 điểm dưới mức chuẩn) Khuyết tật: Màu đỏ (Đã duy trì 0,8 điểm; -76,3 điểm dưới mức chuẩn) Chăm sóc Thay thế: Màu đỏ (Đã xuống 20,9,điểm; -96,4 điểm dưới mức chuẩn) Vô gia cư: Cam (Đã xuống 3,6 điểm; -33,0 điểm dưới mức chuẩn	1.9 điểm; -46.5 điểm dưới mức chuẩn) Thu nhập thấp: Cam (Đã xuống 3.3 điểm; -19.4 điểm dưới mức chuẩn) Khuyết tật: Màu đỏ (Đã xuống 6.9 điểm; -83.2 điểm dưới mức chuẩn) Chăm sóc Thay thế: Cam (Đã tăng 11 điểm; -85.4 điểm dưới mức chuẩn) Vô gia cư: Cam (Đã xuống 7,6 điểm; -40,6 điểm dưới mức chuẩn)	hoặc ít hơn dưới mức chuẩn) Thu nhập thấp: và ng (Tăng 3-15; -10 hoặc ít hơn dưới mức chuẩn) Khuyết tật: Màu vàng (Tăng 3-15; 70.0 hoặc ít hơn dưới mức chuẩn) Chăm sóc Thay thế: Màu vàng (Tăng 3-15; -49.2 hoặc ít hơn dưới mức chuẩn) Vô gia cư: Màu vàng (Tăng 3-15; -25 hoặc ít hơn dưới mức chuẩn)	Thu nhập thấp: Đã xuống -2.6 điểm dưới mức chuẩn Khuyết tật: Đã xuống -6.1 điểm dưới mức chuẩn Chăm sóc Thay thế: Đã xuống -9.7 điểm dưới mức chuẩn Vô gia cư: Đã xuống -11.2 điểm dưới mức chuẩn
2.8	Báo cáo Thống kê Trường CA - Ngữ văn Anh Nguồn: Báo cáo Dữ liệu các Trường CA	MESA VIEW: Khuyết tật: Màu đỏ (Đã xuống 11,7 điểm; 73,4 điểm dưới mức chuẩn) SPRING VIEW: Vô gia cư: Màu đỏ (Đã xuống 23,1 điểm; -73,6 điểm dưới mức chuẩn) VILLAGE VIEW: Khuyết tật: Màu đỏ (Đã xuống -13,2 điểm; -100,0 điểm dưới mức chuẩn)	MESA VIEW: Khuyết tật: Màu vàng (Tăng 25,1 điểm; 48,3 điểm dưới mức chuẩn) SPRING VIEW: Vô gia cư: Không có màu (Đã tăng 41,6 điểm; -32 điểm dưới mức chuẩn) VILLAGE VIEW: Khuyết tật: Màu đỏ (Đã duy trì 0,5 điểm; -99,5 điểm dưới mức chuẩn)	MESA VIEW: Khuyết tật: Màu đỏ (Đã xuống 40,4 điểm; 88,7 điểm dưới mức chuẩn) SPRING VIEW: Không áp dụng VILLAGE VIEW: Khuyết tật: Không có màu (Đã tăng 54,2 điểm; 45,3 điểm dưới mức chuẩn)	MESA VIEW: Khuyết tật: Cam (Tăng 3-15; -50,0 hoặc ít hơn dưới mức chuẩn) SPRING VIEW Vô gia cư: Cam (Tăng 3-15; - 50,0 hoặc ít hơn dưới mức chuẩn) VILLAGE VIEW: Khuyết tật: Cam (Tăng 3-15; -50,0 hoặc ít hơn dưới mức chuẩn)	MESA VIEW: Khuyết tật: Đã xuống -15,3 điểm dưới mức chuẩn SPRING VIEW: Không áp dụng VILLAGE VIEW: Khuyết tật: Đã tăng -54,7 điểm dưới mức chuẩn
2.9	Báo cáo Dữ liệu các Trường CA - Toán	Nguồn: Báo cáo Dữ liệu các Trường CA: Xanh (Đã tăng	Nguồn: Báo cáo Dữ liệu các Trường CA: Màu vàng (Đã	Nguồn: Báo cáo Dữ liệu các Trường CA: Màu	Nguồn: Báo cáo Dữ liệu các Trường CA: Xanh	Nguồn: Báo cáo Dữ liệu các Trường CA:

Số liệu #	Chỉ số	Mốc chuẩn	Kết quả năm thứ nhất	Kết quả năm thứ hai	Mục tiêu cho kết quả năm thứ ba	Chênh lệc hiện tại so với mốc chuẩn
	Nguồn: Báo cáo Dữ liệu các Trường CA	5,7 điểm; -0,7 điểm dưới mức chuẩn) Học tiếng Anh: Cam (Đã duy trì 0,7 điểm; -55,8 điểm dưới mức chuẩn) Thu nhập thấp: Màu vàng (Đã tăng 9,7 điểm; -34,67 điểm dưới mức chuẩn) Khuyết tật: Cam (Đã tăng 13,5 điểm; -95,7 điểm dưới mức chuẩn) Chăm sóc Thay thế: Cam (Đã xuống 31,1 điểm; -91,3 điểm dưới mức chuẩn) Vô gia cư: Màu vàng (Đã tăng 25,1 điểm; -45,0 điểm dưới mức chuẩn)	duy trì -0,1 điểm; -0,8 điểm dưới mức chuẩn) Học tiếng Anh: Cam (Đã duy trì -2,1 điểm; -57,9 điểm dưới mức chuẩn) Thu nhập thấp: Màu vàng (Đã duy trì 0,3 điểm; -34,3 điểm dưới mức chuẩn) Khuyết tật: Cam (Đã duy trì 2,8 điểm; -92,9 điểm dưới mức chuẩn) Chăm sóc Thay thế: Màu đỏ (Đã xuống 52,7 điểm; -144 điểm dưới mức chuẩn) Vô gia cư: Cam (Đã duy trì -2,3 điểm; -47,3 điểm dưới mức chuẩn)	vàng (Đã duy trì -2,1 điểm; 2,9 điểm dưới mức chuẩn) Học tiếng Anh: Cam (Đã duy trì -0,2 điểm; -57,7 điểm dưới mức chuẩn) Thu nhập thấp: Cam (Đã duy trì -1,3 điểm; -35,6 điểm dưới mức chuẩn) Khuyết tật: Màu đỏ (Đã xuống 12,1 điểm; -105 điểm dưới mức chuẩn) Chăm sóc Thay thế: Màu vàng (Đã tăng 49,9 điểm; -94,1 điểm dưới mức chuẩn) Vô gia cư: Cam (Đã xuống -9,8 điểm; -57,1 điểm dưới mức chuẩn)	(Tăng 3-15; +15,0 hoặc hơn trên tiêu chuẩn) Học tiếng Anh: Màu vàng (Tăng 3-15; -30,0 hoặc thấp hơn tiêu chuẩn) Thu nhập thấp: Xanh (Tăng 3-15; -25,0 hoặc ít hơn dưới mức chuẩn) Khuyết tật: Màu vàng (Tăng 3-15; 80,0 hoặc ít hơn dưới mức chuẩn) Chăm sóc Thay thế: Màu vàng (Tăng 3-15; -80,0 hoặc ít hơn dưới mức chuẩn) Vô gia cư: Xanh (Tăng 3-15; -25,0 hoặc ít hơn dưới mức chuẩn)	Đã xuống -2,2 điểm dưới mức chuẩn Học tiếng Anh: Đã xuống -1,9 điểm dưới mức chuẩn Thu nhập thấp: Đã xuống -0,93 điểm dưới mức chuẩn Khuyết tật: Đã xuống -9,3 điểm dưới mức chuẩn Chăm sóc Thay thế: Đã xuống -2,8 điểm dưới mức chuẩn Vô gia cư: Đã xuống -12,1 điểm dưới mức chuẩn
2.10	Báo cáo Dữ liệu các Trường CA - Toán (Trường)	MARINE VIEW: Học tiếng Anh: Màu đỏ (Đã giảm 9,5 điểm; -110,3 điểm	MARINE VIEW: Học tiếng Anh: Màu vàng (Đã tăng 29,8 điểm; 80,5	MARINE VIEW: Học tiếng Anh: Màu vàng (Đã tăng 4,2 điểm; 76,3	MARINE VIEW Học tiếng Anh: Cam (Tăng 3-15; -85,0 hoặc dưới	MARINE VIEW: Học tiếng Anh: Đã tăng +29,8 điểm dưới mức

Số liệu #	Chỉ số	Mốc chuẩn	Kết quả năm thứ nhất	Kết quả năm thứ hai	Mục tiêu cho kết quả năm thứ ba	Chênh lệc hiện tại so với mốc chuẩn
	Nguồn: Báo cáo Dữ liệu các Trường CA	dưới mức chuẩn) SPRING VIEW Vô gia cư: Màu đỏ (Đã giảm 9,3 điểm; -112,6 điểm dưới mức chuẩn) VISTA VIEW: Khuyết tật: Màu đỏ (Đã duy trì 1,8 điểm; 145,4 điểm dưới mức chuẩn) VILLAGE VIEW: Khuyết tật: Màu đỏ (Đã giảm 6,9 điểm; 99,7 điểm dưới mức chuẩn)	điểm dưới mức chuẩn) SPRING VIEW Vô gia cư: Không có màu (Đã tăng 58,9 điểm; 53,7 điểm dưới mức chuẩn) VISTA VIEW: Khuyết tật: Cam (Đã tăng 11,8 điểm; 133,7 điểm dưới mức chuẩn) VILLAGE VIEW: Khuyết tật: Cam (Đã tăng 3,7 điểm; 96 điểm dưới mức chuẩn)	điểm dưới mức chuẩn) SPRING VIEW - Không áp dụng VISTA VIEW: Khuyết tật: Màu đỏ (Đã giảm 27,9 điểm; 161,6 điểm dưới mức chuẩn) VILLAGE VIEW: Khuyết tật: Không có màu, (Đã tăng 15,7 điểm; 80,4 điểm dưới mức chuẩn)	dưới mức chuẩn) SPRING VIEW Vô gia cư: Cam (Tăng 3-15; -85,0 hoặc dưới dưới mức chuẩn) VISTA VIEW Khuyết tật: Cam (Tăng 3-15; -110,0% hoặc ít hơn dưới mức chuẩn) VILLAGE VIEW: Khuyết tật: Cam (Tăng 3-15 điểm; 84,7 điểm dưới mức chuẩn)	chuẩn SPRING VIEW: Không áp dụng VISTA VIEW: Khuyết tật: Đã giảm -16,2 điểm dưới mức chuẩn VILLAGE VIEW: Khuyết tật: Đã tăng +19,3 điểm dưới mức chuẩn
2.11	Báo cáo Dữ liệu các Trường CA - Vắng mặt Thường xuyên	Nhóm Học sinh Nói chung: Màu vàng 14,4% (Đã giảm 6,2%) Học tiếng Anh: Màu vàng 19,8% (Đã giảm 4,4%) Thu nhập thấp: Màu vàng 19,7%	Nhóm Học sinh Nói chung: Màu vàng 11,7% (Đã giảm 2,7%) Học tiếng Anh: Màu vàng 15,8% (Đã giảm 4%) Thu nhập thấp: Màu vàng 15,9%	Nhóm Học sinh Nói chung: Cam 11,8% (Đã duy trì 0,1%) Học tiếng Anh: Cam 15,7% (Đã duy trì -0,1%) Thu nhập thấp: Cam 16,3%	Nhóm Học sinh Nói chung: Màu xanh lá cây 10,0% (Giảm 5,0%) Học tiếng Anh: Màu xanh lá cây 10,0% (Giảm 5.1%)	Nhóm Học sinh Nói chung: Đã giảm 2,6% Học tiếng Anh: Đã giảm 4,1% Thu nhập thấp: Đã giảm 3,4% Khuyết tật: Đã

Số liệu #	Chỉ số	Mốc chuẩn	Kết quả năm thứ nhất	Kết quả năm thứ hai	Mục tiêu cho kết quả năm thứ ba	Chênh lệc hiện tại so với mốc chuẩn
	Nguồn: Báo cáo Dữ liệu các Trường CA	(Đã giảm 6,7%) Khuyết tật: Màu vàng 24,6% (Đã giảm 7,5%) Chăm sóc Thay thế: Cam 50% (Đã giảm 6,8%) Vô gia cư: Màu vàng 23,4% (Đã giảm 11,9%)	(Đã giảm 3,9%) Khuyết tật: Cam 23,0% (Đã giảm 1,7%) , (Đã giảm 27,6%) Vô gia cư: Cam 20,9% (Đã giảm 2,4%)	(Đã duy trì 0,4%) Khuyết tật: Màu đỏ 22,8% (Đã duy trì -0,2%) Chăm sóc Thay thế: Màu đỏ 32,5% (Đã tăng 10,1%) Vô gia cư: Màu vàng 18,5% (Đã giảm 2,4%)	Thu nhập thấp: Màu xanh lá cây 10,0% (Giảm 3,7%) Khuyết tật: Màu xanh lá cây 20% (Giảm 4,6%) Chăm sóc Thay thế: Màu vàng 30,0% (Giảm 7,0) Vô gia cư: Màu vàng 10,0% (Giảm 4,0%)	giảm 1,8% Chăm sóc Thay thế: Đã giảm 17,5% Vô gia cư: Đã giảm 4,9%
2.12	Báo cáo Dữ liệu các Trường CA – Tỷ lệ Vắng mặt Thường xuyên (Trường)	CIRCLE VIEW Khuyết tật: Màu đỏ 30,1% (Đã tăng 14,1%) COLLEGE VIEW Gốc Tây-ban-nha: Màu đỏ 21,4% (Đã tăng 0,5%) HOPE VIEW Học tiếng Anh: Màu đỏ 25,0% (Đã tăng 3,9%) MESA VIEW Học tiếng Anh: Màu	CIRCLE VIEW Khuyết tật: Màu vàng 14,3% (Đã giảm 15,9%) COLLEGE VIEW Gốc Tây-ban-nha: Màu vàng 13,6% (Đã giảm 7,8%) HOPE VIEW Học tiếng Anh: Màu đỏ 30,3% (Đã tăng 5,3%) MESA VIEW Học tiếng Anh: Cam 21,9%	CIRCLE VIEW Khuyết tật: Màu đỏ 22.9% (Đã tăng 8,6%) COLLEGE VIEW Gốc Tây-ban-nha: Cam 13,6% (Đã duy trì 0%) HOPE VIEW Học tiếng Anh: Không có màu 17,2%(Đã giảm 13,1%) MESA VIEW Học tiếng Anh: Màu	CIRCLE VIEW: Khuyết tật: Cam 15.0% (Giảm 15,0%) COLLEGE VIEW Gốc Tây-ban-nha: Cam 15,0% (Giảm 6,4%) HOPE VIEW Học tiếng Anh: Cam 18,0% (Giảm 7,0%) MESA VIEW Học tiếng Anh: Cam 18,0% (Giảm	CIRCLE VIEW Khuyết tật: Đã giảm 7,2% COLLEGE VIEW Gốc Tây-ban-nha: Đã giảm 7,8% HOPEVIEW Học tiếng Anh: Đã giảm 7,8% MESA VIEW Học tiếng Anh: Đã giảm 4,8% Vô gia cư: Đã giảm 22,8%

Số liệu #	Chỉ số	Mốc chuẩn	Kết quả năm thứ nhất	Kết quả năm thứ hai	Mục tiêu cho kết quả năm thứ ba	Chênh lệc hiện tại so với mốc chuẩn
	Nguồn: Báo cáo Dữ liệu các Trường CA	đỏ 26,9% (Đã duy trì 0,3%) Vô gia cư: Màu đỏ 36,8% (Đã tăng 10,2%) VILLAGE VIEW: Khuyết tật: Màu đỏ 31,8% (Đã tăng 1,9%)	(Đã giảm 5%) Vô gia cư: Cam 23,4% (Đã giảm 13,4%) VILLAGE VIEW Khuyết tật: Cam 27,4% (Đã giảm 4,4%)	đỏ 22,1%(Đã duy trì 0,2%) Vô gia cư: Màu vàng 14% (Đã giảm 9,5%) VILLAGE VIEW Khuyết tật: Màu xanh lá cây 6,1% (Đã giảm 21,3%)	9,0%) Vô gia cư: Cam 25,05% (Giảm 17,0%) VILLAGE VIEW Khuyết tật: Cam 20,0% (Giảm 12%)	VILLAGE VIEW Khuyết tật: Đã giảm 25,7%
2.13	Báo cáo Dữ liệu các Trường CA – Đình chỉ Học Nguồn: Báo cáo Dữ liệu các Trường CA	Nhóm Học sinh Nói chung: Cam 2,0% (Đã tăng 0,4%) Học tiếng Anh: Cam 3,8% (Đã tăng 1,3%) Thu nhập thấp: Cam 2,9% (Đã tăng 0,7%) Khuyết tật: Cam 3,4% (Đã duy trì – 0,2%) Chăm sóc Thay thế: Màu đỏ 10,3% (Đã tăng 5,9%) Mỹ gốc Phi Châu: Màu đỏ 7,2% (Đã tăng 2,7%) Vô gia cư: Cam 2,9% (Đã tăng 0,5%)	Nhóm Học sinh Nói chung: Màu xanh lá cây 1,3% (Đã giảm 0,7%) Học tiếng Anh: Màu xanh lá cây 1,8% (Đã giảm 2%) Thu nhập thấp: Màu xanh lá cây 1,7% (Đã giảm 1,1%) Khuyết tật: Màu xanh lá cây 2,4% (Đã giảm 1%) Chăm sóc Thay thế: Cam 8,3% (Đã giảm 1,9%) Mỹ gốc Phi Châu: Màu vàng 3,6% (Đã giảm 3,7%) Vô gia cư: Màu xanh lá cây 2,3% (Đã giảm	Nhóm Học sinh Nói chung: Màu xanh lá cây 0,8% (Đã giảm 0,5%) Học tiếng Anh: Màu vàng 1,9% (Đã duy trì 0,1%) Thu nhập thấp: Màu xanh lá cây 1,2% (Đã giảm 0,5%) Khuyết tật: Màu xanh lá cây 6,1% (Giảm 21,3%) Màu xanh lá cây1,9% (Đã giảm 0,5%) Chăm sóc Thay thế: Màu xanh lá cây 2,5% (Đã giảm 5,8%) Mỹ gốc Phi Châu:	Nhóm Học sinh Nói chung: Màu xanh lá cây 1,5% (Giảm 0,5%-3,0%) Học tiếng Anh: Màu xanh lá cây 2,2% (Giảm 0,5%-3,0%) Thu nhập thấp: Màu xanh lá cây 1,7% (Giảm 0,5%-3,0%) Khuyết tật: Màu xanh lá cây 3,0% (Giảm 0,5%-3,0%) Chăm sóc Thay thế: Màu vàng 3,8% (Giảm 0,5%- 3,0%) Mỹ gốc Phi Châu: Màu vàng 3,8%	Nhóm Học sinh Nói chung: Đã giảm 1,2% Học tiếng Anh: Đã giảm 1,9% Thu nhập thấp: Đã giảm 1,7% Khuyết tật: Đã giảm 1,5% Chăm sóc Thay thế: Đã giảm 7,8% Mỹ gốc Phi Châu: Đã giảm 3,8% Vô gia cư: Đã giảm 1,8%

Số liệu #	Chỉ số	Mốc chuẩn	Kết quả năm thứ nhất	Kết quả năm thứ hai	Mục tiêu cho kết quả năm thứ ba	Chênh lệc hiện tại so với mốc chuẩn
			0,6%)	Cam 3,4% (Đã duy trì -0,2%) Vô gia cư: Màu xanh lá cây 1,1% (Đã giảm 1,2%)	(Giảm 0,5%-3,0%) Vô gia cư: Màu xanh lá cây 1,9% (Giảm 0,5%-3,0%)	
2.14	Báo cáo Dữ liệu các Trường CA - Đình chỉ học (Trường) Nguồn: Báo cáo Dữ liệu các Trường CA	MARINE VIEW Học tiếng Anh: Màu đỏ 16,9% (Đã tăng 13,7%) Thu nhập thấp: Màu đỏ 10,1% (Đã tăng 7,4%) Gốc Tây-ban-nha: Màu đỏ 9,0% (Đã tăng 6,0%) Khuyết tật: Màu đỏ 12,7%(Đã tăng 8,5%) MESA VIEW Học tiếng Anh: Màu đỏ 26,9% (Đã tăng 19,3%) Thu nhập thấp: Màu đỏ 9,8% (Đã tăng 5,1%) Gốc Tây-ban-nha: Màu đỏ 10,4% (Đã tăng 6,6%) Khuyết tật: Màu đỏ 13,6% (Đã tăng 6,2%)	MARINE VIEW Học tiếng Anh: Xanh dương 0% (Đã giảm 16,9%) Thu nhập thấp: Màu xanh lá cây 4,4% (Đã giảm 5,7) Gốc Tây-ban nha: Xanh dương 1,5% (Đã giảm 7,5%) Khuyết tật: Màu xanh lá cây 6,3% (Đã giảm 6,4%) MESA VIEW Học tiếng Anh: Cam 9,2% (Đã giảm 17,6%) Thu nhập thấp: Màu xanh lá cây 6,0% (Đã giảm 3,8%) Gốc Tây-ban-nha: Màu xanh lá cây 6,2% (Đã giảm 4,2%) Khuyết tật: Cam	MARINE VIEW Học tiếng Anh: Cam 3,8% (Đã tăng 3,8%) Thu nhập thấp: Màu xanh lá cây 2,5% (Đã giảm 1,9%) Gốc Tây-ban-nha: Màu xanh lá cây:1,3% (Đã duy trì -0,2%) Khuyết tật: Màu xanh lá cây 4,9% (Đã giảm 1,4%) MESA VIEW Học tiếng Anh: Màu đỏ 12,5% (Đã tăng 3,3%) Thu nhập thấp: Cam 5,9% (Đã duy trì -0,2%) Gốc Tây-ban-nha: Màu xanh lá cây 5,5% (Đã giảm 0,7%) Khuyết tật: Màu đỏ	MARINE VIEW Học tiếng Anh: Cam 5,0% (Giảm 3,0%) Thu nhập thấp: Cam 3% (Giảm 0.5%-3,0%) Gốc Tây-ban-nha: Cam 3% (Giảm 0,5%-3,0%) Khuyết tật: Cam 3% (Giảm 0,5%-3,0%) MESA VIEW Học tiếng Anh: Cam 18% (Giảm 0.5%-3.0%) Thu nhập thấp: Màu xanh lá cây 8.0% (Giảm 0,5%-3,0%) Gốc Tây-ban-nha: Màu xanh lá cây 3,0% (Giảm 0,5%-3,0%) Khuyết tật: Cam	MARINE VIEW Học tiếng Anh: Đã giảm 13,1% Thu nhập thấp: Đã giảm 7,6% Gốc Tây-ban-nha: Đã giảm 7,7% Khuyết tật: Đã giảm 7,8% MESA VIEW Học tiếng Anh: Đã giảm 14,4% Thu nhập thấp: Đã giảm 3.9% Gốc Tây-ban-nha: Đã giảm 4,9% Khuyết tật: Đã duy trì 13,6%

Số liệu #	Chỉ số	Mốc chuẩn	Kết quả năm thứ nhất	Kết quả năm thứ hai	Mục tiêu cho kết quả năm thứ ba	Chênh lệc hiện tại so với mốc chuẩn
			13,2% (Đã giảm 0,4%)	13,6% (Đã tăng 0.4%)	12% (Giảm 0,5-3,0%)	
2.15	Báo cáo Dữ liệu các Trường CA - Chỉ số Thành thạo tiếng Anh (ELPI) Nguồn: Báo cáo Dữ liệu các Trường CA	Cam (51,9%)	Cam (47,2%)	Cam (45,5%)	Màu xanh lá cây (57%)	+6,4%
2.16	Chỉ số Thành thạo tiếng Anh (ELPI) (School) Nguồn: Báo cáo Dữ liệu các Trường CA	SPRING VIEW: Màu đỏ (39%) VISTA VIEW: Màu đỏ (44,8%)	SPRING VIEW: Xanh dương (69,2%) VISTA VIEW: Cam (38,1%)	SPRING VIEW Không áp dụng VISTA VIEW: Cam (42,9%)	SPRING VIEW: Màu xanh lá cây (54,0%) VISTA VIEW: Màu xanh lá cây (54,0%)	SPRING VIEW: Không áp dụng VISTA VIEW: +1,9%
2.17	Summative English Language Proficiency Assessments for California (ELPAC): Percent Level 4 (Well Developed) Nguồn ELPAC	16,42%	15,4%	17%	24%	+,58%
2.1	Tỷ lệ phân loại lại từ Học tiếng Anh sang thành thạo tiếng Anh (RFEP) Nguồn: Biện pháp	10,17%	Tháng Năm, 2025: 15%	12,42%	17%	+2,25%

Số liệu #	Chỉ số	Mốc chuẩn	Kết quả năm thứ nhất	Kết quả năm thứ hai	Mục tiêu cho kết quả năm thứ ba	Chênh lệc hiện tại so với mốc chuẩn
	Địa phương					
2.19	Phiên dịch/Thông dịch: tiếp tục cung cấp thông tin bằng nhiều ngôn ngữ cho phụ huynh/người giám hộ của các học sinh không trùng lặp Nguồng: Biện pháp Địa phương	Tính đến ngày 11 tháng Năm, 2024 415 giờ biên dịch 806 giờ thông dịch	Tính đến ngày 9 tháng Năm, 2025 430 giờ biên dịch 1000 giờ thông dịch	Tính đến 11 tháng Năm, 2026 304 giờ biên dịch 923 giờ thông dịch	Duy trì 415 giờ biên dịch 806 giờ thông dịch	-114 giờ biên dịch +117 giờ thông dịch
2.20	Phản hồi khảo sát phụ huynh hàng năm – Hoàn toàn đồng ý/Đồng ý: “Trường của con tôi cung cấp các cơ hội để phụ huynh học cách hỗ trợ con cái của họ.” Nguồn: Khảo sát dành cho Phụ huynh	89%	89%	90%	Duy trì ở mức 90% hay hơn	+1%
2.21	Chương trình Title 1 – Hoàn toàn đồng ý/Đồng ý: “Nhà trường cung cấp thông tin và /hoặc các buổi hội thảo giúp phụ huynh tham	98%	98%	97%	Duy trì 95% hay hơn	-1%

Số liệu #	Chỉ số	Mốc chuẩn	Kết quả năm thứ nhất	Kết quả năm thứ hai	Mục tiêu cho kết quả năm thứ ba	Chênh lệc hiện tại so với mốc chuẩn
	gia tốt hơn vào việc giáo dục con em của mình.” Nguồn:OVSD Tiêu đề 1 Khảo sát phụ huynh					

Phân tích Mục tiêu [2025-2026]

Phần phân tích mục tiêu này đã đượ thực hiện như thế nào trong năm vừa qua.

Mô tả tổng thể quá trình thực hiện, bao gồm bất kỳ sự khác biệt đáng kể nào giữa các hoạt động đã lên kế hoạch và việc thực hiện thực tế các hoạt động đó, cũng như bất kỳ thách thức và thành công nào có liên quan trong quá trình thực hiện.

Tất cả các hoạt động thuộc Mục tiêu 2 đều được thực hiện phần lớn theo kế hoạch, không có sự khác biệt đáng kể giữa các hoạt động đã lên kế hoạch và việc thực hiện thực tế. Học khu tiếp tục tập trung mạnh vào việc cải thiện kết quả học tập cho các nhóm học sinh không trùng lặp thông qua hỗ trợ học tập, dịch vụ về mặt Cảm xúc-Xã hội và sự tham gia của gia đình.

Một lĩnh vực trọng tâm trong quá trình triển khai là cải thiện tỷ lệ chuyên cần và tăng cường các hệ thống hỗ trợ hành vi và cảm xúc xã hội tích hợp cho tất cả học sinh, đặc biệt chú trọng đến Học sinh Khuyết tật và Học sinh Học tiếng Anh dài hạn, phù hợp với chỉ định Hỗ trợ Phân hóa của học khu. Các trường tham gia vào việc xem xét và giám sát dữ liệu liên tục, với trọng tâm là phòng ngừa, can thiệp sớm và hỗ trợ phối hợp. Thông qua việc triển khai các hệ thống đồng bộ này, học khu tiếp tục thúc đẩy hành vi và sự tham gia tích cực của học sinh, hỗ trợ cải thiện kết quả học tập của học sinh, bao gồm giảm tỷ lệ đình chỉ học. Học khu đã mở rộng các nỗ lực để giải quyết các rào cản đối với việc chuyên cần, bao gồm việc bổ sung một Điều phối viên Cộng đồng phu trách về Trẻ em được Chăm sóc Thay thế, nhằm tăng cường tiếp cận và hỗ trợ cho học sinh và gia đình.

Việc bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn tiếp tục được thực hiện trong các lĩnh vực i-Ready, viết, đọc viết sớm và giảng dạy dựa trên dữ liệu, hỗ trợ giáo viên trong việc triển khai các biện pháp can thiệp học thuật có mục tiêu và giảng dạy phân hóa. Hỗ trợ về mặt cảm xúc xã hội và hành vi được thực hiện thông qua một hệ thống đa cấp, bao gồm các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ sức khỏe tâm thần và các biện pháp phục hồi.

Mặc dù việc thực hiện các hoạt động theo kế hoạch diễn ra đồng nhất, nhưng những thách thức về nhân sự đã ảnh hưởng đến mức độ thực hiện ở một số lĩnh vực. Tình trạng thiếu hụt nhân sự ở các vị trí lãnh đạo và hỗ trợ chủ chốt, bao gồm cả Trợ lý Giám đốc phụ trách Dịch vụ Giáo dục, nhân viên Giảng dạy và Học tập, và nhân viên hỗ trợ hành chính của các phòng ban, đã hạn chế khả năng của học khu trong việc mở rộng đầy đủ các sáng kiến giảng dạy như dự định.

Nhìn chung, học khu đã thực hiện thành công các thành phần cốt lõi của Mục tiêu 2, với những tiến bộ đáng kể trong việc tăng cường hệ thống điểm danh, hỗ trợ hành vi và các dịch vụ mục tiêu cho các nhóm học sinh. Việc tiếp tục tập trung vào nhân sự và năng lực giảng dạy sẽ hỗ trợ việc triển khai sâu rộng hơn trong thời gian tới.

Giải thích sự khác biệt đáng kể giữa chi phí dự toán và chi phí thực tế ước tính và /hoặc tỷ lệ phần trăm cải thiện dịch vụ theo kế hoạch và tỷ lệ phần trăm cải thiện dịch vụ thực tế ước tính.

Các hoạt động 2.1, 2.2, 2.3, 2.4, 2.5, 2.7 và 2.8 đã được thực hiện theo kế hoạch, với chi phí phù hợp với ngân sách đã được phê duyệt.

Đối với Hoạt động 2.6, chi phí thấp hơn dự kiến. Một phần ngân sách được phân bổ đã được sử dụng để hỗ trợ triển khai chương trình; tuy nhiên, các hoạt động phát triển chuyên môn và hỗ trợ theo kế hoạch đã được điều chỉnh do sự vắng mặt đột xuất của một số nhân viên trong nhóm Dịch vụ Giáo dục. Kết quả là, các dịch vụ đã được cung cấp thông qua các phương pháp thay thế không yêu cầu chi phí theo ngân sách ban đầu.

Phần mô tả về hiệu quả hoặc thiếu hiệu quả của các hoạt động cụ thể đã thực hiện cho đến nay trong việc đạt được mục tiêu.

Các hoạt động trong Mục tiêu 2 đã hiệu quả trong việc hỗ trợ tiến triển đến các kết quả tốt hơn cho các nhóm học sinh không trùng lặp, cụ thể là trong sự chuyên cần, tham gia vào sinh hoạt học đường, và tiếp cận đến các hỗ trợ học thuật và cảm xúc-xã hôi. Việc áp dụng các hệ thống học thuật, hành vi, và cảm xúc-xã hội có phối hợp, đã theo sát với định hướng Trợ giúp được Phân hóa, đã đóng góp nhiều cảI thiện đáng kể trong cùng lúc xác định các lĩnh vực cần sự tiếp tục tăng trưởng.

Hoạt động 2.3 đã có hiệu quả trong việc hỗ trợ sự phát triển học thuật thông qua bồi dưỡng chuyên môn, thời gian hợp tác có cấu trúc và giảng dạy dựa trên dữ liệu. Giáo viên đã sử dụng thời gian không đứng lớp để phân tích dữ liệu và thực hiện giảng dạy phân hóa và các Hoạt động can thiệp mục tiêu, góp phần và o sự tiến bộ trong môn Đọc và Toán được đo lường bằng các chỉ số địa phương như kết quả chẩn đoán iReady. Những nỗ lực này hỗ trợ trọng tâm Hỗ trợ Phân hóa của học khu nhằm cải thiện kết quả học tập cho Học sinh Khuyết tật và Học sinh Học tiếng Anh dài hạn.

Hoạt động 2.4 đã có hiệu quả trong việc tăng cường hỗ trợ toàn diện về mặt Cảm xúc-Xã hội, chuyên cần và hành vi. Việc xem xét dữ liệu liên tục và sự hợp tác ở cấp trường đã góp phần giảm tỷ lệ vắng mặt thường xuyên và duy trì tỷ lệ đình chỉ học ổn định ở mức thấp, phản ánh tác động của các Hoạt động can thiệp phối hợp và hỗ trợ chủ động.

Các Hoạt động 2.6, 2.7 và 2.8 đã có hiệu quả trong việc mở rộng và phối hợp các dịch vụ dành cho học sinh học tiếng Anh, bao gồm Học sinh Học tiếng Anh dài hạn, và học sinh có hoàn cảnh khó khăn và Học sinh Vô gia cư. Việc tăng cường tiếp cận các hỗ trợ học tập, tư vấn, quản lý trường hợp và tiếp cận gia đình đã cải thiện sự tham gia của học sinh và khả năng tiếp cận việc học.

Hoạt động 2.5 đã có hiệu quả trong việc tăng cường sự tham gia của gia đình thông qua các buổi hội thảo và mở rộng giao tiếp. Dữ liệu khảo sát phụ huynh cho thấy mức độ tham gia cao, với 90% gia đình báo cáo có cơ hội hỗ trợ việc học tập của con em mình.

Mặc dù đã có những tiến bộ ở các lĩnh vực này, khoảng cách về hiệu suất vẫn tồn tại trên nhiều chỉ số đối với Học sinh Học tiếng Anh, học sinh khuyết tật và các nhóm học sinh không trùng lặp khác. Trong khi các số liệu địa phương cho thấy sự tăng trưởng, dữ liệu từ CAASPP và Báo cáo Dữ liệu các Trường CA cho thấy kết quả vẫn thấp hơn mức mong muốn. Dữ liệu về trẻ em được chăm sóc thay thế vẫn còn hạn chế do quy mô nhóm nhỏ, mặc dù dữ liệu hiện có cho thấy vẫn cần hỗ trợ mục tiêu.

Nhìn chung, các hoạt động thuộc Mục tiêu 2 đã có hiệu quả trong việc củng cố hệ thống hỗ trợ, cải thiện sự tham gia và tăng cường khả năng tiếp cận các dịch vụ. Việc tiếp tục tập trung và o việc hoàn thiện phương pháp giảng dạy, tăng cường triển khai và duy trì sự hỗ trợ đồng nhất giữa các cơ sở sẽ rất cần thiết để cải thiện kết quả và khắc phục những thiếu sót đã được xác định.

Mô tả bất cứ thay đổi được làm với mục tiêu, chỉ số, kết quả nhắm đến, hay hoạt động đã lên kế hoạch cho năm tới mà do từ các nhận định về những biện pháp trước đây.

Đối với năm học 2026–27, mục tiêu tổng thể của Mục tiêu 2 vẫn không thay đổi, tiếp tục tập trung vào việc cải thiện kết quả học tập cho các nhóm học sinh không trùng lặp thông qua các hỗ trợ học tập, cảm xúc xã hội và sự tham gia có mục tiêu, bao gồm cả sự tham gia của gia đình. Dựa trên việc xem xét dữ liệu thực hiện, kết quả học tập của học sinh và phản hồi từ các đối tác giáo dục, các điều chỉnh đã được thực hiện để tăng cường tính rõ ràng, sự đồng nhất và hiệu quả của các hoạt động và chỉ số. Không có hoạt động nào được thêm vào hoặc loại bỏ.

Hoạt động 2.1, 2.3, 2.4 và 2.5: Lời nhắc số 2 trong mô tả IIS đã được sửa đổi để rõ ràng hơn. Ngoài ra, các hoạt động 2.3, 2.4 và 2.5 đã được cập nhật để nhấn mạnh vào các học sinh không trùng lặp, đồng thời chú trọng đến các nhóm học sinh trong Hỗ trợ Phân hóa. Chỉ số 2.8 đã được cập nhật cho trường Mesa View để bao gồm Học sinh Khuyết tật trong các Chỉ số/Hoạt động cho môn Ngữ văn Anh. Chỉ số 2.10 đã được cập nhật để bao gồm Học sinh Khuyết tật của trường Village View trong các Chỉ số/Hoạt động cho môn Toán. Chỉ số 2.14 đã được cập nhật để bao gồm Học sinh Khuyết tật của cả trường Marine View và Mesa View trong các Chỉ số/Hoạt động cho Đình chỉ học.

Các Chỉnh sửa trong Hoạt động 2.2 và 2.3 đã làm rõ hơn cách tiếp cận của học khu đối với can thiệp sớm và hỗ trợ học tập. Hoạt động 2.2 xác định rõ hơn trọng tâm về khối lớp và nhân sự để hỗ trợ phát triển kỹ năng nền tảng ở các lớp đầu cấp.

Hoạt động 2.2 Chương trình Can thiệp sớm, Phòng ngừa và Tiếp thu Anh ngữ: Tiếp tục cung cấp các chương trình can thiệp sớm, phòng ngừa và Tiếp thu Anh ngữ thông qua việc giảm sĩ số lớp học từ mẫu giáo đến lớp ba. Để hỗ trợ thêm mục tiêu này, tiếp tục tuyển
dụng và phân công trợ giảng để hỗ trợ các lớp mẫu giáo nhằm xây dựng nền tảng vững chắc cho các kỹ năng chuẩn bị vào trường.

Hoạt động 2.3 đã được mở rộng để nhấn mạnh cả kỹ năng đọc viết và toán học, với trọng tâm mạnh mẽ hơn vào phương pháp giảng dạy dựa trên dữ liệu, hỗ trợ phân hóa và các biện pháp can thiệp mục tiêu dành cho học sinh học tiếng Anh, trẻ em được chăm sóc thay thế, Học sinh trong Gia đình có Thu nhập thấp, học sinh khuyết tật và học sinh Học sinh Vô gia cư. Đối với năm học 2026–27, hoạt động này đã được tinh chỉnh hơn nữa để tăng cường sự phù hợp với trọng tâm Hỗ trợ Phân hóa của học khu nhằm cải thiện kết quả học tập về đọc viết và toán học, đặc biệt là đối với học sinh học tiếng Anh, Học sinh Học tiếng Anh Dài hạn và học sinh khuyết tật. Những tinh chỉnh này cung cấp tính cụ thể hơn trong cách thức triển khai các dịch vụ để giải quyết các khoảng trống học tập đã được xác định và đảm bảo các phương pháp giảng dạy đồng nhất hơn giữa các trường.

Hoạt động 2.3 Hỗ trợ Học tập: Để cải thiện kết quả học tập và thu hẹp khoảng cách về khả năng đọc viết và toán học cho tất cả học sinh, bao gồm học sinh học tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai, học sinh thuộc diện chăm sóc thay thế, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh Học sinh Vô gia cư và học sinh khuyết tật, học khu sẽ cung cấp hỗ trợ học tập, phát triển chuyên môn và thời gian nghỉ phép cho giáo viên để phân tích dữ liệu và lập kế hoạch giảng dạy và can thiệp phân hóa dựa trên bằng chứng. Việc áp dụng các chiến lược dựa trên nghiên cứu, bao gồm Thiết kế Học tập Toàn diện (Universal Design for Learning), được sử dụng để củng cố và tăng cường thành tích đọc viết và toán học của học sinh.

Các hoạt động 2.4 và 2.5 đã được tinh chỉnh để tăng cường sự phối hợp giữa các hệ thống hỗ trợ về mặt Cảm xúc-Xã hội, chuyên cần và hành vi, cũng như để

củng cố việc thông tin liên lạc đồng nhất và có ý nghĩa giữa nhà trường và gia đình. Hoạt động 2.4 được điều chỉnh phù hợp hơn với trọng tâm Hỗ trợ Phân hóa của Học khu, với việc bổ sung các chỉ số về đình chỉ học (2.13 và 2.14) để theo dõi tốt hơn
Hoạt động 2.4 Các hệ thống hỗ trợ tích hợp cho Cảm xúc-Xã hội, Chuyên cần, và Hành vi: Củng cố và căn chỉnh các hệ thống hỗ trợ tổng quát cho cảm xúc-xã hội, chuyên cần, và hành vi để giải quyết những rào cản học tập và cải thiện các kết quả của học sinh. Các nhà cung cấp dịch vụ sức khỏe tâm thần và các thực tập sinh được hợp đồng sẽ thực hiện các biện pháp hỗ trợ can thiệp về chuyên cần được nhắm đến và hành vi một cách chủ động thông qua một hệ thống hỗ trợ được phối hợp bao gồm phòng ngừa, can thiệp sớm, và tập trung cao độ dựa trên nhu cầu của học sinh. Ngoài các nhóm học sinh không trùng lặp, các nỗ lực tập trung để giải quyết tỷ lệ vắng mặt thường xuyên và đình chỉ học tập cho các nhóm Học sinh Học tiếng Anh Dài hạn và Học sinh Khuyết tật. Việc phân tích dữ liệu liên tục, giám sát tiến triển, và hợp tác ở cấp trường sẽ đảm bảo sự cải thiện không bị ngắt đoạn, đáp ứng đến nhu cầu và đúng lúc trong việc thu hút sự tham gia của học sinh, chuyên cần, và hành vi.

Hoạt động 2.5 Khóa đào tạo dành cho Phụ huynh & Liên lạc Thường xuyên giữa Nhà trường và Gia đình: Cung cấp khóa học dành cho phụ huynh và duy trì thông tin liên lạc hai chiều giữa nhà trường và gia đình liên quan đến các chương trình học thuật và tiến độ học tập của học sinh. Học khu sẽ cố tình thực hiện việc tiếp cận gia đình/người giám hộ của các nhóm Học sinh Học tiếng Anh, Trẻ em được Chăm sóc Thay thế, và Thu nhập thấp, với những nhóm học sinh bổ sung khác bao gồm Vô gia cư và Học sinh Khuyết tật là các mảng tập trung. Hoạt động này sẽ đảm bảo quyền tiếp cận thông qua biên dịch và phiên dịch để hỗ trợ sự thành công của học sinh.

Các hoạt động 2.6, 2.7 và 2.8 đã được tinh chỉnh để cung cấp sự rõ ràng hơn về các dịch vụ và hỗ trợ dành cho Học sinh Học tiếng Anh, Học sinh Học tiếng Anh Dài hạn (LTEL), Trẻ được Chăm sóc Thay thế và Học sinh trong Gia đình có Thu nhập thấp và Học sinh Vô gia cư, với sự nhấn mạnh hơn vào việc giảm bớt các rào cản, tăng cường tiến bộ học tập và hỗ trợ phúc lợi toàn diện. Đối với Hoạt động 2.6: Câu hỏi 4 đã được cập nhật và sửa chữa để cung cấp thông tin về cách OVSD phục vụ các LTEL của mình.

Hoạt động 2.6 Dịch vụ dành cho Học sinh Học tiếng Anh: Tăng cường và mở rộng các dịch vụ dành cho Học sinh Học tiếng Anh (EL), đặc biệt là đối với những Học sinh Học tiếng Anh Dài hạn (LTEL), nhằm nâng cao trình độ tiếng Anh, thành tích học tập và việc phân loại lại kịp thời. Nhân viên chuyên trách, các lớp học ngôn ngữ nhóm nhỏ có mục tiêu cụ thể và việc phát triển chuyên môn liên tục sẽ tăng cường năng lực của đội ngũ giáo viên trong việc cung cấp các bài học khác biệt, dựa trên nghiên cứu để hỗ trợ việc tiếp thu và đạt được thành tích ngôn ngữ cho cả EL và LTEL. Các buổi họp phụ huynh và học sinh bổ sung đã được tổ chức với những Học sinh Học tiếng Anh Dài hạn để thảo luận về các yêu cầu phân loại lại và các chiến lược để hỗ trợ họ.

Hoạt động 2.7 Dịch vụ dành cho Trẻ em được Chăm sóc Thay thế: Tiếp tục tăng cường các hỗ trợ toàn diện cho Trẻ được Chăm sóc Thay thế bằng cách cung cấp tư vấn, quản lý hồ sơ, giới thiệu hoặc các nguồn lực để giúp giảm thiểu và loại bỏ các rào cản nhằm để củng cố mức chuyên cần, tiến độ học tập và khuyến khích sự ổn định chung về mặt tinh thần và thể lực.

Hoạt động 2.8 Dịch vụ dành cho Học sinh trong Gia đình có Thu nhập thấp/Học sinh Vô gia cư: Tiếp tục tăng cường hỗ trợ cho Học sinh trong Gia đình có Thu nhập thấp hoặc Học sinh Vô gia cư bằng cách đảm bảo đội ngũ nhân viên đủ trình độ cung cấp hỗ trợ học tập, tài liệu, đồ dùng học tập, tư vấn, quản lý hồ sơ và giới thiệu đến các nguồn lực của Học khu và cộng đồng để giúp giảm thiểu hoặc loại bỏ các rào cản và thúc đẩy đến trường, thành công trong học tập và sự ổn định về mặt tinh thần và thể lực.

Những cải tiến này giúp tăng tính đồng nhất giữa các hoạt động, củng cố việc thực hiện và đảm bảo sự phù hợp với các nhu cầu đã được xác định của học sinh và lĩnh vực cần tiếp tục tăng trưởng

Báo cáo về Tổng chi phí thực tế ước tính cho các hoạt động năm ngoái có thể được tìm thấy trong Bảng cập nhật hàng năm. Báo cáo về Tỷ lệ phần trăm thực tế ước tính về cải thiện dịch vụ cho các hoạt động năm ngoái có thể được tìm thấy trong Bảng cập nhật hàng năm về các hoạt động đóng góp.

Hoạt động

Hoạt động #	Tiêu đề	Mô tả	Tổng số Ngân sách (Đô la)	Đóng góp
2.1	Ngày Học Kéo Dài (Trên số phút giảng dạy tối thiểu bắt buộc bởi tiểu bang)	Tiếp tục cung cấp đến học sinh với số phút giảng dạy bổ sung hàng ngày ngoài số phút bắt buộc bởi luật pháp để hỗ trợ và tăng tốc việc học tập của các nhóm Học tiếng Anh, Trẻ em được Chăm sóc Thay thế, Thu nhập thấp, Vô gia cư, và các nhóm học sinh có nhu cầu cao khác. Như được đo lường bằng: Báo cáo Thống kê CA - ELA/Toán; M2.7, M2.8, M2.9, M2.10, và iReady tổng quát và Học sinh Không-trùng-lặp - ELA/Toán: M2.3 và M2.4 Lưu ý: Nghiên cứu chứng minh lợi ích của việc tăng thời lượng giảng dạy đối với việc cải thiện kết quả học tập (Beyond Reform, Lindsay Unified School Học khu, 2017; Focus, Schmoker 2011; Coherence, Fullan và Quinn, 2016; Ngữ văn tiếng Anh/English Language Development Framework, 2014; Transformational Learning, Sheninger, 2017; Humanizing the Education Machine, Miller, 2017)	2.400.002,00	Có
2.2	Các chương trình Can thiệp sớm, Ngăn ngừa & Tiếp thu Anh ngữ	Tiếp tục cung cấp các chương trình can thiệp sớm, phòng ngừa và phát triển ngôn ngữ tiếng Anh thông qua việc giảm sĩ số lớp học từ lớp Mẫu giáo đến lớp ba. Để hỗ trợ thêm mục tiêu này, tiếp tục tuyển dụng các trợ giáo để hỗ trợ những lớp	3.500.148,00	Có

Hoạt động #	Tiêu đề	Mô tả	Tổng số Ngân sách (Đô la)	Đóng góp
		mẫu giáo phát triển một nền tảng vững chắc về các kỹ năng sửa soạn đến trường. Như đã được đo lường bằng: Báo cáo Dữ liệu các Trường CA- ELA/Toán: M2.7, M2.8, M2.9, M2.10, và iReady tổng thể và Học sinh Không-trùng-lặp - ELA/Toán cho các lớp K-3: M2.1, M2.2, M2.3, và M2.4 Lưu ý: Các học sinh bắt đầu theo đúng hướng từ đầu từ mẫu giáo chuyển tiếp (TK) đến lớp 3 xây dưng một nền tảng các kỹ năng chuẩn bị đến trường vững chắc. “Đọc thành thạo vào cuối năm lớp 3 … có thể là một cột mốc thành-bại trong sự phát triển học thuật của một trẻ em…Một người mà không phải ít nhất là một người biết đọc ở mức độ khiêm tốn vào thời điểm đó thì có khả năng cao là không thể tốt nghiệp trung học.” (Early Warning! Why Reading by the End of Third Grade Matters, 2010). Ngoài ra, nghiên cứu cho hấy sự tham gia bởi các Học tiếng Anh, thu nhập thấp, Chăm sóc Thay thế, và các nhóm học sinh khác chưa phát triển đủ tiếng Anh, khả năng đọc viết, và toán (The Impact of Transitional Kindergarten on California Học sinh, Manship, K., Holod, A., Quick, H., et. al. 2017)		
2.3	Hỗ trợ Học thuật	Để cải thiện các kết quả học tập và khép bớt khoảng cách cho Học sinh Nói chung trong môn Toán và đọc viết, bao gồm các nhóm Học tiếng Anh, Trẻ em được Chăm sóc Thay thế, Thu nhập thấp, và học sinh đang trong tình trạng vô gia cư, Học khu sẽ cung cấp những hỗ trợ học thuật, phát triển chuyên môn, và thời gian không đứng lớp cho giáo viên dùng để phân tích dữ liệu và lập kế hoạch giảng dạy và can thiệp phân hóa dựa trên nghiên cứu, bao cồm Thiết kế Học tập Phổ cập (UDL) để củng cố và tăng cường thành tích đọc viết và toán học của học sinh. (Hoạt động của D.A.)	3.779.059,00	Có

Hoạt động #	Tiêu đề	Mô tả	Tổng số Ngân sách (Đô la)	Đóng góp
		Như được đo lường bằng: Báo cáo Dữ liệu các Trường CA- ELA/Toán: M2.7, M2.8, M2.9, M2.10, và iReady tổng thể và Học sinh Không-trùng-lặp - ELA/Toán: M2.1, M2.2, M2.3, và M2.4 Hoạt động này được cung cấp trên căn bản toàn LEA để bảo đảm lợi ích của Học sinh Nói chung; tuy nhiên, điều này chủ đích là đưa ra đáp án cho các nhu cầu học thuật đã được xác định cho các nhóm học sinh Không-trùng-lặp. Ngoài ra, các nhóm học sinh đã được xác định trong diện Hỗ trợ Phân loại của Học khu, bao gồm Học sinh Khuyết tật và Học tiếng Anh dài hạn sẽ là lĩnh vực được nhắm vào. Lưu ý: Nhiều nghiên cứu cho thấy những sáng kiến dành cho toàn trường được xây dựng một cách có hệ thống cùng với các giáo viên là cách tốt nhất để cải thiện các kết quả học tập cho Học sinh Nói chung. Thời gian không phải đứng lớp cho các giáo viên tạo điều kiện cho sự hợp tác và cải thiện phương pháp giảng dạy .		
2.4	Hỗ trợ tích hợp cho Cảm xúc-Xã hội, Chuyên cần, và Hành vi.	Tăng cường và căn chỉnh các hệ thống hỗ trợ tổng thể về Cảm xúc-Xã hội, chuyên cần, và hành vi để giải quyết các rào cản trong học tập và cải thiện kết quả của học sinh. Các nhà cung cấp dịch vụ sức khỏe tâm thần của Học khu và thực tập sinh hợp đồng sẽ thực hiện các biện pháp can thiệp chuyên cần có mục tiêu và hỗ trợ hành vi chủ động thông qua một hệ thống phối hợp bao gồm phòng ngừa, can thiệp sớm và hỗ trợ chuyên sâu dựa trên nhu cầu của học sinh. Bên cạnh các nhóm học sinh riêng biệt, các nỗ lực tập trung sẽ giải quyết tỷ lệ vắng mặt thường xuyên và tỷ lệ đình chỉ học đối với Học tiếng Anh dài hạn và Học sinh Khuyết tật. Phân tích dữ liệu liên tục, theo dõi tiến độ và hợp tác cấp trường sẽ đảm bảo sự	547.512,00	Có

Hoạt động #	Tiêu đề	Mô tả	Tổng số Ngân sách (Đô la)	Đóng góp
		cải thiện kịp thời, hiệu quả và liên tục về sự tham gia, chuyên cần và hành vi của học sinh. (Hoạt động của DA) Được đo lường bằng: Báo cáo Tổng kết Trường học CA –Tỷ lệ vắng mặt thường xuyên: M2.11, M2.12, M2.13, M2.14 Để cải thiện kết quả trong việc thu hút sự tham gia của học sinh, chuyên cần, và hành vi cho các nhóm học sinh không trùng lặp, bao gồm Trẻ em được Chăm sóc Thay thế, Thu nhập thấp, Học tiếng Anh, và Học tiếng Anh dài hạn, học khu sẽ củng cố và căn chỉnh các hỗ trợ tích hợp về Cảm xúc-Xã hội, chuyên cần, và hành vi. Học khu sẽ cung cấp các dịch vụ sức khỏe tâm thần, bao gồm nhân viên học khu và thực tập sinh có hợp đồng, cùng lúc áp dụng các biện pháp can thiệp có mục tiêu và các hỗ trợ hành vi mang tính chủ động. Thông qua một hệ thống hỗ trợ được phối hợp bao gồm phòng ngừa, can thiệp sớm, và dịch vụ tần suất cao dựa trên nhu cầu của học sinh, nhà trường sẽ sử dụng việc phân tích dữ liệu liên tục và giám sát tiến độ để xác điịnh các học sinh cần có thêm sự hỗ trợ và đáp ứng với các biện pháp can thiệp đúng mục tiêu và đúng thời hạn. Các nỗ lực này là để tập trung vào việc giảm đi tình trạng vắng mặt thường xuyên và cải thiện các kết quả cho hành vi, đặc biệt là nhóm Học tiếng Anh dài hạn và Học sinh Khuyết tật. Hoạt động này được cung cấp trên căn bản toàn LEA để bảo đảm lợi ích cho Học sinh Nói chung; tuy nhiên, điều này chủ đích là hướng tới đáp ứng các nhu cầu đã được xác định trong việc thu hút sự tham gia của học sinh, chuyên cần, và hành vi cho các nhóm Học sinh Không-trùng-lặp và Học sinh Khuyết tật, bao gồm học sinh đã được xác định thông qua diện Hỗ trợ Phân Loại của học khu, đặc biệt liên quan đến sự vắng mặt		

Hoạt động #	Tiêu đề	Mô tả	Tổng số Ngân sách (Đô la)	Đóng góp
		thường xuyên và đình chỉ học tập cho nhóm Học tiếng Anh dài hạn và Học sinh Khuyết tật. Lưu ý: Nghiên cứu chỉ ra rằng mối quan hệ tích cực trong trường học có tương quan với động lực học tập, sự tham gia và kết quả học tập của học sinh (Why Relationships Matter, R. Loe, 2015). Các dịch vụ từ nhân viên Sức khỏe Tâm thần nhắm vào các nhu cầu của học sinh và bao gồm việc xác định các rào cản trong chuyên cần và tham gia kết nối với nhà trường, kết nối học sinh và gia đình với nhà trường và cải thiện các kết quả học thuật. Lưu ý đặc biệt sẽ được đưa ra cho các nhóm Học tiếng Anh, Trẻ em được Chăm sóc Thay thế, Thu nhập thấp, và Học sinh Vô gia cư		
2.6	Dịch vụ cho Học tiếng Anh	Củng cố và mở rộng các dịch vụ Học tiếng Anh, cụ thể là cho Học tiếng Anh dài hạn (LTELs), để cải thiện Lưu loát tiếng Anh, kết quả học thuật, và việc tái phân định theo thời hạn. Các nhân viên được chỉ định, giảng dạy ngôn ngữ có mục tiêu theo nhóm nhỏ, và phát triển chuyên môn liên tục sẽ tăng cường khả năng của nhân viên để cung cấp các bài học được phân loại và dựa trên nghiên cứu để hỗ trợ sự tiếp thu ngôn ngữ và thành công cho nhóm Học tiếng Anh và các chiến lược cụ thể cho LTEL. Các buổi hội thảo bổ sung dành cho học sinh và phụ huynh được nhóm họp với nhóm Họ csinh Học tiếng Anh dài hạn và thảo luận các điều kiện về tái phân loại và chiến lược hỗ trợ họ. Như được đo lường bằng: Đánh giá CAASPP - Môn Ngữ văn Anh dành cho các nhóm học sinh: Đạt và vượt chuẩn: M2.5 Bảng điều khiển trường học CA - Chỉ số tiến bộ học tập môn tiếng Anh cấp học khu/trường và Bài kiểm tra năng lực tiếng Anh cho California (ELPAC): M2.15, M2.16, 2.17	35.000,00	Có

Hoạt động #	Tiêu đề	Mô tả	Tổng số Ngân sách (Đô la)	Đóng góp
		Chỉ số địa phương - Tỷ lệ chuyển đổi từ trình độ người học tiếng Anh sang trình độ tiếng Anh lưu loát (RFEP): 2,18 Lưu ý: Nghiên cứu chỉ ra rằng một cách tiếp cận toàn diện kết hợp đánh giá, giảng dạy có mục tiêu, sự nhạy bén về văn hóa, hợp tác và phát triển chuyên môn là rất cần thiết để theo dõi và thúc đẩy thành tích học tập của Học tiếng Anh dài hạn. Bằng cách áp dụng các chiến lược dựa trên bằng chứng và tạo ra một môi trường học tập hỗ trợ, các nhà giáo dục có thể giúp Học tiếng Anh dài hạn phát triển cả về mặt học thuật và xã hội		
2.7	Dịch vụ cho Trẻ em được Chăm sóc Thay thế	Tiếp tục tăng cường các hỗ trợ toàn diện cho thanh thiếu niên được nuôi dưỡng bằng cách cung cấp tư vấn, quản lý hồ sơ, giới thiệu hoặc các nguồn lực để giúp giảm thiểu và loại bỏ các rào cản nhằm tăng cường sự chuyên cần, tiến bộ học tập và sự ổn định về sức khỏe tinh thần và thể lực. Được đo lường bằng: Bảng điều khiển trường học CA - Môn Tiếng Anh, Toán, Vắng mặt thường xuyên, Đình chỉ học: M2.7, M2.9, M2.11, M2.13 Lưu ý: Nhìn chung, nghiên cứu cho thấy có mối tương quan tích cực giữa thành tích học tập vượt trội và sự cải thiện về chuyên cần và hành vi của trẻ em được nuôi dưỡng. Bằng cách đáp ứng các nhu cầu về học tập, xã hội và cảm xúc của trẻ em được nuôi dưỡng và cung cấp cho các em sự hỗ trợ và nguồn lực cần thiết, các trường học có thể giúp các em phát triển tốt về mặt học thuật và tạo ra trải nghiệm học đường tích cực hơn.	33.784,00	Có
2.8	Dịch vụ cho Học sinh có Thu nhập thấp/Vô	Tiếp tục tăng cường hỗ trợ cho học sinh gặp khó khăn về kinh tế hoặc vô gia cư bằng cách đảm bảo đội ngũ nhân viên đủ	11.500,00	Có

Hoạt động #	Tiêu đề	Mô tả	Tổng số Ngân sách (Đô la)	Đóng góp
	gia cư	trình độ cung cấp hỗ trợ học tập, tài liệu, đồ dùng học tập, tư vấn, quản lý trường hợp và giới thiệu đến các nguồn lực của Học khu và cộng đồng để giúp giảm thiểu hoặc loại bỏ các rào cản và thúc đẩy việc đi học, thành công trong học tập và sự ổn định về mặt sức khỏe tinh thần và thể lực. Được đo lường bằng: Báo cáo Dữ liệu các Trường CA - Môn Tiếng Anh, Toán, Vắng mặt thường xuyên, Đình chỉ học: M2.7, M2.8, M2.9, M2.10, M2.11, M2.12, M2.13 Lưu ý: Việc theo dõi thường xuyên tiến độ học tập của học sinh vô gia cư là rất quan trọng để xác định các lĩnh vực cần hỗ trợ và cung cấp các biện pháp can thiệp kịp thời. Việc theo dõi sự chuyên cần, hành vi và kết quả học tập cho phép các nhà giáo dục điều chỉnh hỗ trợ phù hợp với nhu cầu cụ thể của thanh thiếu niên vô gia cư. Bằng cách giải quyết những thách thức đặc thù mà học sinh vô gia cư phải đối mặt và cung cấp hỗ trợ toàn diện, các nhà giáo dục có thể giúp tạo ra trải nghiệm học đường tích cực và thúc đẩy thành công trong học tập. (Institute for Children, Poverty, và Vô gia cưness (ICPH); "Education for Children và Youth Experiencing Vô gia cưness: Implications for Policy và Practice ”		

Mục tiêu và Hoạt động

Mục tiêu

Mục tiêu #	Mô tả	Loại mục tiêu
3	Để hỗ trợ học sinh và gia đình, Học khu Ocean View sẽ đảm bảo môi trường trường học thân thiện và an toàn, đồng thời tiếp tục tập trung vào việc cải thiện giao tiếp và sự tham gia của học sinh, nhân viên, phụ huynh, cộng đồng và các đối tác kinh doanh**.**	Mục tiêu Tổng quát

Các ưu tiên của tiểu bang được đáp ứng bởi mục tiêu này.

Ưu tiên 3: Sự tham gia của phụ huynh (Tham gia)
Ưu tiên 5: Sự tham gia của học sinh (Tham gia)
Ưu tiên 6: Môi trường Học đường (Tham gia)

Giải thích lý do tại sao cơ quan giáo dục địa phương (LEA) lại đề ra mục tiêu này.

Sự ổn định về mặt cảm xúc-xã hội của học sinh phụ thuộc vào cảm giác an toàn, được chấp nhận và kết nối, và những cảm xúc tích cực ở trường học này dẫn đến tỷ lệ học sinh đến trường cao hơn và giảm tình trạng vắng học thường xuyên. Sự tham gia của học sinh, nhân viên, phụ huynh và các đối tác cộng đồng sẽ đảm bảo nhiều quan điểm khác nhau định hướng và thúc đẩy việc ra quyết định nhằm mang lại lợi ích tốt nhất cho học sinh. Cụ thể, trọng tâm của sự lãnh đạo chung với tất cả các nhóm nhân viên sẽ là củng cố nguyên tắc PAL (Hợp tác với Ban quản lý và người lao động). Để tiếp tục và mở rộng các cơ hội phát triển và hợp tác, các nguyên tắc PAL sẽ hướng dẫn nhân viên trong việc cung cấp nền giáo dục chất lượng cao và dịch vụ khách hàng tốt nhất cho học sinh OVSD và gia đình của họ.

Đo lường và Báo cáo Kết quả

Số liệu #	Số liệu	Mốc chuẩn	Kết quả năm thứ nhất	Kết quả năm thứ hai	Mục tiêu cho kết quả năm thứ ba	Chênh lệch hiện tại sao với mốc chuẩn
3.1	Khảo sát thường niên dành cho phụ huynh: Mức độ tham gia	1,419 Phản hồi	1,267 Phản hồi	966 Phản hồi	33% số tokens (kết nối) đã được phân phối	-453 Phản hồi

Số liệu #	Số liệu	Mốc chuẩn	Kết quả năm thứ nhất	Kết quả năm thứ hai	Mục tiêu cho kết quả năm thứ ba	Chênh lệch hiện tại sao với mốc chuẩn
	Nguồn: Khảo sát dành cho phụ huynh OVSD					
3.2	Khảo sát dành cho phụ huynh hàng năm Phản hồi - Hoàn toàn đồng ý/đồng ý: "Góp ý của tôi được lắng nghe." Nguồn: Khảo sát dành cho phụ huynh OVSD	85%	88%	88%	90%	+3%
3.3	Khảo sát dành cho phụ huynh hàng năm Phản hồi - Hoàn toàn đồng ý/đồng ý: "Tôi được tiếp một cách thân thiện tại trường của con tôi." Nguồn: Khảo sát dành cho phụ huynh OVSD	95%	94%	95%	95%	0%
3.4	Sự tham gia của	Cổng AERIES dành	Cổng AERIES dành	Cổng AERIES dành	Tài khoản vào	-0,1% phụ

Số liệu #	Số liệu	Mốc chuẩn	Kết quả năm thứ nhất	Kết quả năm thứ hai	Mục tiêu cho kết quả năm thứ ba	Chênh lệch hiện tại sao với mốc chuẩn
	phụ huynh THCS Nguồn: Chỉ số Aeries Địa phương	cho Phụ huynh (Lớp 6-8) 99.8% phụ huynh có tài khoản vào cổng 98,1% đã ghi danh nhận cập nhật mỗi tuần 94,1% đã ghi danh nhận cập nhật mỗi ngày	cho Phụ huynh (Lớp 6-8) 99,9% phụ huynh có tài khoản vào cổng 98,37% đã ghi danh nhận cập nhật mỗi tuần 94,5% đã ghi danh nhận cập nhật mỗingày	cho Phụ huynh (Lớp 6-8) 99,7% phụ huynh có tài khoản vào cổng 96,64% đã ghi danh nhận cập nhật mỗi tuần 63,26% đã ghi danh nhận cập nhật mỗi ngày	cổng: Duy trì 100% Cập nhật hàng tuầng: Tăng to 100% Cập nhật hàng ngày: Duy trì trên 95%	huynh có tài khoản vào cổng -1,46% đã ghi danh nhận cập nhật mỗi tuần -30,84% đã ghi danh nhận cập nhật mỗi ngày
3.5	Tỷ lệ Chuyên cần Nguồn: Chỉ số Aeries Địa phương	Ngày 5 tháng 9, 2023 - Ngày 17 tháng 5, 2024 Nói chung: 94.9% Học tiếng Anh: 94,1% Chăm sóc Thay thế: 92,0% Thu nhập thấp: 94,2% Vô gia cư: 93,1%	August 28, 2024 - May 16, 2025 Nói chung: 95,2% Học tiếng Anh: 94,4% Chăm sóc Thay thế: 90,3% Thu nhập thấp: 94,3% Vô gia cư: 93,5%	August 27, 2025 - May 15, 2026 Nói chung: 95,7% Học tiếng Anh: 95,0% Chăm sóc Thay thế: 91,7% Thu nhập thấp: 94,9% Vô gia cư: 94,2%	Nói chung: 97% Học tiếng Anh: 97% Chăm sóc Thay thế: 96% Thu nhập thấp: 96% Vô gia cư: 96%	May 15, 2026: Nói chung: +0,8% Học tiếng Anh: +0,9% Chăm sóc Thay thế: - 0,3% Thu nhập thấp: +0,5% Vô gia cư: +1,1%
3.6	Tỷ lệ Vắng mặt Thường xuyên Nguồn: Chỉ số Aeries Địa phương	Ngày 5 tháng 9, 2023 - Ngày 17 tháng 5, 2024 Nói chung: 11,98% Học tiếng Anh:	August 28, 2024 - May 16, 2025 Nói chung: 10,9% Học tiếng Anh: 14,47% Chăm sóc Thay thế:	August 27, 2025 - May 15, 2026 Nói chung: 9,12% Học tiếng Anh: 12,18% Chăm sóc Thay	Nói chung: 5% Học tiếng Anh: 5% Chăm sóc Thay thế: 10% Thu nhập thấp: 6%	May 15, 2026 Nói chung: -2,86% Học tiếng Anh: -3,78% Chăm sóc Thay thế: +1.43%

Số liệu #	Số liệu	Mốc chuẩn	Kết quả năm thứ nhất	Kết quả năm thứ hai	Mục tiêu cho kết quả năm thứ ba	Chênh lệch hiện tại sao với mốc chuẩn
		15,96% Chăm sóc Thay thế: 20,0% Thu nhập thấp: 15,85% Vô gia cư: 19,78%	34,29% Thu nhập thấp: 14,91% Vô gia cư: 17,39%	thế: 21,43% Thu nhập thấp 12,79% Vô gia cư: 15,90%	Vô gia cư: 6%	Thu nhập thấp: -3,06% Vô gia cư: -3,88%
3.7	Tỷ lệ rời THCS Nguồn: Chỉ số Aeries Địa phương	Ngày 5 tháng 9, 2023 - Ngày 17 tháng 5, 2024 0%	Ngày 28 tháng 8, 2024 - Ngày 16 tháng 5, 2025 0%	Ngày 27 tháng 8, 2025 - Ngày 15 tháng 5, 2026 0%	0%	0%
3.8	Tỷ lệ Đình chỉ học Nguồn: Chỉ số Aeries Địa phương	Ngày 5 tháng 9, 2023 - Ngày 17 tháng 5, 2024 Nói chung: 11% Học tiếng Anh: 1,6% Chăm sóc Thay thế: 3,8% Thu nhập thấp: 1,5% Vô gia cư: 1,4%	Ngày 28 tháng 8, 2024 - Ngày 13 tháng 5, 2025 Nói chung: 0,84% Học tiếng Anh: 1,86% Chăm sóc Thay thế: 2,85% Thu nhập thấp: 1,28% Vô gia cư: 1,1%	Ngày 27 tháng 8, 2025 - Ngày 15 tháng 5, 2026 Nói chung: 0,76% Học tiếng Anh: 1,09% Chăm sóc Thay thế: 14,28% Thu nhập thấp: 0,96% Vô gia cư: 1,5%	Nói chung: Less than 1.0% Học tiếng Anh: Ít hơn 1.0% Chăm sóc Thay thế: Ít hơn 1.0% Thu nhập thấp: Ít hơn 1.0% Vô gia cư: Ít hơn 1.0%	Ngày 15 tháng 5, 2026 Nói chung: -.34% Học tiếng Anh: -0.51% Chăm sóc Thay thế: +10.48% Thu nhập thấp 0.54% Vô gia cư: +0.1%
3.9	Tỷ lệ Đuổi học Nguồn: Chỉ số Aeries Địa phương	Cho đến ngày 17 tháng 5, 2024 2 học sinh	Cho đến tháng 6, 2025 3 học sinh(0,04%)	Cho đến 15 tháng 5, 2026 0 học sinh	Duy trì 0	Giảm 2 học sinh
3.10	Khảo sát về Môi trường Học đường Ovsd Phản hồi của lớp 2 /3 - Đa số thời gian/Luôn	87,2%	88,04%	88%	92%	+0,8%

Số liệu #	Số liệu	Mốc chuẩn	Kết quả năm thứ nhất	Kết quả năm thứ hai	Mục tiêu cho kết quả năm thứ ba	Chênh lệch hiện tại sao với mốc chuẩn
	luôn: "Em có cảm thấy giáo viên và người lớn tại trường của em quan tâm đến em?" Nguồn Khảo sát về Môi trường Học đường OVSD					
3.11	Khảo sát về Môi trường Học đường OVSD 2 Phản hồi của lớp 2/3 - Đa số thời gian/Luôn luôn: "Em có cảm thấy an toàn tại trường?" Nguồn Khảo sát về Môi trường Học đường OVSD	86.2%	84.82%	85%	94%	-1,2%
3.12	Khảo sát về Môi trường Học đường OVSD Phản hồi của lớp 4/5 - Đa số thời gian/Luôn luôn: "Em có cảm thấy giáo viên và người lớn tại trường của	78,5%	85,14%	89%	94%	+10,5%

Số liệu #	Số liệu	Mốc chuẩn	Kết quả năm thứ nhất	Kết quả năm thứ hai	Mục tiêu cho kết quả năm thứ ba	Chênh lệch hiện tại sao với mốc chuẩn
	em quan tâm đến em?” Nguồn Khảo sát về Môi trường Học đường OVSD					
3.13	Khảo sát về Môi trường Học đường OVSD 4th/5th Phản hồi của lớp - Đa số thời gian/Luôn luôn: "Em có cảm thấy an toàn tại trường hay không?" Nguồn Khảo sát về Môi trường Học đường OVSD	78,9%	83,42%	86%	94%	+7,1%
3.14	Khảo sát về Môi trường Học đường OVSD 6th-8th - Đa số thời gian/Luôn luôn: Người lớn tử tế tại trường Nguồn Khảo sát về Môi trường Học	70,7%	71,42%	73%	90%	+2,3%

Số liệu #	Số liệu	Mốc chuẩn	Kết quả năm thứ nhất	Kết quả năm thứ hai	Mục tiêu cho kết quả năm thứ ba	Chênh lệch hiện tại sao với mốc chuẩn
	đường OVSD					
3.15	Khảo sát về Môi trường Học đường OVSD 6th-8th - Đa số thời gian/Luôn luôn: Nhà trường được coi là nơi rất an toàn hoặc an toàn Nguồn Khảo sát về Môi trường Học đường OVSD	67,3%	68,05%	72%	90%	+4,7%
3.16	Báo cáo thống kê các Trường CA-Vắng mặt Thường xuyên Nguồn CA Dashboard	Nhóm Học sinh Nói chung Màu vàng 14,4% (Đã giảm 6,2%)	Nhóm Học sinh Nói chung: Màu vàng 11,7% (Đã giảm 2,7%)	Nhóm Học sinh Nói chung: Cam 11,8% (Đã duy trì 0,1%)	Nhóm Học sinh Nói chung: Màu xanh lá cây 10,0% (Decrease 5,0%)	Đã giảm 2,6%
3.17	Báo cáo thống kê các Trường CA-Đình chỉ học Nguồn CA Dashboard	Nhóm Học sinh Nói chung: Cam 2% (Đã tăng 0,4%)	Nhóm Học sinh Nói chung: Màu xanh lá cây 1,3% (Đã giảm 0,7%)	Nhóm Học sinh Nói chung: Màu xanh lá cây 0,8% (Đã giảm 0,5%)	Nhóm Học sinh Nói chung: Màu xanh lá cây 1,5% (Giảm 0,5%-3,0%)	Đã giảm 1,2%
3.18	Hành vi Học sinh – Đưa lên Văn phòng vì Lý do Nghiêm trọng Nguồn: Chỉ số Aeries Địa phương	34,3%	25%	12,69%	Giảm 10% hàng năm	-21, 61%

Số liệu #	Số liệu	Mốc chuẩn	Kết quả năm thứ nhất	Kết quả năm thứ hai	Mục tiêu cho kết quả năm thứ ba	Chênh lệch hiện tại sao với mốc chuẩn
3.19	Khảo sát về Môi trường Học đường OVSD 2nd/3rd Phản hồi của lớp - Đa số thời gian/Luôn luôn: "Học sinh ở trường của em có biết nội quy nhà trường không?" Nguồn Khảo sát về Môi trường Học đường OVSD	69% Đã cập nhật. Mốc chuẩn nguyên thủy là không chính xác.	65%	68%	90%	-1%
3.20	Khảo sát về Môi trường Học đường OVSD Phản hồi của lớp 2/3 – Đa số thời gian/Luôn luôn: "Học sinh trong trường của em có nói chuyện với nhau một cách tử tế không?" Nguồn: Khảo sát về Môi trường Học đường OVSD	66% Đã cập nhật. Mốc chuẩn nguyên thủy là không chính xác.	65%	68%	90%	+2%
3.21	Khảo sát về Môi trường Học đường	65% Mốc chuẩn nguyên	71%	73%	90%	+6%

Số liệu #	Số liệu	Mốc chuẩn	Kết quả năm thứ nhất	Kết quả năm thứ hai	Mục tiêu cho kết quả năm thứ ba	Chênh lệch hiện tại sao với mốc chuẩn
	OVSD Phản hồi của lớp 4/5 - Đa số thời gian/Luôn luôn: "Học sinh ở trường của em có biết nội quy nhà trường không?" Nguồn 6: Khảo sát về Môi trường Học đường OVSD	thủy là không chính xác.				
3.22	Khảo sát về Môi trường Học đường OVSD Phản hồi của lớp 4/5 - Đa số thời gian/Luôn luôn: "Học sinh ở trường của em có đối xử với nhau tử tế hay không?" Source: Khảo sát về Môi trường Học đường OVSD	50% Mốc chuẩn nguyên thủy là không chính xác.	55%	59%	90%	+9%
3.23	Khảo sát về Môi trường Học đường OVSD Phản hồi của lớp 6-8	55% Mốc chuẩn nguyên thủy là không chính xác.	53%	58%	90%	+3%

Số liệu #	Số liệu	Mốc chuẩn	Kết quả năm thứ nhất	Kết quả năm thứ hai	Mục tiêu cho kết quả năm thứ ba	Chênh lệch hiện tại sao với mốc chuẩn
	- Đa số thời gian/Luôn luôn: "Học sinh ở trường của em có biết nội quy nhà trường không Source: Khảo sát về Môi trường Học đường OVSD					
3.24	Khảo sát về Môi trường Học đường OVSD Phản hồi của lớp 6-8 - Đa số thời gian/Luôn luôn: "Học sinh ở trường của em có đối xử với nhau tử tế hay không?" Source: Khảo sát về Môi trường Học đường OVSD	40% Mốc chuẩn nguyên thủy là không chính xác.	38%	45%	90%	+5%

Phân tích Mục tiêu [2025-26]

Phần phân tích mục tiêu này đã được thực hiện như thế nào trong năm vừa qua.

Mô tả tổng thể quá trình thực hiện, bao gồm bất kỳ sự khác biệt đáng kể nào giữa các hoạt động đã lên kế hoạch và việc thực hiện thực tế các hoạt động đó, cũng như bất kỳ thách thức và thành công nào có liên quan trong quá trình thực hiện.

Tất cả các Hoạt động thuộc Mục tiêu 3 đều được thực hiện phần lớn theo kế hoạch, không có sự khác biệt đáng kể giữa các Hoạt động đã lên kế hoạch và việc thực hiện thực tế. Học khu duy trì sự tập trung đồng nhất vào việc đảm bảo môi trường trường học an toàn, thân thiện đồng thời tăng cường giao tiếp, sự tham gia và quan hệ đối tác với học sinh, gia đình, nhân viên và cộng đồng rộng lớn hơn.

Việc thực hiện Hoạt động 3.1 đã hỗ trợ việc tiếp tục tăng cường các Hoạt động an toàn trường học, bao gồm củng cố các quy trình tại chỗ và duy trì sự hiện diện của đội bảo vệ nhà trường bổ sung tại các trường trung học cơ sở. Những nỗ lực này đã góp phần duy trì môi trường trường học an toàn và hỗ trợ sức khỏe của học sinh và nhân viên.

Hoạt động 3.2 được thực hiện với trọng tâm tăng cường vào việc củng cố môi trường học đường tích cực và hỗ trợ thông qua việc sử dụng đồng nhất các Hoạt động can thiệp và hỗ trợ hành vi tích cực (PBIS), các thực hành phục hồi và học tập cảm xúc xã hội (SEL). Các trường tham gia vào việc triển khai và đánh giá PBIS liên tục, với trọng tâm là phòng ngừa, sự tham gia của học sinh và hỗ trợ hành vi tích cực. Công việc này phù hợp chặt chẽ với những nỗ lực rộng lớn hơn của Học khu theo chương trình Hỗ trợ Phân hóa nhằm cải thiện tỷ lệ chuyên cần, sự tham gia và kết quả hành vi, đặc biệt là đối với các nhóm học sinh được xác định cần sự hỗ trợ thêm.

Các hoạt động 3.3 và 3.4 đã được thực hiện theo kế hoạch, tiếp tục nhấn mạnh vào việc tăng cường giao tiếp và hợp tác với các đối tác giáo dục. Các trường học và toàn Học khu đã mở rộng các chiến lược truyền thông thông qua trang web, mạng xã hội và tiếp cận trực tiếp, dẫn đến sự tham gia tích cực hơn của phụ huynh vào các hoạt động của trường. Việc tiếp tục thực hiện các hoạt động Hợp tác giữa Ban quản lý và Người lao động (PAL) đã hỗ trợ các mối quan hệ làm việc tích cực và sự hợp tác trên toàn Học khu.

Hoạt động 3.5 đã được thực hiện theo kế hoạch, với những nỗ lực liên tục nhằm duy trì và tăng cường các mối quan hệ đối tác nội bộ và bên ngoài hỗ trợ học sinh và gia đình.

Một thành công quan trọng trong Mục tiêu 3 là việc tiếp tục củng cố môi trường học đường và hệ thống giao tiếp, thể hiện qua sự tham gia tích cực hơn của phụ huynh và phản hồi tích cực về sự gắn kết và an toàn của trường học. Thêm vào đó, sự phối hợp giữa hỗ trợ hành vi và cảm xúc xã hội trong các hoạt động đã góp phần vào việc thực hiện đồng nhất hơn các chiến lược chủ động hỗ trợ học sinh.

Mặc dù quá trình triển khai nhìn chung đã thành công, nhưng vẫn còn những thách thức trong việc tăng cường sự tham gia của học sinh trung học cơ sở và đảm bảo tất cả các nhóm học sinh luôn cảm thấy an toàn và được kết nối. Cần tiếp tục nỗ lực để củng cố hệ thống liên lạc, duy trì mức độ tham gia cao của gia đình và đảm bảo việc thực hiện đồng nhất các hoạt động tạo môi trường học đường lành mạnh tại tất cả các trường.

Giải thích sự khácbiệt đáng kể giữa chi phí dự toán và chi phí thực tế ước tính và /hoặc tỷ lệ phần trăm cải thiện dịch vụ theo kế hoạch và tỷ lệ phần trăm cải thiện dịch vụ thực tế ước tính.

Các hoạt động 3.1, 3.2 và 3.5 đã được thực hiện theo kế hoạch, với chi phí phù hợp với ngân sách đã được phê duyệt.

Đối với Hoạt động 3.3, chi tiêu hiện đang thấp hơn tổng ngân sách đã được phê duyệt, với khoảng một nửa số tiền đã được chi tiêu cho đến nay. Chi tiêu đang đi đúng hướng và dự kiến sẽ phù hợp hơn với ngân sách và o cuối năm tài chính khi các hoạt động theo kế hoạch tiếp tục được thực hiện.
Chi phí cho Hoạt động 3.4 đã vượt quá ngân sách ban đầu khoảng 3.000 đô la do chi phí phát sinh liên quan đến việc thực hiện các hoạt động và hỗ trợ đã được lên kế hoạch.

Đối với Hoạt động 3.6, không có khoản chi nào được ghi nhận. Các hỗ trợ đã được lên kế hoạch được thực hiện thông qua các phương pháp thay thế bằng cách sử dụng các nguồn lực hiện có, dẫn đến không có khoản chi nào liên quan đến Hoạt động này.

Nguồn ngân sách LREBG ban đầu được phân bổ cho hoạt động 3.6 đã được phân bổ lại cho hoạt động 3.2. Các hoạt động ban đầu liên quan đến Hoạt động 3.6 đã được hợp nhất và o hoạt động 3.2. (Hoạt động 3.6 đã bị loại bỏ.)

Phần mô tả về hiệu quả hoặc thiếu hiệu quả của các hoạt động cụ thể đã thực hiện cho đến nay trong việc đạt được mục tiêu

Các hoạt động trong Mục tiêu 3 đã có hiệu quả trong việc thúc đẩy môi trường học đường an toàn, thân thiện và gắn kết, cũng như tăng cường giao tiếp và hợp tác với các đối tác giáo dục. Việc triển khai các sáng kiến về môi trường học đường, các hoạt động an toàn và các nỗ lực giao tiếp mở rộng đã góp phần mang lại kết quả tích cực, đồng thời cũng xác định được các lĩnh vực cần tiếp tục phát triển.

Các hoạt động 3.1 và 3.2 đã có hiệu quả trong việc hỗ trợ an toàn trường học và thúc đẩy môi trường học đường tích cực. Dữ liệu khảo sát học sinh cho thấy phần lớn học sinh cho biết cảm thấy an toàn và được quan tâm ở trường, với tỷ lệ cao hơn ở cấp tiểu học, phản ánh tác động của việc thực hiện đồng nhất PBIS, Thực hành Phục hồi và Học tập Cảm xúc Xã hội.

Hoạt động 3.2 đã có hiệu quả trong việc củng cố các hệ thống hỗ trợ hành vi và sự tham gia của học sinh. Việc công nhận PBIS trên toàn học khu, bao gồm các giải thưởng Bạch kim, và ng và Bạc tại các trường, phản ánh việc áp dụng đồng nhất và đã góp phần cải thiện hành vi của học sinh và môi trường học đường. Công việc này phù hợp với các nỗ lực của Mục tiêu 2 nhằm hỗ trợ việc chuyên cần và sự tham gia của học sinh

Các hoạt động 3.3 và 3.4 đã có hiệu quả trong việc tăng cường giao tiếp và sự tham gia của gia đình và nhân viên. Dữ liệu khảo sát phụ huynh cho thấy mức độ hài

lòng cao, với 94% phụ huynh cảm thấy được chào đón và 88% cho biết ý kiến đóng góp của họ đã được lắng nghe. Các chiến lược giao tiếp mở rộng và thực tiễn hợp tác đã góp phần và o những kết quả này.

Hoạt động 3.5 đã có hiệu quả trong việc củng cố quan hệ đối tác, tăng cường hợp tác và mở rộng hỗ trợ cho học sinh và gia đình.

Mặc dù những hoạt động này đã góp phần mang lại kết quả tích cực, học sinh trung học cơ sở vẫn báo cáo mức độ an toàn và kết nối thấp hơn so với học sinh tiểu học, cho thấy cần tiếp tục tập trung và o vấn đề này. Cần chú trọng hơn nữa để đảm bảo tất cả các nhóm học sinh đều được trải nghiệm một môi trường an toàn và hỗ trợ.

Nhìn chung, các hoạt động thuộc Mục tiêu 3 đã có hiệu quả trong việc củng cố môi trường học đường, cải thiện cảm nhận về sự an toàn và gắn kết, cũng như tăng cường sự tham gia của gia đình và nhân viên. Việc tiếp tục tập trung và o thực hiện đồng nhất và hỗ trợ có mục tiêu sẽ tiếp tục cải thiện kết quả học tập cho tất cả học sinh.

Phần mô tả bất cứ sự thay đổi nào được thực hiện với các mục tiêu, chỉ số, kết quả nhắm tới, hay hoạt động cho năm sắp tới rút tỉa từ kinh nghiệm thực tế của các biện pháp thực hiện trước đây.

Đối với năm học 2026–27, mục tiêu tổng thể cho Mục tiêu 3 vẫn không thay đổi. Dựa trên việc xem xét dữ liệu thực hiện và ý kiến đóng góp từ các đối tác giáo dục, các điều chỉnh đã được thực hiện để làm rõ ngôn ngữ, tăng cường sự đồng nhất giữa các Hoạt động và xác định rõ hơn cách thức áp dụng các dịch vụ và hỗ trợ. Không có Hoạt động nào được thêm vào; Hoạt động 3.6 đã bị loại bỏ.

Các chỉ số sau đây đã được điều chỉnh vào mùa xuân năm 2026 để bao gồm số liệu cơ sở chính xác cho năm học 23-24: 3,19-3,24.

Việc sửa đổi các Hoạt động 3.1 đến 3.4 đã tăng cường tính rõ ràng và đồng nhất trong việc thực hiện. Hoạt động 3.1 làm rõ vai trò của việc bổ sung nhân viên bảo vệ trườngở cấp trung học cơ sở. Hoạt động 3.2 nhấn mạnh việc thực hiện đồng nhất các Can thiệp và Hỗ trợ Hành vi Tích cực (PBIS), Thực hành Phục hồi, Học tập Cảm xúc Xã hội (SEL) và giáo dục chống bắt nạt để tăng cường môi trường học đường và sự tham gia của học sinh. Hoạt động 3.3 củng cố kỳ vọng về việc giao tiếp đồng nhất và kịp thời, đồng thời mở rộng phạm vi tiếp cận thông qua trang web, mạng xã hội và quan hệ truyền thông. Hoạt động 3.4 củng cố việc tiếp tục thực hiện các thực tiễn Hợp tác giữa Ban quản lý và Người lao động (PAL).

Hoạt động 3.1 Quy trình an toàn: Tiếp tục cải tiến và điều chỉnh các quy trình, cũng như môi trường trường học để bảo vệ và đảm bảo an toàn cho học sinh và nhân viên, bao gồm cả việc bổ sung thêm nhân viên bảo vệ trườngđể hỗ trợ tại các trường trung học cơ sở.

Hoạt động 3.2 Môi trường học đường hỗ trợ: Tiếp tục củng cố và đảm bảo môi trường học đường tích cực, lành mạnh và hỗ trợ nhằm tăng cường sự chuyên cần, sự tham gia và thành tích học tập của học sinh, đồng thời ngăn ngừa bắt nạt thông qua việc thực hiện đồng nhất các Hoạt động can thiệp và hỗ trợ hành vi tích cực (PBIS), thực hành phục hồi, học tập cảm xúc xã hội (SEL) và giáo dục chống bắt nạt, bao gồm cả việc sử dụng mạng xã hội một cách phù hợp.

Hoạt động 3.3 Kết nối gia đình và nâng cao nhận thức cộng đồng: Tiếp tục tăng cường mối quan hệ hợp tác giữa nhà trường và gia đình thông qua việc liên lạc thường xuyên và kịp thời về thành tích học tập của học sinh. Tăng cường nhận thức cộng đồng về OVSD thông qua các kênh truyền thông của Học khu, trường học và giáo viên, bao gồm trang web, mạng xã hội và quan hệ truyền thông.

Hoạt động 3.4 Quan hệ đối tác giữa Chính quyền và Người lao động (PAL): Tiếp tục thực hiện các hoạt động, nguyên tắc và thực tiễn của Quan hệ đối tác giữa Chính quyền và Người lao động (PAL).

Hoạt động 3.6 đã bị ngừng và trọng tâm của nó vào việc điểm danh, hành vi và sự tham gia của học sinh đã được tích hợp vào Hoạt động 3.2 và Mục tiêu 2, Hoạt động 2.4 để tạo ra một hệ thống hỗ trợ gắn kết và đồng bộ hơn. Các chỉ số trước đây liên quan đến Hoạt động 3.6 sẽ tiếp tục được theo dõi trong Hoạt động 3.2. Thay đổi này giúp giảm sự trùng lặp và tăng cường tính đồng nhất trong việc thực hiện trên tất cả các địa điểm.

Để nhấn mạnh hơn nữa tầm quan trọng của môi trường học đường an toàn, tôn trọng và hòa nhập, Hội đồng quản trị đã nâng cao mục tiêu hiệu suất cho nhiều chỉ số trong Khảo sát về Không khí Học đườngcủa OVSD lên 90%. Những điều chỉnh này phản ánh kỳ vọng cao về sự an toàn của học sinh, sự gắn kết và tôn trọng bạn bè như những điều kiện thiết yếu cho việc học tập.

3.14: Lớp 6-8 - Hầu hết thời gian/Luôn luôn: Người lớn quan tâm trong trường. Từ 80% đến 90%

3.15: Lớp 6-8 - Hầu hết thời gian/Luôn luôn: Trường học được đánh giá là rất an toàn hoặc an toàn. Từ 85% đến 90%

3.19: Phản hồi của học sinh lớp 2/3 - Hầu hết thời gian/Luôn luôn: "Học sinh ở trường bạn có biết nội quy không?" Từ 75% đến 90%

3.20: Phản hồi của học sinh lớp 2/3 - Hầu hết thời gian/Luôn luôn: "Các học sinh ở trường của bạn có nói chuyện với nhau một cách tử tế không?" Từ 75% đến 90%

3.21: Phản hồi của học sinh lớp 4/5 - Hầu hết thời gian/Luôn luôn: "Học sinh ở trường bạn có biết nội quy không?" Từ 80% đến 90%

3.22: Phản hồi của học sinh lớp 4/5 - Hầu hết thời gian/Luôn luôn: "Học sinh ở trường bạn có đối xử với một cách tôn trọng với nhau không?" Từ 65% đến 90%

3.23: Phản hồi của học sinh lớp 6-8 - Hầu hết thời gian/Luôn luôn: "Học sinh ở trường bạn có biết nội quy không?" Từ 65% đến 90%

3.24: Phản hồi của học sinh lớp 6-8 - Hầu hết thời gian/Luôn luôn: "Học sinh ở trường bạn có đối xử một cách tôn trọng với nhau không?" Từ 50% đến 90%

Việc sửa đổi này cũng tăng cường sự phù hợp với các yêu cầu của Chương trình Hỗ trợ Khẩn cấp Phục hồi Học tập (LREBG) bằng cách đảm bảo các khoản chi tiêu được liên kết rõ ràng với các Hoạt động giải quyết các nhu cầu đã được xác định của sinh viên liên quan đến phục hồi học tập, bao gồm sự tham gia của sinh viên, tỷ lệ chuyên cần và sức khỏe tinh thần - xã hội. Các dịch vụ được tài trợ bởi LREBG được tích hợp vào Hoạt động 3.2, với các chỉ số liên quan vẫn không thay đổi để tiếp tục theo dõi hiệu quả.

Phù hợp với các yêu cầu của LREBG, các Hoạt động này bao gồm các chỉ số đã được xác định và sẽ phản ánh các khoản chi phí liên quan trong bảng Hoạt động. Đối với năm học 2025–26 và 2026–27, nguồn ngân sách LREBG được phân bổ cho các Hoạt động này để đảm bảo tính liên tục của những dịch vụ và mức hỗ trợ bền vững cho việc phục hồi học tập và sự ổn định về mặt tinh thần và thể lực của học sinh.

Báo cáo về Tổng chi phí thực tế ước tính cho các hoạt động trong năm ngoái có thể tìm thấy trong Báo cáo Thống kê các Trường cập nhật hàng năm. Báo cáo về Tỷ lệ phần trăm thực tế ước tính về cải thiện dịch vụ cho các hoạt động năm ngoái có thể được tìm thấy trong Bảng cập nhập hàng năm về các hoạt động đóng góp

Hoạt động

Hoạt động	Tiêu đề	Mô tả	Tổng số Ngân sách (Đô	Đóng gó
3.1	Quy trình an toàn	Tiếp tục cải tiến và điều chỉnh các quy trình, cũng như môi trường học đường để bảo vệ và đảm bảo an toàn cho học sinh và nhân viên, bao gồm cả việc bổ sung thêm nhân viên bảo vệ trường để hỗ trợ tại các trường THCS	638.288,00	Không
3.2	Môi trường học đường hỗ trợ	Tiếp tục củng cố và đảm bảo môi trường học đường tích cực, lành mạnh và hỗ trợ nhằm tăng cường sự chuyên cần, sự tham gia và thành tích học tập của học sinh, đồng thời ngăn ngừa bắt nạt thông qua việc thực hiện đồng nhất các biện pháp can thiệp và hỗ trợ hành vi tích cực (PBIS), thực hành phục hồi, học tập cảm xúc xã hội (SEL) và giáo dục chống bắt nạt, bao gồm cả việc sử dụng mạng xã hội một cách phù hợp. Hoạt động LREBG. Hiệu quả của hoạt động này sẽ được đo lường bằng chỉ số 3.8 và 3.18. Nguồn ngân sách LREBG bổ sung (có giới hạn của tiểu bang) đã được cung cấp trong năm học 2025-26, và nguồn ngân sách này đã được phân bổ cho hoạt động 1.2 và 3.2. Nguồn ngân sách LREBG bổ sung (có giới hạn của tiểu bang) đã được cung cấp trong năm học 2025-26, và nguồn ngân sách này đã được phân bổ cho hoạt động 1.2 và 3.2. Nghiên cứu thực nghiệm bán định lượng về hiệu quả mở rộng các biện pháp can thiệp và hỗ trợ hành vi tích cực trên toàn trường học Pas, Elise T.; Ryoo, Ji Hoon; Musci, Rashelle; Bradshaw, Catherine P. (2019). Hồ sơ đề xuất của người nhận tài trợ. Truy cập từ: https://eric.ed.gov/?id=ED593800	206.066,00	Không

Hoạt động	Tiêu đề	Mô tả	Tổng số Ngân sách (Đô	Đóng gó
3.3	Kết nối gia đình và kiến thức cộng đồng	Tiếp tục tăng cường mối quan hệ hợp tác giữa nhà trường và gia đình thông qua việc liên lạc thường xuyên và kịp thời về thành tích học tập của học sinh. Nâng cao nhận thức của cộng đồng về OVSD thông qua các hoạt động truyền thông của Quận, nhà trường và giáo viên, bao gồm trangweb, mạng xã hội và quan hệ truyền thông.	390.665,00	Không
3.4	Sự hợp tác giữa Ban quản lý và Lao động (PAL)	Tiếp tục thực hiện các hoạt động, nguyên tắc và thực tiễn của Chương trình Hợp tác giữa Ban quản lý và Người lao động (PAL).	41.220,00	Không
3.5	Quan hệ đối tác nội bộ và bên ngoài	Chủ động liên hệ để duy trì và tăng cường các mối quan hệ đối tác nội bộ và bên ngoài.	5.000,00	Không

Các Dịch vụ được Tăng cường hoặc Cải thiện cho Trẻ em được Chăm sóc Thay thế, Học sinh học tiếng Anh, và Học sinh trong Gia đình có Thu nhập thấp [2026-27]

Tổng kinh phí dự dành cho các khoản tài trợ bổ sung và/hoặc tập trung LCFF	Dự kiến khoản tài trợ tập trung LCFF bổ sung 15 phần trăm
10.267.750 Đô la	435.138 Đô la

Tỷ lệ Phần trăm dùng Tăng cường hoặc Cải thiện các Dịch vụ cho Năm LCAP

Tỷ lệ phần trăm dự kiến tăng hoặc cải thiện dịch vụ cho năm học tới	Phần trăm – Số dư LCFF chuyển sang	Số dư LCFF chuyển sang – Đô-la	Tổng phần trăm cần tăng hoặc cải thiện dịch vụ cho năm học tới
14.079%	0.000%	$0.00	14.079%

Các khoản Chi phí Dự toán cho những Hoạt động được xác định là Đóng góp có thể được tìm thấy trong bảng Hoạt động Đóng góp.

Mô tả Bắt buộc

Các Hoạt động cho toàn LEA và toàn Trường

Đối với mỗi hành động được cung cấp cho toàn bộ LEA hoặc trường học, hãy cung cấp lời giải thích về (1) nhu cầu duy nhất đã được xác định của nhóm học sinh không trùng lặp mà hành động đó chủ yếu hướng đến, (2) cách thức hành động được thiết kế để giải quyết nhu cầu đã xác định và lý do tại sao nó được cung cấp trên cơ sở LEA hoặc toàn trường, và (3) các chỉ số được sử dụng để đo lường hiệu quả của hành động trong việc cải thiện kết quả cho nhóm học sinh không trùng lặp

Mục tiêu & Hoạt động	Nhu cầu đã xác định	Hoạt động đáp ứng (các) nhu cầu ra sao và lý do để áp dụng trên căn bản toàn LEA hoặc toàn trường	Chỉ số giám sát hiệu quả
2.1	**Hoạt động**: Thời gian học kéo dài (Vượt quá số phút giảng dạy tối thiểu theo quy định của tiểu bang) **Nhu cầu:** Dữ liệu địa phương và tiểu bang cho thấy sự chênh lệch thành tích dai dẳng giữa nhóm Học sinh Nói chung và các nhóm học sinh không trùng lặp trong môn Ngữ văn và Toán học. Kết quả chẩn đoán iReady cho thấy có tỷ lệ đáng kể học sinh không đạt chuẩn của mức lớp trong các nhóm Học sinh Học tiếng Anh, Học sinh có Thu nhập thấp và Trẻ được Chăm sóc Thay thế. Các nhóm học sinh khác có hiệu suất học tập dưới Mức Học sinh Nói chung bao gồm Học sinh Khuyết tật và học sinh đang trong tình trạng vô gia cư. Dữ liệu trong Báo cáo Dữ liệu các Trường CA cũng cho thấy các mức hiệu suất thấp hơn tương tự trong các nhóm xuyên suốt các chỉ số về Ngữ văn và Toán học. Nhóm Học sinh Nói chung: 59,3% ELA, 54,5% toán	Nghiên cứu chứng minh rằng việc tăng thời gian giảng dạy giúp cải thiện kết quả học tập bằng cách cho phép học sinh tiếp cận nội dung bài học sâu sắc hơn, áp dụng phương pháp giảng dạy phân hóa và hỗ trợ mục tiêu. Học khu Ocean View sẽ tiếp tục cung cấp thêm phút giảng dạy hàng ngày vượt quá mức tối thiểu do tiểu bang quy định để tăng cường khả năng tiếp cận bài học cốt lõi và hỗ trợ mục tiêu cho các nhóm học sinh không trùng lặp, bao gồm học sinh học tiếng Anh, Học sinh được Chăm sóc Thay thế, Học sinh có Thu nhập thấp và học sinh vô gia cư. Hoạt động này chủ đích đã hướng tới việc đáp ứng các nhu cầu học thuật của các học sinh không trùng lặp đã thể hiện hiệu suất học tập trong các môn Ngữ văn và toán học, bằng cách tăng số thời gian giảng dạy để hỗ trợ các biện pháp can thiệp, phát triển kỹ năng, và tiếp cận nội dung của mức lớp. Hoạt động này tăng cường các dịch vụ bằng cách cung cấp thêm thời gian giảng dạy vượt quá số thời gian bắt buộc theo luật, bảo đảm	Được đo lường theo: Báo cáo Dữ liệu các Trường CA – Môn Ngữ văn/Toán: M2.7, M2.8, M2.9, M2.10 và Điểm iReady tổng thể và điểm số của học sinh không trùng lặp – Môn Ngữ văn/Toán: M2.3 và M2.4 (Sẽ được xác định và o tháng 5 năm 2026) Tiến độ sẽ được theo dõi thông qua việc phân tích liên tục

Mục tiêu & Hoạt động	Nhu cầu đã xác định	Hoạt động đáp ứng (các) nhu cầu ra sao và lý do để áp dụng trên căn bản toàn LEA hoặc toàn trường	Chỉ số giám sát hiệu quả
	Học sinh Học tiếng Anh: 23,5% ELA, 22,5% toán Thu nhập thấp: 47,2% ELA, 41,8% toán Trẻ được Chăm sóc Thay thế: 25% ELA, 14,3% toán Học sinh Khuyết tật: 24,8% ELA, 19,8% toán Vô gia cư: 36,6% ELA, 37,1% toán Báo cáo Dữ liệu các Trường CA cho 2023 theo Học khu- ELA: Nhóm Học sinh Nói chung: Màu xanh lá cây (Đã duy trì 2 điểm; +15.3 điểm trên mức chuẩn) Học sinh Học tiếng Anh: Cam (Đã giảm 9.6 điểm; - 45.4 điểm dưới mức chuẩn) Thu nhập thấp: Cam (Đã duy trì 1.7 điểm; -16.8 điểm dưới mức chuẩn) Trẻ được Chăm sóc Thay thế: Màu đỏ (Đã giảm 23.4 điểm; -75.7 điểm dưới mức chuẩn) Học sinh Khuyết tật: Cam (Tăng 6.3 điểm; -77.1 điểm dưới mức chuẩn) Vô gia cư: Màu vàng (Tăng 17.9 điểm; - 29.4 điểm dưới mức chuẩn) Báo cáo Dữ liệu các Trường CA cho 2023 theo Trường - ELA: SPRING VIEW: Vô gia cư: Màu đỏ (Đã giảm 23.1 điểm; -73.6 điểm dưới mức chuẩn) VILLAGE VIEW: Học sinh Khuyết tật: Màu đỏ (Đã giảm -13.2 điểm; -100.0 điểm dưới mức chuẩn)	các nhóm học sinh không trùng lặp có các cơ hội mở rộng để học, để nhận sự can thiệp, và hỗ trợ. Số thời gian bổ sung thêm cho phép việc giảng dạy có mục tiêu, hỗ trợ trong nhóm nhỏ, và các trải nghiệm học tập được phân hóa thiết kế cho sự tăng tốc của tiến độ học thuật. Hoạt động này được áp dụng cho toàn LEA nhằm cung cấp các hỗ trợ học thuật và can thiệp xuyên suốt tất cả các trường trong học khu.	

Mục tiêu & Hoạt động	Nhu cầu đã xác định	Hoạt động đáp ứng (các) nhu cầu ra sao và lý do để áp dụng trên căn bản toàn LEA hoặc toàn trường	Chỉ số giám sát hiệu quả
	Báo cáo Dữ liệu các Trường CA cho 2023 theo Học khu- Toán: Nhóm Học sinh Nói chung: Màu xanh lá cây (Tăng 5,7 điểm; -0,7 điểm dưới mức chuẩn) Học sinh Học tiếng Anh: Cam (Đã duy trì 0,7 điểm; -55,8 điểm dưới mức chuẩn) Thu nhập thấp: Màu vàng (Tăng 9,7 điểm; -34,67 điểm dưới mức chuẩn) Trẻ được Chăm sóc Thay thế: Cam (Đã giảm 31,1 điểm; -91.3 điểm dưới mức chuẩn) Học sinh Khuyết tật: Cam (Tăng 13,5 điểm; -95,7 điểm dưới mức chuẩn) Vô gia cư: Màu vàng (Tăng 25,1 điểm; - 45,0 điểm dưới mức chuẩn) Báo cáo Dữ liệu các Trường CA cho 2023 theo Trường - Toán: MARINE VIEW: Học sinh Học tiếng Anh: Màu đỏ (Đã giảm 9.5 điểm; - 110.3 điểm dưới mức chuẩn) SPRING VIEW Vô gia cư: Màu đỏ (Đã giảm 9.3 điểm; -112.6 điểm dưới mức chuẩn) VISTA VIEW: Học sinh Khuyết tật: Màu đỏ (Đã duy trì 1.8 điểm; 145.4 điểm **Phạm vi:** Toàn LEA		
2.2	**Hoạt động:** Các chương trình Can thiệp sớm, Phòng ngừa & Tiếp thu Anh ngữ	Nghiên cứu chứng minh rằng can thiệp sớm ở bậc tiểu học là rất quan trọng đối với thành công học tập lâu dài, đặc biệt là trong lĩnh vực	Được đo lường theo: Báo cáo Dữ liệu các Trường CA -

Mục tiêu & Hoạt động	Nhu cầu đã xác định	Hoạt động đáp ứng (các) nhu cầu ra sao và lý do để áp dụng trên căn bản toàn LEA hoặc toàn trường	Chỉ số giám sát hiệu quả
	Nhu cầu: Dữ liệu địa phương và tiểu bang cho thấy có khoảng cách đáng kể về thành tựu học tập trong môn Ngữ văn tiếng Anh và Toán cho các học sinh lớp Mẫu giáo đến lớp ba, cụ thể là các nhóm học sinh không trùng lặp, bao gồm Học sinh Học tiếng Anh, Trẻ được Chăm sóc Thay thế, và Học sinh đang trong hoàn cảnh vô gia cư. Chẩn đoán iReady và dữ liệu trong Báo cáo Dữ liệu các Trường CA cho thấy các nhóm học sinh này đang có hiệu suất dưới mức Tất cả các học sinh, thể hiện nhu cầu có sự can thiệp sớm và phát triển các kỹ năng nền tảng. Nhóm Học sinh Nói chung: 59,3% ELA, 54,5% toán Học sinh Học tiếng Anh: 23,5% ELA, 22,5% toán Thu nhập thấp: 47,2% ELA, 41,8% toán Trẻ được Chăm sóc Thay thế: 25% ELA, 14,3% toán Học sinh Khuyết tật: 24,8% ELA, 19,8% toán Vô gia cư: 36,6% ELA, 37,1% toán Báo cáo Dữ liệu các Trường CA cho 2023 theo Học Khu - ELA: Nhóm Học sinh Nói chung: Màu xanh lá cây (Được duy trì 2 điểm; +15,3 điểm trên mức chuẩn) Học sinh Học tiếng Anh: Cam (Đã giảm 9,6 điểm; - 45,4 điểm dưới tiêu chuẩn) Thu nhập thấp: Cam (Được duy trì 1,7 điểm; - 16,8 điểm dưới tiêu chuẩn)	đọc viết và phát triển ngôn ngữ. Học khu Ocean View sẽ tiếp tục cung cấp các chương trình can thiệp sớm, phòng ngừa và tiếp thu tiếng Anh thông qua việc giảm sĩ số lớp học từ mẫu giáo đến lớp ba. Trợ giảng cũng sẽ được phân công vào các lớp mẫu giáo để hỗ trợ phát triển các kỹ năng nền tảng và sự sẵn sàng đến trường. Hoạt động này chủ yếu hướng tới việc theo dõi sự tiến bộ của những học sinh có thành tích thấp hơn trong môn đọc viết và toán học ở giai đoạn đầu, thông qua bài kiểm tra chẩn đoán được thực hiện ba lần một năm để tăng cường khả năng tiếp cận với hướng dẫn mục tiêu, phát triển ngôn ngữ và hỗ trợ theo nhu cầu từng cá nhân trong các năm học từ lớp K đến lớp 3, cùng với những năm học đầu đời quan trọng. Sự tiến bộ sẽ được theo dõi thông qua bài kiểm tra iReady, nhằm tăng cường khả năng tiếp cận với hướng dẫn mục tiêu, phát triển ngôn ngữ và hỗ trợ cá nhân hóa trong những năm học đầu đời quan trọng. Hoạt động này tăng cường dịch vụ bằng cách giảm số lượng bài kiểm tra trong lớp và cung cấp hỗ trợ giảng dạy bổ sung cho chương trình mẫu giáo chuyển tiếp. Việc hỗ trợ giáo viên trong các lớp mẫu giáo cho phép sự quan tâm cá nhân, giảng dạy theo nhóm nhỏ và can thiệp có mục tiêu. Những hỗ trợ này cải thiện khả năng tiếp cận với kiến thức cơ	ELA/Toán: M2.7, M2.8, M2.9, M2.10, và iReady Tổng quá và Học sinh Không trùng lặp - ELA/Toán cho các lớp K-3: M2.1, M2.2, M2.3, và M2.4 (Sẽ thông báo vào tháng 6, 2026) Tiến độ sẽ được giám sát qua Chẩn đoán iReady được thực hiện 3 lần một năm cho các lớp K-3, cùng với các đánh giá hình thành và tổng kết tại lớp cho mẫu giáo chuyển tiếp.

Mục tiêu & Hoạt động	Nhu cầu đã xác định	Hoạt động đáp ứng (các) nhu cầu ra sao và lý do để áp dụng trên căn bản toàn LEA hoặc toàn trường	Chỉ số giám sát hiệu quả
	Trẻ được Chăm sóc Thay thế: Màu đỏ (Đã giảm 23,4 điểm; -75,7 điểm dưới tiêu chuẩn) Học sinh Khuyết tật: Cam (Đã tăng 6,3 điểm; -77,1 điểm dưới tiêu chuẩn) Vô gia cư: Màu vàng (Đã tăng 17,9 điểm; -29,4 điểm dưới tiêu chuẩn Báo cáo Dữ liệu các Trường CA cho 2023 theo Học Khu - Toán: Nhóm Học sinh Nói chung: Màu xanh lá cây (Đã tăng 5,7 điểm; -0,7 điểm dưới tiêu chuẩn) Học sinh Học tiếng Anh: Cam (Được duy trì 0,7 điểm; -55,8 điểm dưới tiêu chuẩn) Thu nhập thấp: Màu vàng (Đã tăng 9,7 điểm; -34,67 điểm dưới tiêu chuẩn) Trẻ được Chăm sóc Thay thế: Cam (Đã giảm 31,1 điểm; -91,3 điểm dưới tiêu chuẩn) Học sinh Khuyết tật: Cam (Đã tăng 13,5 điểm; -95,7 điểm dưới tiêu chuẩn) Vô gia cư: Màu vàng (Đã tăng 25,1 điểm; -45,0 điểm dưới tiêu chuẩn) **Phạm vi:** Toàn trường	bản về đọc viết, ngôn ngữ và toán học cho các nhóm học sinh riêng biệt, giúp giải quyết những lỗ hổng trong học tập sớm và hỗ trợ thành công học tập lâu dài.	
2.3	**Hoạt động**: Hỗ trợ học tập **Nhu cầu**: Dữ liệu cấp địa phương và tiểu bang cho thấy sự chênh lệch đáng kể về thành tích trong môn Ngữ văn và Toán học giữa nhóm Học sinh Nói	Học khu sẽ triển khai hoạt động này trên phạm vi toàn khu vực giáo dục (LEA) để đảm bảo các phương pháp giảng dạy đồng nhất và tiếp cận công bằng với việc giảng dạy và học tập chất lượng cao tại tất cả các trường. Điều này bao gồm cung cấp hỗ trợ học thuật, phát triển chuyên môn và thời gian hợp tác có cấu trúc cho giáo viên để phân tích dữ liệu và	Được đo lường bằng: Báo cáo Thống kê về các Trường CA - Ngữ văn/Toán: M2.7, M2.8, M2.9, M2.10 và iReady tổng thể và Học sinh

Mục tiêu & Hoạt động	Nhu cầu đã xác định	Hoạt động đáp ứng (các) nhu cầu ra sao và lý do để áp dụng trên căn bản toàn LEA hoặc toàn trường	Chỉ số giám sát hiệu quả
	chung và các nhóm học sinh không trùng lặp, bao gồm Học sinh học tiếng Anh, Học sinh Học tiếng Anh dài hạn, Học sinh có Thu nhập thấp và Học sinh được Chăm sóc Thay thế. Dữ liệu từ iReady Diagnostic, CAASPP và California School Dashboard cho thấy các nhóm học sinh này liên tục có kết quả học tập dưới mức chuẩn, với nhu cầu lớn nhất được xác định dành cho Học sinh Khuyết tật và Học sinh Học tiếng Anh dài hạn, điều đã được phản ánh trong diện Hỗ trợ Phân hóa của học khu. iReady: Tổng số học sinh: 59,3% môn Ngữ văn, 54,5% môn Toán Học sinh học tiếng Anh: 23,5% môn Ngữ văn, 22,5% môn Toán Thu nhập thấp: 47,2% môn Ngữ văn, 41,8% môn Toán Học sinh được Chăm sóc Thay thế: 25% môn Ngữ văn, 14,3% môn Toán Học sinh Khuyết tật: 24,8% môn Ngữ văn, 19,8% môn Toán Vô gia cư: 36,6% môn Ngữ văn, 37,1% môn Toán Điểm số ELA CAASPP đạt hoặc vượt mức yêu cầu. Tổng số học sinh: 56,92% môn Ngữ văn, 50,17% môn Toán Học sinh học tiếng Anh: 10,33% môn Ngữ văn, 14,74% môn Toán	lập kế hoạch giảng dạy phân hóa dựa trên bằng chứng và các biện pháp can thiệp có mục tiêu trong môn Ngữ văn và Toán học. Hoạt động này chủ yếu nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của các nhóm học sinh không trùng lặp, bao gồm cả học sinh học tiếng Anh và Học sinh Học tiếng Anh dài hạn, Học sinh học tiếng Anh, trẻ được chăm sóc thay thế và Học sinh có Thu nhập thấp. Các nhóm học sinh khác sẽ được hưởng lợi bao gồm Học sinh Khuyết tật và học sinh vô gia cư đã cho thấy có kết quả học tập kém hơn về đọc viết và toán học. Những nỗ lực này phù hợp với trọng tâm Hỗ trợ Phân hóa của học khu nhằm cải thiện kết quả học tập cho Học sinh Khuyết tật và Học sinh Học tiếng Anh dài hạn. Hoạt động này giúp tăng cường và cải thiện dịch vụ bằng cách cung cấp thêm các chương trình phát triển chuyên môn, thời gian hợp tác có cấu trúc và hỗ trợ giảng dạy có mục tiêu, được thiết kế đặc biệt để đáp ứng nhu cầu học tập của những học sinh không trùng lặp. Thời gian dành cho giáo viên cho phép phân tích dữ liệu liên tục, lập kế hoạch và thực hiện giảng dạy phân hóa và các biện pháp can thiệp có mục tiêu. Việc triển khai các chiến lược dựa trên nghiên cứu, bao gồm Thiết kế Học tập Phổ quát (Universal Design for Learning), cải thiện khả năng tiếp cận với chương trình giảng dạy nghiêm ngặt, phù hợp với tiêu chuẩn và hỗ	không trùng lặp - Ngữ văn/Toán: M2.1, M2.2, M2.3 và M2.4 (Sẽ được xác định vào tháng 5 năm 2026) Tiến độ sẽ được theo dõi thông qua việc phân tích liên tục dữ liệu chẩn đoán iReady và các kết quả từ Báo cáo Thống kê về các trường CA để đánh giá sự tăng trưởng trong môn Ngữ văn Anh và Thành tích toán học của các nhóm học sinh không trùng lặp.

Mục tiêu & Hoạt động	Nhu cầu đã xác định	Hoạt động đáp ứng (các) nhu cầu ra sao và lý do để áp dụng trên căn bản toàn LEA hoặc toàn trường	Chỉ số giám sát hiệu quả
	Thu nhập thấp: 43,47% môn Ngữ văn, 37,73% môn Toán Học sinh Học tiếng Anh dài hạn: 2,67% môn Ngữ văn, 2,03% môn Toán Trẻ được Chăm sóc Thay thế: Không áp dụng ELA, và không áp dụng toán Học sinh Khuyết tật: 15,51% ELA, 15,58% toán Vô gia cư: 37,32% ELA, 30,69% toán Báo cáo Dữ liệu các Trường CA theo Học khu cho 2023- ELA: Nhóm Học sinh Nói chung: Màu xanh lá cây (Đã duy trì 2 điểm; +15,3 điểm trên điểm chuẩn) Học sinh Học tiếng Anh: Cam (Đã giảm 9,6 điểm; - 45,4 điểm dưới mức chuẩn) Thu nhập thấp: Cam (Đã duy trì 1,7 điểm; -16,8 điểm dưới mức chuẩn) Trẻ được Chăm sóc Thay thế: Màu đỏ (Đã giảm 23,4 điểm; -75,7 điểm dưới mức chuẩn) Học sinh Khuyết tật: Cam (Đã tăng 6,3 điểm; -77,1 điểm dưới mức chuẩn) Vô gia cư: Màu vàng (Đã tăng 17.9 điểm; -29.4 điểm dưới mức chuẩn Báo cáo Dữ liệu các Trường CA theo Trường cho 2023- ELA: SPRING VIEW: Vô gia cư: Màu đỏ (Đã giảm 23.1 điểm; -73.6 điểm dưới mức chuẩn) VILLAGE VIEW: Học sinh Khuyết tật: Màu đỏ (Đã giảm -13.2 điểm; -100.0 điểm dưới mức chuẩn)	trợ nhu cầu học tập đa dạng. Những hỗ trợ phối hợp này củng cố chương trình giảng dạy cấp độ 1, đồng thời cung cấp sự can thiệp có mục tiêu để đẩy nhanh thành tích cho các nhóm học sinh có nhu cầu cao nhất.	

Mục tiêu & Hoạt động	Nhu cầu đã xác định	Hoạt động đáp ứng (các) nhu cầu ra sao và lý do để áp dụng trên căn bản toàn LEA hoặc toàn trường	Chỉ số giám sát hiệu quả
	Báo cáo Thống kê cho 2023 theo Học khu- Toán: Nhóm Học sinh Nói chung: Màu xanh lá cây (Đã tăng 5,7 điểm; -0,7 điểm dưới mức chuẩn) Học sinh Học tiếng Anh: Cam (Đã duy trì 0,7 điểm; -55,8 điểm dưới mức chuẩn) Thu nhập thấp: Màu vàng (Đã tăng 9,7 điểm; -34,67 điểm dưới mức chuẩn) Trẻ được Chăm sóc Thay thế: Cam (Đã giảm 31,1 điểm; -91,3 điểm dưới mức chuẩn) Học sinh Khuyết tật: Cam (Đã tăng 13,5 điểm; -95,7 điểm dưới mức chuẩn) Vô gia cư: Màu vàng (Đã tăng 25,1 điểm; -45,0 điểm dưới mức chuẩn) Báo cáo Dữ liệu các Trường CA cho 2023 theo Trường- Toán: MARINE VIEW: Học sinh Học tiếng Anh: Màu đỏ (Đã giảm 9,5 điểm; - 110,3 điểm dưới mức chuẩn) SPRING VIEW Vô gia cư: Màu đỏ (Đã giảm 9,3 điểm; -112,6 điểm dưới mức chuẩn) VISTA VIEW: Học sinh Khuyết tật: Màu đỏ (Đã duy trì 1,8 điểm; 145,4 điểm **Phạm vi:** Toàn LEA		

Mục tiêu & Hoạt động	Nhu cầu đã xác định	Hoạt động đáp ứng (các) nhu cầu ra sao và lý do để áp dụng trên căn bản toàn LEA hoặc toàn trường	Chỉ số giám sát hiệu quả
2.4	**Hoạt động**: Tích hợp phát triển xã hội-cảm xúc, chuyên cần và Hỗ trợ hành vi **Nhu cầu**: Dữ liệu địa phương, các chỉ số cấp tiểu bang và phản hồi từ các đối tác giáo dục cho thấy tình tạng vắng mặt thường xuyên vẫn là một vấn đề cần cải thiện, đặc biệt là đối với những học sinh không học trùng lớp. Các nhóm học sinh khác, bao gồm Học sinh Khuyết tật và Học sinh được Chăm sóc Thay thế, đang ở mức Màu đỏ, trong khi học sinh học tiếng Anh và Học sinh có Thu nhập thấp ở mức Cam, tất cả đều có tỷ lệ vắng mặt cao hơn so với nhóm Học sinh Nói chung. Mặc dù tỷ lệ đình chỉ học nhìn chung vẫn thấp, nhưng vẫn tồn tại sự chênh lệch đối với Học sinh Học tiếng Anh dài hạn và Học sinh Khuyết tật tại một số trường nhất định. Những dữ liệu này cho thấy cần có sự hỗ trợ phối hợp để giải quyết các rào cản liên quan đến sự tham gia, chuyên cần và hành vi của học sinh, đặc biệt là đối với Học sinh Khuyết tật và Học sinh Học tiếng Anh dài hạn, như đã được xác định thông qua tình trạng Hỗ trợ Phân hóa của học khu. Dữ liệu cũng cho thấy các nhóm học sinh không trùng lặp, Học sinh Học tiếng Anh dài hạn và Học sinh Khuyết tật có tỷ lệ vắng học thường xuyên cao hơn và trong một số trường hợp, có kết quả kỷ luật tồi tệ hơn. Các rào cản góp phần vào những xu hướng này có thể là	Học khu sẽ triển khai Hoạt động này trên phạm vi toàn khu vực giáo dục (LEA) để đảm bảo các hệ thống hỗ trợ đồng nhất và phối hợp giữa tất cả các trường học. Điều này bao gồm hỗ trợ tích hợp về mặt xã hội-cảm xúc, chuyên cần và hành vi thông qua các nhà cung cấp dịch vụ sức khỏe tâm thần của Học khu, các thực tập sinh theo hợp đồng và các đội tại trường. Biện pháp này chủ yếu nhắm vào các nhóm học sinh không trùng lặp, bao gồm Học sinh Học tiếng Anh, Học sinh Học tiếng Anh dài hạn, Học sinh được Chăm sóc Thay thế và Học sinh có Thu nhập thấp. Ngoài ra, Học sinh Khuyết tật có tỷ lệ vắng học thường xuyên và kết quả kỷ luật kém hơn. Những nỗ lực này phù hợp với trọng tâm Hỗ trợ Phân hóa của học khu nhằm cải thiện tỷ lệ chuyên cần và kết quả hành vi cho Học sinh Khuyết tật và Học sinh Học tiếng Anh dài hạn. Hoạt động này tăng cường và cải thiện các dịch vụ bằng cách cung cấp phân tích dữ liệu phối hợp, liên tục, theo dõi tiến độ và hợp tác cấp trường để xác định những học sinh cần hỗ trợ thêm – các mức hỗ trợ khác nhau bao gồm phòng ngừa, can thiệp sớm và các dịch vụ chuyên sâu dựa trên nhu cầu của học sinh. Việc mở rộng khả năng tiếp cận với các	Được đo lường bằng: Bảng điều khiển trường học CA - Vắng mặt thường xuyên và đình chỉ học: M2.11, M2.12, M2.13, M2.14 Tiến độ sẽ được theo dõi thông qua hệ thống chỉ số trên Báo cáo Dữ liệu các Trường CA. Đang tiến hành rà soát dữ liệu tại từng địa điểm để đánh giá mức giảm tỷ lệ vắng học thường xuyên và tỷ lệ đình chỉ học đối với các nhóm học sinh không trùng lặp.

Mục tiêu & Hoạt động	Nhu cầu đã xác định	Hoạt động đáp ứng (các) nhu cầu ra sao và lý do để áp dụng trên căn bản toàn LEA hoặc toàn trường	Chỉ số giám sát hiệu quả
	Những vấn đề này bao gồm sự tham gia không đồng nhất, nhu cầu về mặt xã hội-cảm xúc không được đáp ứng và khả năng tiếp cận hạn chế với các hỗ trợ phối hợp. Những điều kiện này ảnh hưởng tiêu cực đến việc học tập của học sinh và góp phần làm giảm kết quả học tập, cho thấy sự cần thiết của các hệ thống tích hợp nhằm giải quyết vấn đề chuyên cần, hành vi và sự tham gia của học sinh. Báo cáo Dữ liệu các Trường CA cho 2025 về Vắng mặt Thường xuyên Nhóm Học sinh Nói chung: Cam 11,8% (Đã duy trì 0,1%) Học sinh Học tiếng Anh: Cam 15,7% (Đã duy trì – 0,1%) Thu nhập thấp: Cam 16,3% (Đã duy trì 0,4%) Trẻ được Chăm sóc Thay thế: Màu đỏ 32,5% (Đã tăng 10,1%) Học sinh Khuyết tật: Màu đỏ 22,8% (Đã duy trì -0,2%) Vô gia cư: Màu vàng 18,5% (Đã giảm 2,4%) Báo cáo Dữ liệu các Trường CA cho 2025 về Vắng mặt Thường xuyên CIRCLE VIEW Học sinh Khuyết tật: Màu đỏ 22,9% (Đã tăng 8,6%) COLLEGE VIEW Gốc Tây-ban-nha: Cam 13,6% (Đã duy trì 0%) HOPE VIEW Học sinh Học tiếng Anh: Không có màu 17,2% (Đã giảm 13,1%) MESA VIEW	nhà cung cấp dịch vụ sức khỏe tâm thần và thực tập sinh theo hợp đồng, các biện pháp can thiệp kịp thời và có mục tiêu về việc đi học, và các hỗ trợ hành vi chủ động cho phép các trường học xác định và giải quyết các rào cản đối với sự tham gia của học sinh một cách hiệu quả hơn. Áp dụng các phương pháp thực hành dựa trên bằng chứng, bao gồm Học tập Cảm xúc Xã hội (SEL),Các biện pháp can thiệp và hỗ trợ hành vi tích cực (PBIS), và các phương pháp tiếp cận dựa trên hiểu biết về chấn thương tâm lý giúp cải thiện môi trường học đường, tăng cường sự tham gia của học sinh và giảm bớt các rào cản đối với việc đi học và tham gia các hoạt động. Phân tích dữ liệu liên tục, theo dõi tiến độ và hợp tác cấp trường đảm bảo các biện pháp can thiệp kịp thời và có mục tiêu dành cho những học sinh có nhu cầu lớn nhất. Nghiên cứu cho thấy các quan hệ học đường vững mạnh và hệ thống hỗ trợ có sự phối hợp cải thiện sự gắn kết của học sinh với nhà trường, sự chuyên cần, và các kết quả học thuật. Việc cung cấp các hệ thống hỗ trợ tích hợp và toàn trường bảo đảm sự đồng nhất trong áp dụng và tăng cường sự hữu hiệu của các can thiệp có mục đích cho các nhóm học sinh có nhiều nhu cầu nhất. .	

Mục tiêu & Hoạt động	Nhu cầu đã xác định	Hoạt động đáp ứng (các) nhu cầu ra sao và lý do để áp dụng trên căn bản toàn LEA hoặc toàn trường	Chỉ số giám sát hiệu quả
	Học sinh Học tiếng Anh: Màu đỏ 22,1%(Đã duy trì 0,2%) Vô gia cư: Màu vàng 14% (Đã giảm 9,5%) VILLAGE VIEW Học sinh Khuyết tật: Màu xanh lá cây 6,1% (Đã giảm 21,3%) Báo cáo Dữ liệu các Trường CA cho 2025 về Đình chỉ học Nhóm Học sinh Nói chung: Màu xanh lá cây 0,8% (Đã giảm 0,5%) Học sinh Học tiếng Anh: Màu vàng 1,9% (Đã duy trì 0,1%) Thu nhập thấp: Màu xanh lá cây 1,2% (Đã giảm 0,5%) Trẻ được Chăm sóc Thay thế: Màu xanh lá cây 2,5% (Đã giảm 5,8%) Học sinh Khuyết tật: Màu xanh lá cây 1,9% (Đã giảm 0,5%) Học sinh Mỹ gốc Phi Châu: Cam 3,4% (Đã duy trì -0,2%) Vô gia cư: Màu xanh lá cây 1,1% (Đã giảm 1,2%) Báo cáo Dữ liệu các Trường CA cho 2025 về Đình chỉ học MARINE VIEW Học sinh Học tiếng Anh: Cam 3,8% (Đã tăng 3,8%) Thu nhập thấp: Màu xanh lá cây 2,5% (Đã giảm 1,9%) Gốc Tây-ban-nha: Màu xanh lá cây:1,3% (Đã duy trì -0.2%)		

Mục tiêu & Hoạt động	Nhu cầu đã xác định	Hoạt động đáp ứng (các) nhu cầu ra sao và lý do để áp dụng trên căn bản toàn LEA hoặc toàn trường	Chỉ số giám sát hiệu quả
	MESA VIEW Học sinh Học tiếng Anh: Màu đỏ 12,5% (Đã tăng 3,3%) Thu nhập thấp: Màu vàng 5,9% (Đã duy trì - 0,2%) Gốc Tây-ban-nha: Màu xanh lá cây 5,5% (Đã giảm 0,7%) Báo cáo Dữ liệu các Trường CA cho 2023 theo Học khu- Vắng mặt Thường xuyên: Nhóm Học sinh Nói chung: Màu vàng (Đã giảm 6,2%; 14,4% Vắng mặt thường xuyên) Học sinh Học tiếng Anh: Màu vàng (Đã giảm 4,4%; 19,8% Vắng mặt thường xuyên) Thu nhập thấp: Màu vàng (Đã giảm 6,7%; 19,7% Vắng mặt thường xuyên) Trẻ được Chăm sóc Thay thế: Cam (Đã giảm 6,8%; 50% Vắng mặt thường xuyên) Học sinh Khuyết tật: Màu vàng (Đã giảm 7,5%; 24,6% Vắng mặt thường xuyên) Vô gia cư: Màu vàng (Đã giảm 11,9%; 23,4% Vắng mặt thường xuyên) 2023 Báo cáo Thống kê các Trường cho CA cho 2023 - Vắng mặt Thường xuyên: CIRCLE VIEW Học sinh Khuyết tật: Màu đỏ (Đã tăng 14,1%; 30,1% Vắng mặt thường xuyên) COLLEGE VIEW Gốc Tây-ban-nha: Màu đỏ (Đã tăng 0,5%; 21,4% Vắng mặt thường xuyên) HOPE VIEW Học sinh Học tiếng Anh: Màu đỏ (Đã tăng		

Mục tiêu & Hoạt động	Nhu cầu đã xác định	Hoạt động đáp ứng (các) nhu cầu ra sao và lý do để áp dụng trên căn bản toàn LEA hoặc toàn trường	Chỉ số giám sát hiệu quả
	3,9%; 25,0% Vắng mặt thường xuyên) MESA VIEW Học sinh Học tiếng Anh: Màu đỏ (Đã duy trì 0,3%; 26,9% Vắng mặt thường xuyên) Vô gia cư: Màu đỏ (Đã tăng 10,2%; 36,8% Vắng mặt thường xuyên) VILLAGE VIEW: Học sinh Khuyết tật: Màu đỏ (Đã tăng 1,9%; 31,8% Vắng mặt thường xuyên) **Phạm vi**: Toàn LEA		
2.5	**Hoạt động:** Các khóa học dành cho phụ huynh & Liên lạc thường xuyên giữa nhà trường và gia đình. **Nhu cầu:** Phản hồi từ các đối tác giáo dục và dữ liệu khảo sát cho thấy một nhu cầu cần củng cố sự tham gia của gia đình và cải thiện việc tiếp cận thông tin liên quan đến các chương trình học thuật và tiến độ học tập của học sinh, cụ thể là các gia đình của nhóm học sinh không trùng lặp. Các nhóm này, cùng với các học sinh đang trải qua tình trạng vô gia cư, và Học sinh Khuyết tật, tiếp tục có các thành quả học thuật, chuyên cần, và kết quả từ thu hút tham gia thấp hơn nhóm Học sinh Nói chung, cho thấy một nhu cầu cần tăng cường thông tin liên lạc, hoạt động tiếp cận, và hỗ trợ.	Học khu sẽ thực hiện hoạt động này trên căn bản toàn LEA để đảm bảo việc liên lạc và các biện pháp thu hút sự tham gia đồng nhất xuyên suốt tất cả các trường. Điều này bao gồm cung cấp các khóa học dành cho phụ huynh, duy trì thông tin liên lạc hai chiều giữa nhà trường và gia đình, và thực hiện các biện pháp tiếp cận có mục tiêu với gia đình của các nhóm học sinh không trùng lặp. Hoạt động này chủ đích hướng đến việc tăng thêm việc tiếp cận và tham gia của các gia đình của những học sinh trong nhóm Học tiếng Anh, Trẻ được Chăm sóc Thay thế, và Học sinh trong Gia đình có Thu nhập thấp. Ngoài ra, hoạt động này cũng phục vụ các học sinh đang trong tình trạng vô gia cư, và Học sinh Khuyết tật bằng cách bảo đảm việc	Vắng mặt, Đình chi học tập: M2.7, M2.8, M2.9, M2.10, M2.11, M2.12, M2.13, M2.14 Tiến độ sẽ được giám sát thông qua các chỉ số từ Báo cáo Thống kê các Trường California, dữ liệu khảo sát phụ huynh, và theo dõi các dịch vụ thông dịch và biên dịch để đánh giá đánh giá độ tăng trưởng về sự tham gia và tiếp cận của gia đình.

Mục tiêu & Hoạt động	Nhu cầu đã xác định	Hoạt động đáp ứng (các) nhu cầu ra sao và lý do để áp dụng trên căn bản toàn LEA hoặc toàn trường	Chỉ số giám sát hiệu quả
	Báo cáo Dữ liệu các Trường CA cho 2025 - Vắng mặt Thường xuyên: Nhóm Học sinh Nói chung: Cam 11,8% (Đã duy trì 0,1%) Học sinh học tiếng Anh: Cam 15,7% (Đã duy trì – 0,1%) Thu nhập thấp: Cam 16,3% (Đã duy trì 0,4%) Trẻ được Chăm sóc Thay thế: Màu đỏ 32,5% (Đã tăng 10,1%) Học sinh Khuyết tật: Màu đỏ 22,8% (Đã duy trì -0,2%) Vô gia cư: Màu vàng 18,5% (Đã giảm 2,4%) Báo cáo Dữ liệu các Trường CA cho 2025 - Đình chỉ học Nhóm Học sinh Nói chung: Màu xanh lá cây 0,8% (Đã giảm 0,5%) Học sinh học tiếng Anh: Màu vàng 1,9% (Đã duy trì 0,1%) Thu nhập thấp: Màu xanh lá cây 1,2% (Đã giảm 0,5%) Trẻ được Chăm sóc Thay thế: Màu xanh lá cây 2,5% (Đã giảm 5,8%) Học sinh Khuyết tật: Màu xanh lá cây 1,9% (Đã giảm 0,5%) Học sinh Mỹ gốc Phi Châu: Cam 3,4% (Đã duy trì -0,2%) Vô gia cư: Màu xanh lá cây 1,1% (Đã giảm 1,2%) Báo cáo Dữ liệu các Trường CA cho 2023 - ELA: Nhóm Học sinh Nói chung: Màu xanh lá cây (Đã duy trì 2 điểm; +15,3 điểm trên mức	liên lạc có thể tiếp cận được, đúng lúc, và đáp ứng các nhu cầu của gia đình. Hoạt động này tăng cường và cải thiện các dịch vụ bằng cách mở rộng sự tiếp cận đến các khóa học dành cho phụ huynh và thông tin liên lạc thông qua hoạt động tiếp cận gia đình, hỗ trợ bằng song ngữ, thông dịch và biên dịch. Các nhân viên bổ sung khác, bao gồm Nhân viên “Bắc cầu nối” Song ngữ với Phụ huynh và các trợ giáo, củng cố khả năng của học khu để kết nối với gia đình và hỗ trợ một cách có ý nghĩa.	

Mục tiêu & Hoạt động	Nhu cầu đã xác định	Hoạt động đáp ứng (các) nhu cầu ra sao và lý do để áp dụng trên căn bản toàn LEA hoặc toàn trường	Chỉ số giám sát hiệu quả
	chuẩn) Học sinh học tiếng Anh: Cam (Đã giảm 9,6 điểm; - 45,4 điểm dưới mức chuẩn) Thu nhập thấp: Cam (Đã duy trì 1,7 điểm; - 16,8 điểm dưới mức chuẩn) Học sinh Khuyết tật: Cam (Đã tăng 6,3 điểm; - 77,1 điểm dưới mức chuẩn) Trẻ được Chăm sóc Thay thế: Màu đỏ (Đã giảm 23,4 điểm; -75,7 điểm dưới mức chuẩn) Vô gia cư: Màu vàng (Đã tăng 17,9 điểm; -29,4 điểm dưới mức chuẩn Báo cáo Dữ liệu các Trường CA cho 2023 - Toán: Nhóm Học sinh Nói chung: Màu xanh lá cây (Đã tăng 5,7 điểm; -0,7 điểm dưới mức chuẩn) Học sinh học tiếng Anh: Cam (Đã duy trì 0,7 điểm; -55,8 điểm dưới mức chuẩn) Thu nhập thấp: Màu vàng (Đã tăng 9,7 điểm; - 34,67 điểm dưới mức chuẩn) Học sinh Khuyết tật: Cam (Đã tăng 13,5 điểm; - 95,7 điểm dưới mức chuẩn) Trẻ được Chăm sóc Thay thế: Cam (Đã giảm 31,1 điểm; -91,3 điểm dưới mức chuẩn) Vô gia cư: Màu vàng (Đã tăng 25,1 điểm; - 45,0 điểm dưới mức chuẩn) Báo cáo Dữ liệu các Trường CA cho 2023 - Vắng mặt Thường xuyên: Nhóm Học sinh Nói chung: Màu vàng (Đã giảm 6,2%; 14,4% vắng mặt thường xuyên) Học sinh học tiếng Anh: Màu vàng (Đã giảm 4,4%; 19,8% vắng mặt thường xuyên)		

Mục tiêu & Hoạt động	Nhu cầu đã xác định	Hoạt động đáp ứng (các) nhu cầu ra sao và lý do để áp dụng trên căn bản toàn LEA hoặc toàn trường	Chỉ số giám sát hiệu quả
	Thu nhập thấp: Màu vàng (Đã giảm 6,7%; 19,7% vắng mặt thường xuyên) Học sinh Khuyết tật: Màu vàng (Đã giảm 7,5%; 24,6% vắng mặt thường xuyên) Trẻ được Chăm sóc Thay thế: Cam (Đã giảm 6,8%; 50% vắng mặt thường xuyên) Vô gia cư: Màu vàng (Đã giảm 11,9%; 23,4% vắng mặt thường xuyên) Báo cáo Dữ liệu các Trường CA cho 2023 - Đình chỉ học: Nhóm Học sinh Nói chung: Cam (Đã tăng 0,4% hay nhiều hơn; 2% hay ít hơn) Học sinh học tiếng Anh: Cam (Đã tăng 1,3% hay nhiều hơn; 3,8% hay ít hơn) Thu nhập thấp: Cam (Đã tăng 0,7% hay nhiều hơn; 2,9% hay ít hơn) Học sinh Khuyết tật: Cam (Đã duy trì -0,2%; 3,4% hay ít hơn) Trẻ được Chăm sóc Thay thế: Màu đỏ (Đã tăng 5,9% hay nhiều hơn; 10,3% hay ít hơn) Học sinh Mỹ gốc Phi Châu: Màu đỏ (Đã tăng 2,7% hay nhiều hơn, 7,2% hay ít hơn) Vô gia cư: Cam (Đã tăng 0,5% hay nhiều hơn; 2,9% hay ít hơn) **Phạm vi:** Toàn LEA		

Mục tiêu & Hoạt động	Nhu cầu đã xác định	Hoạt động đáp ứng (các) nhu cầu ra sao và lý do để áp dụng trên căn bản toàn LEA hoặc toàn trường	Chỉ số giám sát hiệu quả
2.8	**Hoạt động:** Các dịch vụ cho Thu nhập thấp/Vô gia cư **Nhu cầu:** Phản hồi từ đối tác giáo dục và dữ liệu học sinh cho thấy Học sinh Thu nhập thấp và học sinh đang trong tình trạng vô gia cư phải đối diện với nhiều rào cản có tác động đến thành quả học tập, chuyên cần, và hành vi. Những rào cản này có thể bao gồm nhưng không chỉ giới hạn trong quyền tiếp cận đến các nhu cầu căn bản, đến trường không đều đặn, và quyền tiếp cận các hỗ trợ học thuật và cảm xúc-xã hội, đưa đến kết quả kém hơn nhóm Học sinh Nói chung. Dựa trên Đánh giá Hiệu suất và Tiến độ của Học sinh của California (CAASPP) cho 2022-23, mức phần trăm Thu nhập thấp 44,56% và Vô gia cư 40,47% đã đạt hoặc trên các chuẩn trong môn Ngữ văn Anh (ELA) và Thu nhập thấp 38,31% và Vô gia cư 33,77% đã đạt hoặc trên các mức chuẩn trong môn toán, khi so sánh với nhóm Học sinh Nói chung 58,17% đã đạt hoặc trên các mức chuẩn trong môn toán. Dựa tên Báo cáo Dữ liệu các Trường CA 2023, nhóm Thu nhập thấp đạt mức Cam trong môn Ngữ văn Anh (-16,8 điểm dưới mức chuẩn) và Vàng cho môn Toán (-34,67 điểm dưới mức chuẩn) và nhóm Học sinh Vô gia cư đạt mức Vàng cho môn ELA (-29,4 điểm dưới trung bình) và Vàng cho môn Toán (-45,0 điểm dưới trung bình), thấp hơn so với nhóm Học sinh	Học khu sẽ tiếp tục cung cấp các hỗ trợ toàn diện cho các nhóm học sinh trong Gia đình có Thu nhập thấp và học sinh đang trong tình trạng vô gia cư, bao gồm hỗ trợ học thuật, tài liệu, học cụ, tư vấn, quản lý hồ sơ, và giới thiệu đến các nguồn trợ tại học khu và trong cộng đồng. Hoạt động này sẽ được thực hiện trên căn bản toàn LEA để đảm bảo quyền tiếp cận đến những hỗ trợ xuyên suốt tất cả các trường. Hoạt động này chủ yếu nhắm đến các nhóm học sinh Thu nhập thấp và học sinh đang ở trong trình trạng vô gia cư, phải trải nghiệm qua các rào cản cao hơn trong học tập và đòi hỏi các hỗ trợ bổ sung để cải thiện chuyên cần, tiến độ học thuật, và sự ổn định về tinh thần và thể lực nói chung. Hoạt động này tăng cường và cải thiện các dịch vụ bằng cách cung cấp những hỗ trợ được phối hợp và mở rộng nhằm giải quyết các rào cản về học thuật và không-học thuật cho việc học tập. Quyền tiếp cận đến các tài liệu, học cụ, tư vấ, và quản lý hồ sơ đảm bảo học sinh có những nguồn tài nguyên cần thiết để hoàn toàn tham gia vào hoạt động nhà trường. Các hỗ trợ can thiệp có mục tiêu, giám sát chuyên cần, và chiến lược thu hút sự tham gia đã cải thiện mức chuyên cần, trong lúc việc thực hiện biện pháp Can thiệp và Hỗ trợ	Như đã được đo lường bằng: Báo cáo Dữ liệu các Trường CA – ELA, Toán, Vắng mặt Thường xuyên, Đình chỉ Học tập: M2.7, M2.8, M2.9, M2.10, M2.11, M2.12, M2.13. Tiến độ sẽ được giám sát thông qua các chỉ số trong Báo cáo Dữ liệu các Trường CA và việc tiếp tục xem xét lại thànhh quả của học sinh, mức chuyên cần, và dữ liệu về hành vi cho các nhóm học sinh Thu nhập thấp và vô gia cư.

Mục tiêu & Hoạt động	Nhu cầu đã xác định	Hoạt động đáp ứng (các) nhu cầu ra sao và lý do để áp dụng trên căn bản toàn LEA hoặc toàn trường	Chỉ số giám sát hiệu quả
	Nói chung đạt mức Xanh lá cây cho cả ELA (+15,3 điểm trên mức chuẩn) và Toán (-0.7 điểm dưới mức chuẩn). Vắng mặt Thường xuyên và Đình chỉ Học tập Dựa trên Báo cáo Dữ liệu các Trường CA 2023, nhóm Học sinh trong Gia đình có Thu nhập thấp đạt mức Vàng cho Vắng mặt Thường xuyên (19% vắng mặt thường xuyên) và mức Cam (2.9%), và các nhóm Vô gia cư đạt mức Vàng cho Vắng mặt Thường xuyên (23,4% vắng mặt thường xuyên), và Cam trong Đình chỉ Học tập (14,4% vắng mặt thường xuyên), và Xanh lá cây cho Đình chỉ Học tập (2,0%) Dựa trên Báo cáo Dữ liệu các Trường CA, nhóm học Sinh Vô gia cư tại Spring View đạt mức Đỏ cho ELA (-73,6 điểm dưới mức chuẩn) và Đỏ cho môn Toán (-112,6 điểm dưới mức chuẩn). Tại Mesa View, nhóm học sinh Vô gia cư đạt mức Đỏ cho Vắng mặt Thường xuyên (36,8%). **Phạm vi:** Toàn LEA	Hành vi Tích cực (PBIS), các Biện pháp Hồi phục, và hiểu biết về cảm xúc-xã hội hỗ trợ hành vi tích cự cà giảm đi các sự cố kỷ luật.	

Các Hoạt động có Giới hạn

Cho mỗi hoạt động được cung cấp duy nhất cho một (hay nhiều hơn) nhóm học sinh không trùng lặp, đưa ra một giải thích (1) về (các) nhu cầu đặt biệt đã được xác định của các nhóm không trùng lặp được phục vụ, (2) làm cách nào hoạt động được thiết kế phục vụ các nhu cầu đã được xác định, và (3) sự hữu hiệu của hoạt động trong việc cải thiện các kết quả cho các nhóm học sinh không trùng lặp sẽ được đo lường ra sao.

Mục tiêu và Hoạt động	Nhu cầu đã Xác định	Hoạt động đã được thiết kế để đáp ứng nhu cầu ra sao	Chỉ số để giám sát sự hữu hiệu
2.6	**Hoạt động:** Dịch vụ Học sinh học tiếng Anh **Nhu cầu**: Phản hồi của đối tác giáo dục từ Hội đồng Tham vấn Học sinh học tiếng Anh cấp Học khu (DELAC), cùng với dữ liệu của địa phương và tiểu bang, cho thấy một nhu cầu cải thiện mức thành thạo tiếng Anh, kết quả học thuật, và tỷ lệ tái xác định cho Học sinh học tiếng Anh, cụ thể là các Học sinh học tiếng Anh Dài hạn (LTELs). LTELs tiếp tục có hiệu suất thấp hơn các bạn học chỉ dùng tiếng Anh trong môn Ngữ văn tiếng Anh và có tốc độ tiến triển chậm hơn đến mức thành thạo trong tiếng Anh. CAASPP đã đạt/vượt qua cho 2022-23: ELA Nhóm Học sinh Nói chung: 58,17% Học sinh học tiếng Anh Dài hạn: 4,14% Toán: Nhóm Học sinh Nói chung: 51,40% Học sinh học tiếng Anh Dài hạn: 4,14% Theo Báo cáo Dữ liệu các Trường CA cho 2023 - Toán: Học sinh học tiếng Anh Marine View - Đỏ (-110,3 điểm dưới mức chuẩn) Học khu - Cam (-55,8 điểm dưới mức chuẩn)	Học khu sẽ cải thiện các kết quả cho Học sinh học tiếng Anh, cụ thể là Học sinh học tiếng Anh Dài hạn, đòi hỏi có sự hỗ trợ với mục tiêu và lâu dài để phát triển ngôn ngữ. Học khu sẽ tiếp tục cung cấp chương trình giảng dạy Phát triển Anh Ngữ (ELD) có thiết kế và được tích hợp tập trung vào phát triển vốn từ vựng, ngôn ngữ học thuật, và các kỹ năng đọc hiểu để hỗ trợ việc tiếp cận các nội dung của cấp lớp. Nhân viên được chỉ định sẽ giảng dạy các nhóm nhỏ đã được hướng tới, trong cùng lúc việc đào tạo chuyên môn sẽ củng cố khả năng của giáo viên để áp dụng các chiến lược giảng dạy dựa trên nghiên cứu và được phân hóa, bao gồm giảng dạy nâng đỡ, để đáp ứng các nhu cầu của Els và LTELs và hỗ trợ tiến độ đến việc tái xác định lại.	Như được đo lường bởi: Đánh giá theo CAASPP - Ngữ văn tiếng Anh for cho các nhóm học sinh: Đã đạt/vượt mức chuẩn: M2.5 Báo cáo Dữ liệu các Trường CA – Chỉ số Tiến độ cho Học sinh học tiếng Anh cho Học khu/Trường, và Đánh giá mức Thành thạo Anh ngữ cho California (ELPAC): M2.15, M2.16, 2.17 Đo lường theo Địa phương – Tỷ lệ được tái xác định từ Học sinh học tiếng Anh sang Thành thạo tiếng Anh(RFEP). Tiến độ sẽ được giám sát qua các kết quả ELPAC, dữ liệu ELPI, tỷ lệ được tái xác định, và các đánh giá liên tiếp để bảo đảm mức tăng trưởng trong sự lưu loát

Mục tiêu và Hoạt động	Nhu cầu đã Xác định	Hoạt động đã được thiết kế để đáp ứng nhu cầu ra sao	Chỉ số để giám sát sự hữu hiệu
	Theo Báo cáo Dữ liệu các Trường CA cho 2023 - Vắng mặt Thường xuyên: Học sinh học tiếng Anh Hope View - Đỏ (25%) Mesa View - Đỏ (26,9%) Học khu - Cam (19,8%) Theo Báo cáo Dữ liệu các Trường CA cho 2023 – Đình chỉ học tập: Học sinh học tiếng Anh Marine View - Đỏ (16,9%) Mesa View - Đỏ (26,9%) Học khu - Cam (3,8%) Báo cáo Dữ liệu các Trường CA cho 2023 CA, Chỉ số Thành thạo tiếng Anh (ELPI) là: Học khu - Cam (51,9% đang tiến triển đến mức thành thạo tiếng Anh) Spring View - Đỏ (39% đang tiến triển đến mức thành thạo tiếng Anh) Vista View - Đỏ (44.8%) đang tiến triển đến mức thành thạo tiếng Anh). **Phạm vi:** Giới hạn trong các nhóm Học sinh Không trùng lặp		về ngôn ngữ và thành tựu về học thuật cho Học sinh học tiếng Anh và Học sinh học tiếng Anh Dài-hạn.
2.7	**Hoạt động:** Dịch vụ cho Học sinh Vô gia cư **Nhu cầu:** Phản hồi từ đối tác giáo dục và dữ liệu địa phương cho thấy Trẻ được Chăm sóc Thay thế trải nghiệm nhiều khó khăn với thành tựu học thuật, chuyên cần, và hành vi so với các bạn đồng lứa. Những rào cản cho việc đi lại, không	Học khu sẽ tiếp tục cung cấp sự hỗ trợ tổng quá cho Trẻ được Chăm sóc Thay thế, bao gồm tham vấn, quản lý hồ sơ, giới thiệu, và tiếp cận đến các nguồn tài nguyên để giải quyết các rào cản trong việc học tập. Hoạt động này chủ đích hướng đến nhóm Trẻ được Chăm sóc Thay thế, đang trải nghiệm các rào cản tác động đến sự chuyên cần, tiến độ học thuật, và sự ổn định về mặt tinh thần và thể	Như được đo lường bởi: Báo cáo Dữ liệu các Trường CA ELA, Toán, Vắng mặt Thường xuyên, Đình chỉ Học tập: M2.7, M2.9, M2.11, M2.13

Mục tiêu và Hoạt động	Nhu cầu đã Xác định	Hoạt động đã được thiết kế để đáp ứng nhu cầu ra sao	Chỉ số để giám sát sự hữu hiệu
	có trải nghiệm về môi trường học đường thường xuyên, và các nhu cầu về mặt cảm xúc-xã hội, đưa đến các kết quả thấp hơn, cho thấy một nhu cầu với các hỗ trợ được phối hợp và có mục tiêu. Dựa trên Đánh giá về Hiệu suất Học tập và Tiến độ của Học sinh của CA (CAASPP) cho 2022-2023, số tỷ lệ phần trăm Trẻ được Chăm sóc Thay thế 25,0% đã đạt/vượt mức chuẩn về môn Ngữ văn tiếng Anh (ELA) và 7,69% đã đạt/vượt mức chuẩn trong môn toán, so sánh với nhóm Học sinh Nói chung 58,17% đã đạt/vượt mức chuẩn về ELA và 51,40% đã đạt/vượt trong môn toán. Dựa trên Báo cáo Dữ liệu các Trường CA 2023, nhóm Trẻ được Chăm sóc Thay thế có mức Đỏ về ELA (-75,7 điểm dưới tiêu chuẩn), Cam về Toán (-91,3 điểm dưới tiêu chuẩn) thấp hơn Nhóm Học sinh Nói chung có mức Xanh lá cây về cả ELA (+15,3 điểm trên mức chuẩn) và Toán (-0.7 điểm dưới mức chuẩn). Học sinh được Chăm sóc Thay thế có mức Cam về Vắng mặt Thường xuyên (50,0% vắng mặt thường xuyên), và Đỏ về Đình chỉ Học tập (10,3%) nghĩa là cao hơn nhóm Học sinh Nói chung ở mức Vàng về Vắng mặt Thường xuyên (14,4% vắng mặt thường xuyên), và Cam về Đình chỉ Học tập (2%). **Phạm vi:** Giới hạn trong các nhóm Học sinh Không trùng lặp	chất nói chung. Các biện pháp can thiệp có mục tiêu về mặt học thuật, giảng dạy được phân hóa, và việc phân tích các dữ liệu liên tục sẽ hỗ trợ cải thiện các kết quả học thuật. Sự chuyên cần sẽ được hỗ trợ qua các hệ thống được củng cố để giám sát, việc xác định nguyên nhân gốc đưa đến việc vắng mặt, và tăng cường thu hút sự tham gia với học sinh và gia đình. Các hỗ trợ về hành vi sẽ bao gồm việc áp dụng các Biện pháp Can thiệp và Hỗ trợ Hành vi Tích cực (PBIS), các Biện pháp Khôi phục, và mở rộng các cơ hội học tập về cảm xúc-xã hội và giảm bớt đình chỉ học tập. Hoạt động này tăng cường và cải thiện các dịch vụ bằng cách dung cấp những hỗ trợ được cá nhân hóa và có phối hợp theo các nhu cầu đặc biệt của Học sinh được Chăm sóc Đặc biệt. Mở rộng khả năng tiếp cận đến dịch vụ tham vấn, quản lý hồ sơ và các biện pháp can thiệp có mục tiêu bảo đảm học sinh nhận được sự hỗ trợ liên tục để cải thiện sự chuyên cần, tiến độ học thuật, sự ổn định về tinh thần và thể chất nói chung.	Tiến độ học tập sẽ được giám sát qua các Chỉ Số trong Báo cáo Dữ liệu các Trường CA và việc xem xét liên tục dữ liệu về hiệu suất học tập, mức chuyên cần, và hành vi cho Trẻ được Chăm sóc Thay thế.

Đối với bất kỳ hành động hạn chế nào góp phần đáp ứng yêu cầu về việc tăng cường hoặc cải thiện dịch vụ, liên quan đến Tỷ lệ phần trăm cải thiện dịch vụ dự kiến trong Bảng tóm tắt đóng góp, thay vì chi tiêu quỹ LCFF, hãy mô tả phương pháp luận đã được sử dụng để xác định đóng góp của hành động đó vào tỷ lệ phần trăm tương ứng, nếu có.

Không áp dụng

Ngân sách Tập trung Bổ sung

Phần mô tả kế hoạch ngân sách tập trung bổ sung thêm được xác định ở trên sẽ được dùng ra sao để nâng số nhân viên cung cấp các dịch vụ trực tiếp cho học sinh tại các trường có tỷ lệ tập trung đông (trên 55 phần trăm) trẻ em được chăm sóc thay thế, Học sinh học tiếng Anh, và học sinh trong gia đình có thu nhập thấp, nếu có thể áp dụng được.

Khi thẩm định qua các yêu cầu về học thuật và cảm xúc-xã hội của những nhóm học sinh không trùng lặp tại Học khu Ocean View (OVSD), điều rõ ràng hơn hết là có tỷ số người lớn-học sinh thấp hơn là thiết yếu. Nhà trường nơi các cộng đồng học sinh không trùng lặp vượt trên 55% sẽ có ưu tiên được nhận thêm nhân viên theo các hoạt động 2.2 và 2.4.

Tỷ lệ Nhân viên-Học sinh theo loại trường và mức tập trung của các học sinh không trùng lặp	**Trường với mức tập trung các học sinh không trùng lặp 55% hay thấp hơn**	**Trường có mức tập trung các học sinh không trùng lặp 55% hay nhiều hơn**
Tỷ lệ Nhân viên-Học sinh với nhân viên có chứng chỉ cung cấp các dịch vụ trực tiếp đến học sinh	1:88	1:62
Tỷ lệ Nhân viên-Học sinh với nhân viên có chứng chỉ cung cấp các dịch vụ trực tiếp đến học sinh	1:26	1:24

Bảng Tổng Chi Tiêu Ước tính Năm 2026-2027

Mục tiêu	Hoạt động	Tiêu đề của Hoạt động	Nhóm học sinh	Góp phần tăng cường hoặc cải thiện chất lượng dịch vụ?	Phạm vi	Nhóm học sinh không trùng lặp	Địa điểm	Thời hạn	Tất cả nhân viên	Tất cả nhân viên không thuộc biên chế	Quỹ LCFF	Các quỹ tiểu bang khác	Quỹ địa phương	Quỹ liên bang	Tổng quỹ	Số phần trăm dự tính về các dịch vụ được cải thiện
1	**1.1**	Thu hút. tuyển dụng. và lưu giữ các nhân viên có mức độ hữu hiệu cao	Tất cả	Không			Tất cả các trường	2024-2027	46.216..20.00	0.00	46.216.420.00	0.00	0.00	0.00	46.216.420.00	
1	**1.2**	Các tài liệu giảng dạy dựa trên các mức chuẩn. các đánh giá được xác định theo địa phương. và đào tạo chuyên môn	Tất cả	Không			Tất cả các trường	2024-2027	31.743.00	300.700.00	57.443.00	275.000.00	0.00	0.00	332.443.00	
1	**1.3**	Chương trình THCS tổng quát	Tất cả	Không			Tất cả các trường Các trường cụ thể: Marine View. Mesa View. Spring View. và Vista View	2024-2027	909.532.00	56.026.00	965.558.00	0.00	0.00	0.00	9655.58.0	
1	**1.4**	Phát triển kỹ năng lãnh đạo	Tất cả	Không			Tất cả các trường	2024-2027	0.00	96.251.00	96.251.00	0.00	0.00	0.00	96.251.00	
1	**1.5**	Chương trình đổi mới sáng tạo cho các trường	Tất cả	Không			Các trường cụ thể: Golden View. Harbour View. Lake View. Village View. và Westmont	2024-2027	1.180.196.00	48.572.00	1.228.768.00	0.00	0.00	0.00	1.228.768.00	
1	**1.6**	Các trải nghiệm giáo dục trọn vẹn	Tất cả	Không			Tất cả các trường	2024-2027	759.366.00	23.000.00	782.366.00	0.00	0.00	0.00	782.366.00	
1	**1.7**	Các chương trình giáo dục Năng khiếu và Tài năng (GTạIE)	Tất cả	Không			Tất cả các trường	2024-2027	83.653.00	41.328.00	124.981.00	0.00	0.00	0.00	124.981.00	
2	**2.1**	Ngày Học Kéo Dài (Trên số phút giảng dạy tối thiểu bắt buộc của tiểu bang)	Học sinh học tiếng Anh Trẻ được Chăm sóc Thay thế Thu nhập thấp	Có	Toàn LEA	Học sinh học tiếng Anh Trẻ được Chăm sóc Thay thế	Tất cả các trường	2024-2027	2.400.002.00	0.00	2.400.002.00	0.00	0.00	0.00	2.400.002.00	

Mục tiêu	Hoạt động	Tiêu đề của Hoạt động	Nhóm học sinh	Góp phần tăng cường hoặc cải thiện chất lượng dịch vụ?	Phạm vi	Nhóm học sinh không trùng lặp	Địa điểm	Thời hạn	Tất cả Nhân viên	Tất cả Nhân viên không biên chế	Quỹ LCFF	Quỹ khác của Tiểu bang	Quỹ địa phương	Quỹ liên bang	Tất cả quỹ	Số phần trăm dự tính về các dịch vụ được cải thiện
						Thu nhập thấp										
2	**2.2**	Các chương trình Can thiệp sớm. Ngăn ngừa & Tiếp thu Anh Ngữ	Học sinh học tiếng Anh Trẻ được Chăm sóc Thay thế Thu nhập thấp	Có	Tất cả các trường	Học sinh học tiếng Anh Trẻ được Chăm sóc Thay thế Thu nhập thấp	Các trường cụ thể: Circle View. College View. Golden View. Harbour View. Hope View. Lake View. Oak View. Star View. Village View. và Westmont. Mẫu giáo đến lớp 3	2024-2027	3.500.148.00	0.00	3.500.148.00	0.00	0.00	0.00	3.500.148.00	
2	**2.3**	Hỗ trợ Học thuật	Học sinh học tiếng Anh Trẻ được Chăm sóc Thay thế Thu nhập thấp	Có	Toàn LEA	Học sinh học tiếng Anh Trẻ được Chăm sóc Thay thế Thu nhập thấp	Tất cả các trường	2024-2027	3.779.059.00	0.00	3.779.059.00	0.00	0.00	0.00	3.779.059.00	
2	**2.4**	Hỗ trợ Tích hợp cho Cảm xúc-Xã hội. Chuyên cần. và Hành vi	Học sinh hoc tiếng Anh Trẻ được Chăm sóc Thay thế Thu nhập thấp	Có	Toàn LEA	Học sinh học tiếng Anh Trẻ được Chăm sóc Thay thế Thu nhập thấp	Tất cả các trường	2024-2027	547.512.00	0.00	547.512.00	0.00	0.00	0.00	547.512.00	
2	**2.5**	Khóa học cho Phụ huynh & Thông tin liên lac Thường xuyên giữa Trường và Gia đình	Học sinh học tiếng Anh Trẻ được Chăm sóc Thay thế Thu nhập thấp	Có	Toàn LEA	Học sinh học tiếng Anh Trẻ được Chăm sóc Thay thế Thu nhập thấp	Tất cả các trường	2024-2027	662.533.00	92.000.00	754.533.00	0.00	0.00	0.00	754.53300	

Mục tiêu	Hoạt động	Tiêu đề của Hoạt động	Nhóm học sinh	Góp phần tăng cường hoặc cải thiện chất lượng dịch vụ?	Phạm vi	Nhóm học sinh không trùng lặp	Địa điểm	Thời hạn	Tất cả Nhân viên	Tất cả Nhân viên không biên chế	Quỹ LCFF	Quỹ khác của Tiểu bang	Quỹ địa phương	Quỹ liên bang	Tất cả quỹ	Số phần trăm dự tính về các dịch vụ được cải thiện
2	**2.6**	Dịch vụ cho Học sinh học tiếng Anh	Học sinh học tiếng Anh	Có	Giới hạn cho các nhóm Học sinh Không trùng lặp	Học sinh học tiếng Anh	Trường cụ thê: Học sinh học tiếng Anh tại Hope View mức Đỏ về Vắng mặt Thường xuyên (30.3%). Học sinh học tiếng Anh tại Golden View mức Đỏ về ELA (82.9 điểm dưới mức chuẩn). College View mức Đỏ (28.1% Có tiến triển đến mức thành thạo Anh ngữ) và Oak View mức Đỏ (42.6% Đang tiến triển đến mức thành thạo Anh ngữ).	2024-2027	28.000.00	7.000.00	35.000.00	0.00	0.00	0.00	35.000.00	
2	**2.7**	Các dịch vụ dành cho Trẻ được Chăm sóc Thay thế	Trẻ được Chăm sóc Thay thế	Có	Giới hạn chỉ trong các nhóm Học sinh Không trùng lặp	Trẻ được Chăm sóc Thay thế	Tất cả các trường	2024-2027	23.784.00	10.000.00	33.784.00	0.00	0.00	0.00	33.784.00	

Mục tiêu	Hoạt động	Tiêu đề của Hoạt động	Nhóm học sinh	Góp phần Tăng cường hoặc Cải thiện dịch vụ?	Phạm vi	Nhóm Học sinh KHông trùng lặp	Địa điểm	Thời hạn	Tất cả Nhân viên	Tất cả Nhân viên không biên chế	Quỹ LCFF	Quỹ khác của Tiểu bang	Quỹ địa phương	Quỹ liên bang	Tất cả quỹ	Số phần trăm dự tính về các dịch vụ được cải thiện

2	**2.8**	Dịch vụ cho Thu nhập thấp/Homeless	Thu nhập thấp	Có	Toàn LEA	Thu nhập thấp	Trường cụ thể: Nhóm Học sinh Vô gia cư tại tại Westmont mức Đỏ về vắng mặt thường xuyên (25.5%). TK-lớp 5	2024-2027	6.500.00	5.000.00	11.500.00	0.00	0.00	0.00	11.500.00	
3	**3.1**	Quy trình An toàn	Tất cả	Không			Tất cả các trường	2024-2027	630.288.00	8.000.00	638.288.00	0.00	0.00	0.00	638.288.00	
3	**3.2**	Hỗ trợ Không khí Học đường	Tất cả	Không			Tất cả các trường	2024-2027	200.766.00	5.300.00	35.431.00	170.635.00	0.00	0.00	206.066.00	
3	**3.3**	Kết nối với Gia đình & Kiến thứ về Cộng đồng	Tất cả	Không			Tất cả các trường	2024-2027	225.101.00	165.564.00	384.601.00	6.064.00	0.00	0.00	390.665.00	
3	**3.4**	Quan hệ Đối tác giữa Ban lãnh đạo & Lao động (PAL)	Tất cả	Không			Tất cả các trường	2024-2027	30.000.00	11.220.00	41.220.00	0.00	0.00	0.00	41.220.00	
3	**3.5**	Các Quan hệ Đối tác bên Trong và Ngoài	Tất cả	Không			Tất cả các trường	2024-2027	0.00	5.000.00	5.000.00	0.00	0.00	0.00	5.000.00	

Bảng các Hoạt động Đóng góp 2026-27

1. Ngân sách LCFF Cơ bản được Ước tínhk	2. Quỹ LCFF Bổ sung và/hay Tập trung được Ước tính	3. Phần trăm được Ước tính để Tăng cường hoặc Cải thiện các Dịch vụ cho Năm học tới (2 chia cho 1)	Khoản LCFF dư — Phần trăm (Phần trăm từ năm trước)	Tổng số Phần trăm để Tăng cường hoặc Cải thiện các Dịch vụ cho Năm học tới (3 + % Khoản dư)	4. Tổng số Chi phí Đóng góp đã lên kế hoạch (Quỹ LCFF)	5. Phần trăm các Dịch vụ được Cải thiện đã Hoạch định (%)	Phần trăm đã Hoạch định để Tăng cường hoặc Cải thiện các Dịch vụ cho Năm học tới (4 chia cho 1. cộng 5)	Tổng số bằng Thể loại	Tổng số Quỹ LCFF
72.929.301	10.267.750	14,079%	0,000%	14,079%	11.061.538,00	0,000%	15,167 %	**Tổng số:**	11.061.538,00
								Tổng số cho toàn LEA:	7.492.606,00
								Tổng số được Giới hạn:	68.784,00
								Tổng số cho toàn trường:	3.500.148,00

Mục tiêu	Hoạt động	Tiêu đề của Hoạt động	Đóng góp vào các Dịch vụ được Tăng cường hay Cải thiện?	Phạm vi	Nhóm Học sinh Không trùng lặp	Địa điểm	Phần Chi phí đã Hoạch định cho các Hoạt động Đóng góp (Quỹ LCFF)	Phần trăm các Dịch vụ được Cải thiện đã Hoạch định (%)
2	**2.1**	Ngày Học Kéo Dài (Ngoài số phút giảng dạy tối thiểu bắt buộc bởi tiểu bang)	Có	Toàn LEA	Học sinh học tiếng Anh Trẻ được Chăm sóc Thay thế Thu nhập thấp	Tất cả các Trường	2.400.002,00	
2	**2.2**	Các chương trình Can thiệp sớm, Ngăn ngừa & Tiếp thu Anh ngữ	Có	Toàn trường	Học sinh học tiếng Anh Trẻ được Chăm sóc Thay thế Thu nhập thấp	Trường cụ thể: Circle View. College View. Golden View. Harbour View. Hope View. Lake View. Oak View. Star View. Village View. và Westmont. K đến lớp 3	3.500.148,00	

2	**2.3**	Các Hỗ trợ Học thuật	Có	Toàn LEA	Học sinh học tiếng Anh Trẻ được Chăm sóc Thay thế Thu nhập thấp	Tất cả các Trường	3.779.059,00	
Mục tiêu	**Hoạt động**	**Tiêu đề của Hoạt động**	**Đóng góp vào các Dịch vụ được Tăng cường hay Cải thiện?**	**Phạm vi**	**Nhóm Học sinh Không trùng lặp**	**Địa điểm**	**Phần Chi phí đã Hoạch định cho các Hoạt động Đóng góp (Quỹ LCFF)**	**Phần trăm các Dịch vụ được Cải thiện đã Hoạch định (%)**
2	**2.4**	Hỗ trợ Tích hợp cho Cảm xúc-Xã hội, Chuyên cần, và Hành vi	Có	Toàn LEA	Học sinh học tiếng Anh Trẻ được Chăm sóc Thay thế Thu nhập thấp	Tất cả các Trường	547.512,00	
2	**2.5**	Khóa học cho Phụ huynh & Thông tin Liên lạc Thường xuyên giữa Trường và Gia đình	Có	Toàn LEA	Học sinh học tiếng Anh Trẻ được Chăm sóc Thay thế Thu nhập thấp	Tất cả các Trường	754.533,00	
2	**2.6**	Dịch vụ cho Học sinh học tiếng Anh	Có	Giới hạn trong Nhóm Học sinh Không trùng lặp	Học sinh học tiếng Anh	Trường cụ thể: Học sinh học tiếng Anh at Hope View scored Red in Chronic Absenteeism (30.3%). Học sinh học tiếng Anh tại Golden View có mức Đỏ về ELA (82.9 điểm dưới mức chuẩn). College View có mức Đỏ (28.1% đang có tiến triển đến mức tiếng Anh thành thạo) và Oak View có mức Đỏ (42.6% đang tiến triển đến mức tiếng Anh thành thạo).	35.000,00	
2	**2.7**	Services for Trẻ được Chăm sóc Thay thế	Có	Limited to Nhóm Học sinh Không trùng lặp	Trẻ được Chăm sóc Thay thế	Tất cả các Trường	33.784,00	

2	**2.8**	Dịch vụ cho Thu nhập thấp/Vô gia cư	Có	Toàn LEA	Thu nhập thấp	Trường cụ thể: Nhóm học sinh Westmont có mức Đỏ về Vắng mặt Thường xuyên (25.5%). TK-lớp 5	11.500,00	

Bảng Cập nhật Hàng năm 2025-26

Tổng số	Tổng số Chi phí đã lên kế hoạch của Năm trước (Tổng số quỹ)	Tổng số Chi phí Ước đoán (Tổng số quỹ)
Tổng số	63.444.473,00	61.653.635,00

Mục tiêu Năm trước	Hoạt động của Năm trước	Hoạt động Trước đây/Tiêu đề của Dịch vụ	Đã đóng góp vào việc Tăng cường hoặc Cải thiện Dịch vụ	Chi phí đã lên kế hoạch của Năm trước (Tổng số quỹ)	Chi phí Thực tế Ước tính (Nhập Tổng số quỹ)
1	**1.1**	Thu hút, Tuyển dụng, và Lưu giữ Nhân viên có Hữu hiệu cao	Không	48.660.550,00	46.821.093,00
1	**1.2**	Tài liệu giảng dạy dựa trên các mức chuẩn. Đánh giá theo địa phương, và Đào tạo Chuyên môn	Không	57.443,00	172.433,00
1	**1.3**	Chương trình THCS Tổng quát	Không	714.099,00	712.026,00
1	**1.4**	Phát triển Kỹ năng Lãnh đạo	Không	96.251,00	32.278,00
1	**1.5**	Chương trình và Trường học Đổi mới và Sáng tạo	Không	1.034.120,00	1.176.788,00
1	**1.6**	Trải nghiệm Giáo dục Trọn vẹn	Không	762.755,00	770.226,00
1	**1.7**	Chương trình Năng Khiếu và Tài Năng (GATE)	Không	124.981,00	123.886,00

2	**2.1**	Ngày Học Kéo Dài (Ngoài số phút tối thiểu bắt buộc bởi tiểu bang)	Có	2.400.002,00	2.400.002,00
2	**2.2**	Các chương trình Can thiệp sớm, Ngăn ngừa & Tiếp thu Anh ngữ	Có	3.500.148,00	3.500.148,00
2	**2.3**	Hỗ trợ Học thuật (Đào tạo Chuyên môn)	Có	3.779.059,00	3.779.059,00
2	**2.4**	Hỗ trợ Cảm xúc-Xã hội	Có	523.083,00	541.704,00

Mục tiêu Năm trước	Hoạt động của Năm trước	Hoạt động Trước đây/Tiêu đề của Dịch vụ	Đã đóng góp vào việc Tăng cường hoặc Cải thiện Dịch vụ	Chi phí đã lên kế hoạch của Năm trước (Tổng số quỹ)	Chi phí Thực tế Ước tính (Input Tổng số quỹ)
2	**2.5**	Khóa học cho Phụ huynh & Thông tin Liên lạc Thường xuyên giữa Trường và Gia đình	Có	657.164,00	679.091,00
2	**2.6**	Cung cấp các Dịc vụ cho Học sinh học tiếng Anh	Có	35.000,00	6.262,00
2	**2.7**	Các dịch vụ cho Trẻ được Chăm sóc Thay thế	Có	16.500,00	11.307,00
2	**2.8**	Các dịch vụ cho Thu nhập thấp/Vô gia cư	Có	11.500,00	11.500,00
3	**3.1**	Quy trình An toàn	Không	620.968,00	618.496,00
3	**3.2**	Hỗ trợ Không khí Học đường	Không	35.431,00	19.987,00
3	**3.3**	Kết nối với Gia đình & Kiến thức về Cộng đồng	Không	384.419,00	259.194,00
3	**3.4**	Quan hệ Đối tác giữa Ban Quản lý và Lao động (PAL)	Không	10.000,00	13.642,00
3	**3.5**	Các Quan hệ Đối tác Nội bộ và Bên ngoài	Không	5.000,00	4.513,00

3	**3.6**	Chủ động Hỗ trợ Hành vi của Học sinh	Không	16.000,00	0

Bảng Hoạt động Đóng góp Cập nhật 2025-26

6. Quỹ LCFF Bổ sung và/hay Tập trung Ước tính (Nhập số Đô-la)	4. Tổng số Chi phí Đóng Góp đã lên kế hoạch (Quỹ LCFF)	7. Tổng số Chi phí Ước tính cho các Hoạt động (Quỹ LCFF)	Khác biệt giữa Chi phí đã lên kế hoạch và Ước tính cho các Hoạt động Đóng góp (Lấy 4 trừ 7)	5. Tổng số Phần trăm đã Hoạch định của các Dịch vụ được Cải thiện (%)	8. Tổng số Phần trăm được Ước tính của các Dịch vụ đã Cải thiện (%)	Khác biệt giữa Phần trăm đã lên kế hoạch và Ước tính của các Dịch vụ đã Cải thiện (Lấy 8 trừ 5)
10.066.860,00	10.922.456,00	10.929.073,00	(6.617,00)	0,000%	0,000%	0,000%

Mục tiêu của Năm trước	Hoạt động của Năm trước	Hoạt động Trước đây/Tiêu đề của Dịch vụ	Đóng góp vào các Dịch vụ đã được Tăng cường hoặc Cải thiện?	Chi phí đã lên kế hoạch cho các Hoạt động Đóng góp của Năm trước (Quỹ LCFF)	Chi phí Thực tế được Ước tính cho các Hoạt động Đóng Góp (Nhập Quỹ LCFF)	Phần trăm đã lên kế hoạch của các Dịch vụ đã Cải thiện	Phần trăm Thật sự được ước tính (Nhập số phần trăm)
2	**2.1**	Extended School Day (Above Ngày Học Kéo Dài (Ngoài số phút tối thiểu bắt buộc bởi tiểu bang)	Có	2.400.002,00	2.400.002,00		
2	**2.2**	Các chương trình Can thiệp sớm, Ngăn ngừa & Tiếp thu Anh ngữ	Có	3.500.148,00	3.500.148,00		
2	**2.3**	Hỗ trợ Học thuật (Đào tạo Chuyên môn)	Có	3.779.059,00	3.779,059		
2	**2.4**	Hỗ trợ Cảm xúc-Xã hội	Có	523.083,00	541.704,00		
2	**2.5**	Khóa học cho Phụ huynh & Thông tin Liên lạc Thường xuyên giữa Trường và Gia đình	Có	657.164,00	679.091,00		
2	**2.6**	Cung cấp các Dịc vụ cho Học sinh học tiếng Anh	Có	35.000,00	6.262,00		
2	**2.7**	Các dịch vụ cho Trẻ được Chăm sóc Thay thế	Có	16.500,00	11.307,00		
2	**2.8**	Các dịch vụ cho Thu nhập thấp/Vô gia cư	Có	11.500,00	11.500,00		

Bảng Quỹ LCFF Dư 2025-26

9. Ước tính khoản trợ cấp cơ bản thực tế của LCFF (Nhập số tiền bằng Đô la)	6. Ước tính thực tế các khoản tài trợ bổ sung và/hoặc tập trung của LCFF	Quỹ dư LCFF — Phần trăm (Phần trăm từ Năm trước)	10. Tổng số phần trăm cho các dịch vụ được tăng cường hoặc cải thiện cho Năm học hiện tại (lấy 6 chia cho 9 + % Dư)	7. Tổng chi phí thực tế ước tính cho các hoạt động đóng góp (Quỹ LCFF)	8. Tổng tỷ lệ phần trăm ước tính thực tế về mức độ cải thiện dịch vụ (%)	11. Tỷ lệ phần trăm ước tính thực tế về các dịch vụ đã tăng trưởng hoặc cải thiện (lấy 7 chia cho 9. Cộng 8)	12. Quỹ dư LCFF — Số Đo-la (lấy 10 trừ 11 và nhân cho 9)	13. Quỹ dư LCFF — Phần trăm (lấy 12 chia cho 9)
70.758.516,00	10.066.860,00	0,000%	14.227%	10.929.0730,0	0,000%	15,446%	0,00	0,000%